

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1898 /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội Thí điểm phổ cập giáo dục
mầm non đối với trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại một số tỉnh, thành phố**

Kính gửi: Chính phủ

(Gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện Nghị quyết số 674/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chương trình công tác năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Công văn số 8173/VPCP-KGVX ngày 06/12/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh Chương trình công tác năm 2022 của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xin trình Chính phủ Đề nghị Quốc hội xây dựng Nghị quyết thí điểm phổ cập giáo dục mầm non đối với trẻ em mẫu giáo tại một số tỉnh, thành phố như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đề ra mục tiêu: “*Hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và miễn học phí trước năm 2020. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục*”.

Luật Giáo dục (Điều 14) quy định: “Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi”; Điều 23 quy định: “Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi; Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một”.

Luật Trẻ em (Điều 15 - 19) quy định: “Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện; Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh; (Điều 44): “Nhà nước có chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được đi học,

giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học; có chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận giáo dục phổ cập, giáo dục hòa nhập, để trẻ em trong độ tuổi được giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ”.

Kết luận số 51-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: *"Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, nhất là PCGDMNTNT, tiến tới phổ cập GDMN cho trẻ dưới 5 tuổi"*.

Quyết định số 1983/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI - Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, yêu cầu “phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo” và giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng “đề án phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo”.

Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” đã đề ra mục tiêu đến năm 2025 cả nước có 70% các tỉnh hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo và đến năm 2030 cả nước phấn đấu 100% các tỉnh hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo.

Nghị quyết số 99/2021/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025: “Giao cho Bộ GDĐT xây dựng Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3-4 tuổi) và duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo; trình Chính phủ vào năm 2022”.

Có thể khẳng định rằng, định hướng về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi (PCGDMNTEMG) đã được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Chính phủ. Riêng về Luật Giáo dục năm 2019, do công tác PCGDMNTEMG cần có nguồn lực và cách thức triển khai thận trọng, khả thi nên trong Luật chỉ mới quy định phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi (mặc dù nhiệm vụ này đã được hoàn thành từ năm 2017). Vì vậy, đây là thời gian phù hợp để triển khai thí điểm 3 năm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, sau 3 năm triển khai sẽ tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất với Quốc hội sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ quan trọng này vào Luật Giáo dục năm 2019 (Luật số 43/2019) để triển khai trên phạm vi cả nước.

Mặt khác, để bảo đảm “chất lượng - công bằng - hòa nhập” trong GDMN đối với trẻ em mẫu giáo khi triển khai thí điểm công tác phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, đáp ứng mục tiêu đặt ra, rất cần phải có một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội theo quy định tại Khoản 2

Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, đó là "Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành". Như vậy, cần thiết phải có Nghị quyết của Quốc hội mới đủ căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi.

2. Căn cứ khoa học và kinh nghiệm quốc tế về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo

2.1. Căn cứ khoa học

Các nghiên cứu về giáo dục mầm non (GDMN) trên thế giới đều có chung kết luận rằng đảm bảo tiếp cận công bằng với GDMN có chất lượng là một trong những khoản đầu tư quan trọng nhất của xã hội để giúp trẻ em xây dựng nền tảng vững chắc cho học tập suốt đời và trường học là một trong những môi trường quan trọng nhất để tạo cơ hội bình đẳng cho mọi trẻ em. Cụ thể như sau:

- GDMN cho trẻ mẫu giáo giúp trẻ sẵn sàng vào lớp một, nâng cao kết quả học tập ở các bậc học tiếp nối, với tỷ lệ chuyên cần cao hơn, đạt kết quả học tập tốt hơn và ít có khả năng lưu ban, bỏ học, nâng cao trình độ học vấn nói chung, cải thiện sức khỏe và kết quả làm việc suốt đời. Với tác động tích cực kéo dài suốt cuộc đời của trẻ em, gia đình và xã hội; các nghiên cứu khoa học và thực tiễn trên thế giới chứng minh rằng tăng tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ mẫu giáo sẽ tăng hiệu quả của đầu tư vào tất cả các bậc học sau, giảm gánh nặng lên hệ thống giáo dục phổ thông. Trẻ em độ tuổi mẫu giáo (3-5 tuổi) ra lớp là phù hợp nhu cầu học tập, giao tiếp và phát triển. Trẻ chỉ được phát triển toàn diện khi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo khoa học; được tiếp xúc, trải nghiệm với bạn bè cùng độ tuổi.

- Đối với các quốc gia, việc không đầu tư vào giai đoạn đầu đời sẽ khiến trẻ em có sức khỏe kém hơn, ít kỹ năng học tập hơn và giảm thu nhập tiềm năng trong tương lai. Việc này còn dẫn tới một nền kinh tế yếu hơn và gia tăng gánh nặng lên các hệ thống y tế, giáo dục và phúc lợi. Đó là vòng luẩn quẩn bất lợi trải qua nhiều thế hệ, gây cản trở cho sự tăng trưởng công bằng và thịnh vượng. Đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em nhóm yếu thế, không đầu tư vào giai đoạn đầu đời sẽ phải trả giá bằng việc mất đi những tiềm năng trong tương lai¹.

- Ở các nước phát triển cũng như nước đang phát triển, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn là đối tượng được hưởng lợi nhiều nhất từ việc tiếp cận GDMN chất lượng. Với môi trường GDMN có chất lượng, kỹ năng về ngôn ngữ, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm, tâm lý sẽ được phát huy đầy đủ; nếu trẻ ở nhà, đặc biệt là trẻ từ gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn, môi trường phát triển bị hạn chế, cha mẹ trẻ phải ở nhà trông trẻ hoặc gửi cho ông bà khi điều kiện sức khỏe, nhận thức thiếu hụt là thiệt thòi lớn cho trẻ.

2.2. Kinh nghiệm quốc tế

¹ Báo cáo giai đoạn đầu đời rất quan trọng của Unicef (Nguồn https://vietnam.un.org/sites/default/files/2019-08/EarlyMomentsMatter_Summary_VN.pdf). Trẻ em không được chăm sóc dinh dưỡng, giáo dục để phát triển não bộ có thể giảm thu nhập trong tương lai tới 25%.

Việc thực hiện PCGDMNTEMG đã được triển khai thực hiện ở các nước với những điều kiện kinh tế xã hội khác nhau. Có thể tổng hợp kinh nghiệm quốc tế trong PCGDMNTEMG cụ thể, như sau:

Thứ nhất, về chủ trương PCGDMNTEMG: Trong khu vực châu Á, tỷ lệ tiếp cận GDMN chất lượng cao cho trẻ em mẫu giáo 3-6 tuổi tại Singapore đã đạt trên 90% tại tất cả các độ tuổi. Trên thế giới, các quốc gia như Hàn Quốc, Đan Mạch, Pháp, Hà Lan, Anh, Na Uy đều có tỷ lệ ra lớp của trẻ MG 3-5 tuổi từ 96% đến 100%, và một số quốc gia đang phát triển như Jamaica có tỷ lệ tiếp cận GDMN cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi xấp xỉ 99%. Tại Nhật Bản, bắt đầu từ tháng 10/2019, Chính phủ cung cấp giáo dục mầm non công lập miễn phí cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Kể từ năm 2010, Trung Quốc đã ban hành Kế hoạch Quốc gia về Cải cách và Phát triển Giáo dục Trung và Dài hạn (2010-2020) và các văn bản chỉ đạo bởi Hội đồng Nhà nước đặt mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2020²; năm 2019 Trung Quốc ban hành Kế hoạch Hiện đại hóa Giáo dục và cam kết đạt được mục tiêu phổ cập GDMN có chất lượng cho mọi trẻ em độ tuổi mẫu giáo³.

Thứ hai, về chính sách: Các quốc gia, vùng lãnh thổ có chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo tốt nhất đều có các chính sách phù hợp để hỗ trợ trẻ mẫu giáo⁴, không phân biệt trẻ học tại cơ sở GDMN công lập hay ngoài công lập. Các

² Trung Quốc, Hội đồng Nhà nước 2010a, 2010b.

³ Từ năm 2018, Trung Quốc đã đặt mục tiêu phổ cập GDMN có chất lượng, công bằng, bình đẳng, đảm bảo 80% trẻ từ 3 đến dưới 6 tuổi được tiếp cận với các cơ sở GDMN công lập và tư thục với mức học phí phù hợp (dưới một ngưỡng theo quy định). Tại Đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, nơi 100% trẻ em mẫu giáo được ra lớp, chương trình Mẫu giáo Chất lượng và Miễn phí cung cấp khoản trợ cấp cố định hàng năm dưới dạng phiếu thưởng có thể chi trả tới 100% học phí cũng như một khoản cố định cho chi phí liên quan đến trường học, không phân biệt loại hình trường công lập, cộng đồng hay tư thục. Trong khối ASEAN, Malaysia đã có những đổi mới chính sách mạnh mẽ để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và tăng cường tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ 3, 4 tuổi, bao gồm hỗ trợ trực tiếp trên đầu trẻ, không phân biệt loại hình cơ sở GDMN. Chính phủ hỗ trợ 113 đô la Mỹ mỗi tháng cho các gia đình có thu nhập thấp, có con đang theo học tại các trường mầm non tư thục. Chính phủ cũng cung cấp bữa ăn miễn phí cho tất cả trẻ theo học tại các trường mầm non công lập (PADU, 2020).

Vương quốc Anh, Jamaica, Đan Mạch, Na Uy, hay Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, đều đưa ra những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt và một cơ chế đánh giá, giám sát, công nhận phổ cập chặt chẽ. Là một trong những quốc gia phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo từ rất sớm, Na Uy đã yêu cầu quá trình phổ cập GDMN chất lượng cao đi cùng với các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt, bao gồm đưa ra các yêu cầu áp dụng đối với giáo viên, chương trình giảng dạy quốc gia, cơ sở GDMN và Khung phổ cập giáo dục mầm non. Tiếp theo, tới năm 2005, Na Uy đã ban hành Đạo luật GDMN mới, bao gồm các quy định nghiêm ngặt về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên chăm sóc trẻ, và hoạt động của các cơ sở GDMN, đồng thời đưa ra sáng kiến tuyển dụng 5 năm cũng như các quy định mới về đào tạo giáo viên. Đạo luật này đi kèm với các mục tiêu và tiêu chuẩn phổ cập mới, với việc Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn quốc gia về theo dõi, thanh tra để hỗ trợ các tỉnh, thành phố và các sở giáo dục địa phương hoàn thành vai trò giám sát của mình.

⁴ Tại các quốc gia có thu nhập cao, ví dụ như Na Uy (tỷ lệ tiếp cận GDMN cho trẻ mẫu giáo đạt 97%), Ở Na Uy, nơi 97% trẻ từ 3 đến 5 tuổi theo học tại các trường mẫu giáo, chính phủ có chương trình hỗ trợ học phí và chi phí học tập cho trẻ mẫu giáo, không phân biệt trẻ học tại trường công lập hay ngoài công lập, đảm bảo rằng các gia đình có thu nhập thấp chỉ phải trả tối đa 6% thu nhập hàng năm của hộ gia đình cho một trẻ đi học mẫu giáo.

Theo kinh nghiệm quốc tế và các nghiên cứu đơn và liên ngành khác nhau, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, có trình độ, tâm huyết, là nhân tố cốt yếu để đảm bảo chất lượng phổ cập GDMN, và các quốc gia thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo đã đưa ra các chính sách ưu tiên nhằm phát triển, thu hút, chuẩn bị, hỗ trợ và giữ chân đội ngũ. Chất lượng đội ngũ, đặc biệt là giáo viên, là một trong những yếu tố dự báo quan trọng nhất về chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ, kết quả đầu ra của trẻ, và chất lượng phổ cập. Giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường tâm lý và thể chất tích cực cho việc học tập; trong đó giáo viên giúp định hình kết quả giáo dục và thái độ của trẻ đối với giáo dục thông qua các kỹ năng và động cơ thúc đẩy trẻ.

Một ví dụ điển hình trong khu vực châu Á về bồi dưỡng, phát triển và giữ chân đội ngũ đến từ Trung Quốc. Đạt ra mục tiêu tăng cường tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ mẫu giáo, bắt đầu từ giữa những năm 1990, chính phủ

quốc gia còn đưa ra các gói chính sách khuyến khích nhằm hỗ trợ cơ sở GDMN ngoài công lập tiếp nhận trẻ và đảm bảo chất lượng trong chăm sóc, nuôi dạy trẻ mẫu giáo từ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đặc biệt khó khăn (trẻ khuyết tật, các nhóm dân tộc thiểu số, hoặc các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khác như con em các gia đình lao động thu nhập thấp). Trong khối ASEAN, Malaysia đã có những đổi mới chính sách mạnh mẽ để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và tăng cường tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ 3 tuổi, 4 tuổi, bao gồm hỗ trợ trực tiếp trên đầu trẻ, không phân biệt loại hình cơ sở GDMN. Chính phủ hỗ trợ 113 đô la Mỹ mỗi tháng cho các gia đình có thu nhập thấp, có con đang theo học tại các trường mầm non tư thục. Chính phủ cũng cung cấp bữa ăn miễn phí cho tất cả trẻ theo học tại các trường mầm non công lập (PADU, 2020).

Thứ ba, về đội ngũ và chính sách hỗ trợ đội ngũ: Theo kinh nghiệm quốc tế và các nghiên cứu đơn và liên ngành khác nhau, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, có trình độ, tâm huyết, là nhân tố cốt yếu để đảm bảo chất lượng phổ cập GDMN, và các quốc gia thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo đã đưa ra các chính sách ưu tiên nhằm phát triển, thu hút, chuẩn bị, hỗ trợ và giữ chân đội ngũ⁵. Chất lượng đội ngũ, đặc biệt là giáo viên, là một trong những yếu tố dự báo quan trọng nhất về chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ, kết quả đầu ra của trẻ, và chất lượng phổ cập. Giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, đóng vai trò vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường tâm lý và thể chất tích cực cho việc học tập; trong đó giáo viên giúp định hình kết quả giáo dục và thái độ của trẻ đối với giáo dục thông qua các kỹ năng và động cơ thúc đẩy trẻ.

Thứ tư, hầu hết các quốc gia thành công trong quá trình triển khai phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo đều có hệ thống đảm bảo chất lượng, theo dõi, đánh giá, giám sát và công nhận phổ cập chặt chẽ, kết hợp thanh tra chính thức với các hình thức giám sát khác như tự đánh giá và đánh giá ngoài. Vương quốc Anh, Jamaica, Đan Mạch, Na Uy, hay Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, đều đưa ra những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt và cơ chế đánh giá, giám sát, công nhận phổ cập chặt chẽ, đi kèm với các mục tiêu và tiêu chuẩn phổ cập mới, với việc Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn chung về theo dõi, thanh tra để hỗ trợ các tỉnh, thành phố, các sở giáo dục địa phương hoàn thành vai trò giám sát của mình.⁶

Đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, đã phân bổ thêm 163 triệu đô la Hồng Kông trong vòng 4 năm (chiếm gần 40% ngân sách hàng năm) để đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo, cấp chứng chỉ cho giáo viên đang tham gia giảng dạy và thực hiện chương trình trợ cấp của chính phủ, để cho phép các trường mẫu giáo tăng lương cho giáo viên đã qua đào tạo mà không cần phải tăng đáng kể chi phí phụ huynh phải trả.

⁵ Một ví dụ điển hình trong khu vực châu Á về bồi dưỡng, phát triển và giữ chân đội ngũ đến từ Trung Quốc. Đặt ra mục tiêu tăng cường tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ mẫu giáo, bắt đầu từ giữa những năm 1990, chính phủ Đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, đã phân bổ thêm 163 triệu đô la Hồng Kông trong vòng 4 năm (chiếm gần 40% ngân sách hàng năm) để đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo, cấp chứng chỉ cho giáo viên đang tham gia giảng dạy và thực hiện chương trình trợ cấp của chính phủ, để cho phép các trường mẫu giáo tăng lương cho giáo viên đã qua đào tạo mà không cần phải tăng đáng kể chi phí phụ huynh phải trả.

⁶ Là một trong những quốc gia phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo từ rất sớm, Na Uy đã yêu cầu quá trình phổ cập GDMN chất lượng cao đi cùng với các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt, bao gồm đưa ra các yêu cầu áp dụng đối với giáo viên, chương trình giảng dạy quốc gia, cơ sở GDMN và Khung phổ cập giáo dục mầm non. Đạo luật GDMN của Na Uy ban hành năm 2005 bao gồm các quy định nghiêm ngặt về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên chăm sóc trẻ, và hoạt động của các cơ sở GDMN, đồng thời đưa ra sáng kiến tuyển dụng 5 năm cũng như các quy định mới về đào tạo giáo viên.

Như vậy, nhiều nước trên thế giới đã quan tâm thực hiện PCGDMNTMG. Việt Nam thí điểm thực hiện PCGDMNTMG tại một số tỉnh, thành phố vừa góp phần thúc đẩy thực hiện công ước Quốc tế về Quyền trẻ em mà Việt Nam đã kí cam kết, vừa không vi phạm bất kỳ một đạo Luật, cam kết Quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời, là một bước khẳng định sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện Quyền của trẻ em, giúp giữ ổn định ngành và tạo dựng sự yên tâm, tin tưởng đối với cha mẹ, cộng đồng. Do đó, để việc thực hiện PCGDMNTMG đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội là hết sức cần thiết.

3. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển GDMN, trong thời gian qua, GDMN đã nỗ lực phấn đấu và đạt được nhiều thành tựu. Mạng lưới cơ sở GDMN phát triển rộng, khắp đến tất cả các xã phường, thôn bản trên cả nước, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ đến trường.

Hàng năm, có trên 5,3 triệu trẻ mầm non được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại trên 15.000 trường mầm non và trên 16.000 cơ sở độc lập, tỷ lệ trường mầm non ngoài công lập chiếm 21,3%, tỷ lệ trẻ em ngoài công lập chiếm 23,2%; toàn quốc có 54.1% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Giáo dục mầm non đã từng bước vượt qua khó khăn, phát triển khá toàn diện về quy mô, mạng lưới trường lớp, các điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ; chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên, đặc biệt là trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đã được chuẩn bị tốt các điều kiện sẵn sàng vào học lớp một; trẻ em vùng miền núi, dân tộc thiểu số được chuẩn bị về tiếng Việt và được hỗ trợ ăn trưa nên tỷ lệ ra lớp cao, bảo đảm chuyên cần; việc thực hiện công bằng trong giáo dục từng bước được bảo đảm.

Đặc biệt, việc thực hiện thành công các mục tiêu cơ bản của Đề án PCGDMNTNT đã thu hút được một nguồn lực lớn đầu tư xây dựng trường lớp, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở các địa phương; cơ sở vật chất được tăng cường theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, trẻ mẫu giáo 5 tuổi được chuẩn bị kỹ năng, tâm lý sẵn sàng vào học lớp một.

Hiện tại, 63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành các mục tiêu PCGDMNTNT. Kết quả thực hiện PCGDMNTNT có tác dụng tốt đối với sự phát triển của trẻ (chuẩn bị tốt vào lớp một), đồng thời tạo sự an tâm, tin tưởng của cha mẹ trẻ và cộng đồng đối với GDMN.

Tuy nhiên, GDMN vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức lớn. Những khó khăn, thách thức cơ bản của GDMN đã được nhận diện, cụ thể như sau:

Một là: còn một số lượng khá lớn trẻ em mẫu giáo 3,4 tuổi (chủ yếu là trẻ em ở vùng khó khăn, trẻ em đối tượng yếu thế) chưa được tiếp cận với giáo dục mầm non tạo sự mất công bằng trong tiếp cận giáo dục và thiệt thòi cho các em.

Tại một số địa phương, tỷ lệ tiếp cận GDMN của trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi còn thấp và có sự chênh lệch tiếp cận giữa xã, huyện trong một đơn vị cấp tỉnh. Hiện nay có khoảng trên 300 ngàn trẻ em mẫu giáo chưa được đến trường, tập trung tại những nơi khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cao, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông

dân cư. Công tác sắp xếp, bố trí trường lớp vẫn còn nhiều bất cập, hệ thống trường mầm non chưa đáp ứng được nhu cầu đưa trẻ đến trường. Thiếu phòng học, cơ sở vật chất thiết bị, đặc biệt là thiếu đội ngũ giáo viên, buộc một số địa phương chỉ tập trung huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, trong khi trẻ em mẫu giáo từ 3 tuổi, 4 tuổi được tiếp cận GDMN còn ở mức thấp.

Trong 14 tỉnh thí điểm, có nhiều tỉnh tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo bình quân trong toàn tỉnh cao, nhưng tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi, 4 tuổi của một số huyện, xã của các tỉnh đó còn ở mức thấp, nhiều trẻ em đến 5 tuổi mới được tiếp cận với GDMN⁷. Ngay ở thành phố lớn như Hồ Chí Minh, một số quận, huyện vùng ngoại ô vẫn chỉ đạt chưa đến 60% tỷ lệ trẻ em mẫu giáo ra lớp⁸, huyện có nhiều trẻ em gia đình hộ nghèo và cận nghèo, vùng sông nước, tỉ lệ trẻ ra lớp mới đạt 57,2%.

Tại các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số trẻ em được tiếp cận GDMN muộn, từ sau 5 tuổi, nhờ chính sách phổ cập GDMNTNT, trẻ em mới được ra lớp. Trẻ thiếu hụt nhiều ở các lĩnh vực phát triển nhận thức, ngôn ngữ và giao tiếp, đặc biệt là trẻ em người dân tộc thiểu số, chưa có đủ thời gian để phát triển ngôn ngữ tiếng Việt, chuẩn bị sẵn sàng cho việc học tập ở trường phổ thông, dẫn đến tỷ lệ không được lên lớp, lưu ban khá cao ở đối tượng này. Điều kiện bảo đảm chất lượng cho trẻ phát triển toàn diện và đảm bảo trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một các nơi khó khăn, vùng núi cao, chưa đáp ứng với yêu cầu, mục tiêu đặt ra.

Hai là: Các điều kiện đảm bảo chất lượng PCGDMNTMG còn hạn chế, đặc biệt liên quan tới phát triển, thu hút, giữ chân và bồi dưỡng năng lực đội ngũ.

Qua kết quả báo cáo, đánh giá của các địa phương cho thấy bên cạnh đa số địa phương đồng tình, muốn sớm được thực hiện phổ cập thì một số tỉnh, thành phố còn băn khoăn về cơ chế chính sách, nguồn lực và các điều kiện về cơ sở vật chất, cơ chế xã hội hóa thu hút đầu tư vào GDMN; chế độ ưu đãi, chính sách thu hút, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ. Cụ thể: chính sách cho trẻ em mẫu giáo, giáo viên mầm non còn bất cập, chưa đầy đủ; chính sách hỗ trợ phát triển các loại hình trường, lớp còn hạn chế; cơ chế tuyển dụng, thu hút, bố trí đội ngũ giáo viên mầm non chưa phù hợp với tình hình thực tế, khiến đội ngũ giáo viên trẻ không mặn mà, yên tâm công tác, giáo viên tại các thành phố lớn bỏ nghề nhiều, dẫn đến tình trạng thiếu GVMN kéo dài chưa được khắc phục (tình trạng càng khó hơn bối cảnh thực hiện chủ trương giảm số người làm việc ở các đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước); đặc biệt giáo viên thiếu nhiều ở khu vực các trường, điểm trường vùng khó khăn, vùng DTTS&MN, vùng Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

⁷ **Một số tỉnh có tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo toàn tỉnh cao tuy nhiên ở một số địa phương tỷ lệ huy động trẻ không đồng đều, có địa bàn cao, có địa bàn còn thấp so với yêu cầu đạt chuẩn.** Cụ thể: **Điện Biên:** Nhiều xã tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi, 4 tuổi còn thấp như: Huyện Điện Biên (Xã Thanh Nưa: Tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi 81%; xã Thanh Luông: tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi 90,9%, 4 tuổi: 85,2%; xã Thanh Chăn: tỷ lệ HĐ trẻ 4 tuổi 87,8%...); **Lào Cai:** Huyện Văn Bàn: tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi 89,5%, 4 tuổi 90,2%; Huyện Bảo Yên: tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi 85,1%; Huyện Bảo Thắng: tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi 89,8%. **Bà Rịa - Vũng Tàu:** Thị xã Mỹ Phú (tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi 82%, 4 tuổi 88%); Huyện Đất đỏ (tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi 86%, 4 tuổi 92%); Huyện Long Điền (tỷ lệ HĐ trẻ 4 tuổi 75%)...

⁸ **Tp Hồ Chí Minh:** Quận 5: Tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi: 88,5%; Quận 8: Tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi: 52,9%, 4 tuổi 70,8%; Quận 10: Tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi: 29,8%, 4 tuổi 65,8%...

Ba là: Công tác xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình trường, lớp GDMN còn nhiều hạn chế, dẫn tới gánh nặng vẫn được đặt lên các CSGDMN công lập.

Việc huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục mầm non còn ở mức khiêm tốn, số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập năm 2021 đạt tỷ lệ 21,3% tương ứng với số trẻ em học tại các trường ngoài công lập là 23,2%. Tỷ lệ trẻ em học tại các cơ sở ngoài công lập có sự khác biệt lớn giữa các vùng, tỷ lệ cao nhất tại vùng Đông Nam bộ (54%); thứ nhì là Tây nguyên (27%); đồng bằng sông Hồng thứ 3 (21,5%); thấp nhất là các tỉnh miền núi phía Bắc (6%) và Đồng bằng Sông Cửu Long (15%).

Nguồn ngân sách nhà nước hiện tại hầu hết được sử dụng hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục công lập dẫn đến sự thiếu công bằng giữa học sinh trường công và trường ngoài công lập, học sinh trường công được bao cấp gần như toàn bộ, trong khi đó học sinh trường NCL phải chịu toàn bộ chi phí học tập. Tình trạng này cũng đặt gánh nặng lên hệ thống GDMN công lập trong bối cảnh nhu cầu gửi trẻ và đảm bảo tiếp cận GDMN có chất lượng ngày càng tăng. Một số địa phương muốn triển khai phương thức đối tác công tư đối với các dự án GDMN nhưng vướng quy định tại Luật đầu tư đối tác công tư về mức đầu tư tối thiểu đối với các dự án giáo dục được áp dụng PPP (Khoản 1, Khoản 2, Điều 4, Luật Đầu tư đối tác công tư quy định mức đầu tư tối thiểu cho các dự án được áp dụng cho các cơ sở giáo dục là 100 tỷ NV đồng, trong khi các cơ sở GDMN theo hình thức đối tác công-tư thông thường có mức đầu tư thấp hơn nhiều).

Xác định những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ, cho thấy:

- Việc PCGDMNTEMG là cần thiết để đảm bảo quyền được tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ em mẫu giáo, đảm bảo không trẻ em nào bị bỏ lại phía sau;

- Thí điểm PCGDMNTEMG với những yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện công nhận đạt Chuẩn Phổ cập các địa phương sẽ có trách nhiệm và căn cứ để đầu tư nguồn lực đáp ứng yêu cầu về điều kiện đảm bảo chất lượng;

- Yêu cầu về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi (PCGDMNTEMG) đã thể hiện trong các văn bản của Đảng và Chính phủ, tuy nhiên PCGDMNTEMG chưa được quy định trong Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 (mới chỉ quy định phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi), nên chưa có cơ sở pháp lý để triển khai phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi;

- Cần có Nghị quyết của Quốc hội thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo ở một số tỉnh, thành phố, thí điểm các chính sách phát triển GDMN trong giai đoạn mới trước khi đề xuất Quốc hội đưa PCGDMNTEMG vào Luật Giáo dục triển khai đại trà trên phạm vi toàn quốc.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Quốc hội thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo ở một số tỉnh/thành phố là cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

4. Về tính tương thích của các chính sách đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và vấn đề bình đẳng giới

Dự kiến các chính sách đề xuất đưa vào Nghị quyết nhằm góp phần duy trì và thực hiện có hiệu quả Mục tiêu thiên niên kỷ về phát triển bền vững (Mục tiêu 4.1); Công ước quốc tế về Quyền trẻ em. Các chính sách đưa trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm phổ cập giáo dục mầm non có tác động về giới, tác động tích cực trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, cụ thể: tạo điều kiện tiếp cận và cơ hội việc làm cho nữ giới, vì thực tế hiện nay, giáo viên mầm non 90% là nữ giới. Đồng thời, tạo điều kiện cho các bà mẹ được tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội. Do đó, với chính sách phổ cập giáo dục mầm non sẽ khắc phục được việc phân biệt đối xử, tạo sự bình đẳng về giới trong công tác giáo dục và xã hội.

Đối với trẻ em trong độ tuổi phổ cập, chính sách không phát sinh vấn đề bất bình đẳng giới. Vì giải pháp chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt mà có tác dụng tích cực trong việc huy động tất cả trẻ em trong độ tuổi tới trường lớp, được chăm sóc giáo dục theo Chương trình GDMN, có hỗ trợ những nội dung về Giới, thực hiện bình đẳng giới.

II. MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM

1. Mục đích

a) Triển khai thí điểm PCGDMNTMG để xây dựng cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất bổ sung PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo vào Luật Giáo dục và triển khai đại trà trên phạm vi cả nước, giúp nâng cao tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo, đảm bảo “chất lượng - công bằng - hòa nhập”, để mọi trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn theo quy định, sẵn sàng vào học lớp một; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm Quyền trẻ em và nâng cao chỉ số hạnh phúc đối với quốc gia trên trường quốc tế.

b) Triển khai thí điểm phổ cập mẫu giáo đối với trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, thí điểm một số cơ chế, chính sách nhằm phát triển GDMN.

c) Khuyến khích thu hút các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển cơ sở vật chất, đội ngũ, trường lớp học cho GDMN dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật. Huy động sự tham gia thí điểm của cả hệ thống chính trị, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các địa phương.

2. Quan điểm, nguyên tắc

a) Thí điểm PCGDMNTMG bảo đảm thực hiện công bằng, các nhóm Quyền của trẻ em theo Luật trẻ em và công ước quốc tế mà Việt Nam đã kí cam kết trong tiếp cận GDMN cho trẻ em mẫu giáo;

b) Việc lựa chọn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia thí điểm phải đảm bảo các tiêu chí

- Phải có sự đồng thuận tham gia của các tỉnh, thành phố.

- Có đại diện cơ sở GDMN ở cả địa bàn thuận lợi, khó khăn về điều kiện KTXH và cơ sở GDMN ở các KCN, KCX, khu đông dân cư⁹

- Có đủ loại hình trường, lớp bao gồm các cơ sở GDMN công lập và dân lập, tư thực;

- Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo bao gồm các đơn vị có tỷ lệ huy động trẻ cao và đơn vị có tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ở mức thấp.

c) Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển GDMN; Việc chăm lo để mọi trẻ em mẫu giáo được đến trường, lớp mầm non là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và toàn xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi tổ chức, cá nhân tham gia phát triển GDMN, tăng cường nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ và đào tạo giáo viên; ưu tiên đầu tư cho các cơ sở GDMN công lập ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu tập trung đông dân cư.

III. CÁC CHÍNH SÁCH VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM

- Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, ưu đãi thu hút đầu tư, ưu đãi, thu hút đối với giáo viên mầm non, trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi 3 tuổi, 4 tuổi học tại các cơ sở giáo dục mầm non tại 14 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Phạm vi triển khai thí điểm: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình, Hải Phòng, Lào Cai, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Kon Tum, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bạc Liêu.

IV. NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Với quan điểm và mục đích nêu trên, đề nghị xây dựng Nghị quyết sẽ tập trung giải quyết 04 nhóm chính sách, cụ thể như sau:

1. Nhóm chính sách 1: Chính sách đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non

⁹ Năm 2023, Bộ GDĐT đã ban hành Công văn gửi 63/63 tỉnh, thành phố cho ý kiến tham gia thí điểm PCGDMNTMG. Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện phát triển GDMN và quyết tâm chính trị của từng địa phương, 14 tỉnh, thành phố có văn bản đồng thuận tham gia vào việc thí điểm PCGDMNTMG.

Các tỉnh, thành phố đăng kí tham gia thí điểm đã bảo đảm tính đại diện cho đơn vị thuận lợi và khó khăn (gồm: 07 tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách, 07 tỉnh cân có sự hỗ trợ ngân sách từ Trung ương); Về loại hình trường, lớp có 2.553 trường công lập, 1.131 trường dân lập, tư thực; có 478 trường mầm non ở địa bàn khó khăn (thuộc 6 tỉnh) theo quy định của Chính phủ (các trường này có trên 86.000 trẻ em người DTTS); có các cơ sở GDMN tại KCN, KCX, khu đông dân cư (tại Bắc Ninh, Hải Phòng, Tp Hồ Chí Minh...). Về tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đã bao gồm các đơn vị có tỷ lệ huy động trẻ cao và có đại diện các đơn vị có tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ở mức thấp như Điện Biên: nhiều xã tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi, 4 tuổi còn thấp như: Huyện Điện Biên (Xã Thanh Nưa: Tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi 81%; xã Thanh Luông: tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi 90,9%, 4 tuổi: 85,2%; xã Thanh Chấn: tỷ lệ HĐ trẻ 4 tuổi 87,8%...); Lào Cai: Huyện Văn Bàn: tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi 89,5%, 4 tuổi 90,2%; Huyện Bảo Yên: tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi 85,1%; Huyện Bảo Thắng: tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi 89,8%. Bà Rịa - Vũng Tàu: Thị xã Mỹ Phú (tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi 82%, 4 tuổi 88%); Huyện Đất đỏ (tỷ lệ HĐ trẻ 3 tuổi 86%, 4 tuổi 92%); Huyện Long Điền (tỷ lệ HĐ trẻ 4 tuổi 75%)... ; 100% các tỉnh, thành phố đã hoàn thành PCGDMNTNT. Các điều kiện bảo đảm thực hiện Chương trình GDMN tại 14 tỉnh, thành phố đã bảo đảm tính đại diện của đơn vị thuận lợi và khó khăn.

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thí điểm đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở GDMN để được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo Chương trình GDMN đạt 95% vào năm 2027; phần đầu có 100% trẻ em tại các cơ sở GDMN được học 2 buổi/ngày theo Chương trình GDMN.

- Bảo đảm sự công bằng giữa các đối tượng trẻ em; góp phần vào việc nâng cao chất lượng phổ cập GDMN trẻ mẫu giáo

- Quan tâm, hỗ trợ trẻ em vùng DTTS và miền núi, vùng biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển ra trường, lớp để tiếp cận giáo dục mầm non góp phần thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục mầm non giữa các vùng/miền trên toàn quốc.

1.2. Nội dung của chính sách

Thí điểm một số chính sách miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi vùng khó khăn; hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi ở các cơ sở GDMN dân lập, tư thục; hỗ trợ ăn trưa, được chăm sóc bán trú cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi vùng khó khăn khi đến trường. Đảm bảo các điều kiện tốt nhất để trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được tiếp cận giáo dục sớm hơn, bảo đảm hỗ trợ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

Thí điểm các chính sách ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập tại 14 tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở GDMN để được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo Chương trình GDMN, cụ thể:

Đối tượng được hưởng chính sách

a) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 3 tuổi, 4 tuổi thường trú trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn; xã khu vực III, khu vực II thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (không bao gồm các xã khu vực II đã đạt chuẩn nông thôn mới); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là vùng khó khăn) đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc vùng khó khăn, xã khu vực I và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 3 tuổi, 4 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang học tại cơ sở giáo dục mầm non;

c) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 3 tuổi, 4 tuổi được chăm sóc và giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục.

Chính sách được hưởng

a) Trẻ em thuộc đối tượng điểm a, b khoản 1 Điều này học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ

em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được miễn học phí; Trẻ em thuộc đối tượng điểm a, b khoản 1 Điều này học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tự thực tham gia thí điểm được cấp bù học phí bằng số tiền học phí trẻ em học tại cơ sở giáo dục công lập được miễn.

b) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng điểm a, b học tập tại các cơ sở tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được hỗ trợ tiền ăn trưa tối thiểu là 360.000 đồng/tháng/trẻ em (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học;

c) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng điểm c học tập tại các cơ sở phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ chi phí học tập là 150.000 đồng/tháng/trẻ em (một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học;

Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối tài chính ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp cùng cấp ban hành định mức cụ thể về miễn giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi phổ cập giáo dục mầm non 3, 4 tuổi, mức thấp nhất căn cứ vào quy định tại Nghị quyết.

2. Chính sách 2: Chính sách tuyển dụng, thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

2.1. Mục tiêu của chính sách

Khuyến khích, hỗ trợ thu nhập để ổn định đời sống GVMN, thu hút, tạo sức hấp dẫn của nghề giáo viên mầm non, giúp giáo viên yên tâm công tác, gắn bó với nghề. Trước mắt, đảm bảo đội ngũ GVMN đáp ứng cho công tác thí điểm. Lâu dài, phân đầu bảo đảm chất lượng, đủ định mức số lượng giáo viên lớp mẫu giáo theo quy định.

2.2. Nội dung của chính sách

Bổ sung đội ngũ giáo viên, mở rộng nguồn tuyển để đáp ứng nhu cầu phổ cập (số lượng giáo viên còn thiếu ở thời điểm hiện tại và số giáo viên cần bổ sung do tăng số lượng trẻ để thực hiện phổ cập GDMN). Tiếp tục nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuẩn đào tạo; phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non. Giải quyết các vấn đề về lương và phụ cấp, giờ làm vượt quy định. Thúc đẩy các địa phương ban hành cơ chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ để thu hút, khuyến khích đội ngũ GVMN yên tâm công tác, gắn bó, tâm huyết với nghề.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

Quy định thí điểm tại 14 tỉnh thành phố các chính sách đặc thù để hỗ trợ, thu hút thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với giáo viên mầm non:

(1) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định chính sách thu hút giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, căn cứ khả năng ngân sách của địa

phương để xem xét quyết định mức ưu đãi khi tuyển dụng tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản.

(2) Cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ tối thiểu 960.000 đồng/tháng (chín trăm sáu mươi ngàn đồng một tháng), hưởng không quá 09 tháng/năm học. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, mức thấp nhất căn cứ vào quy định tại Nghị quyết.

(3) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định cơ chế, chính sách tuyển dụng để bố trí đủ giáo viên theo quy định, bảo đảm tối thiểu có 02 giáo viên/lớp để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi 2 buổi/ngày theo Chương trình Giáo dục mầm non.

Giai đoạn 2024-2025, các địa phương tăng cường các giải pháp để tuyển dụng đủ giáo viên mầm non đảm bảo yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN, tuyển dụng hết chỉ tiêu viên chức do Bộ Chính trị giao (7.144 chỉ tiêu các địa phương chưa tuyển dụng tính đến năm 2023);

Giai đoạn 2025-2027: tuyển dụng trên 5.226 chỉ tiêu (dự kiến Bộ Chính trị giao sau năm 2023 theo Quyết định 72-QĐ/TW).

(4) Cho phép tuyển dụng người có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non và có kế hoạch nâng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

3. Nhóm chính sách 3: Ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước cho đơn vị thực hiện phổ cập giáo dục mầm non

3.1. Mục tiêu của chính sách

Bố trí đủ các nguồn lực tài chính để thực hiện các chính sách đối với giáo viên và trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non.

3.2. Nội dung của chính sách

Ưu tiên phân bổ ngân sách chi cho phát triển GDMN trong phạm vi ngân sách được giao theo phân cấp; Các đơn vị thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số đối với trẻ em mẫu giáo theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán năm 2024 và trong thời gian thực hiện thí điểm. Số chi tăng thêm được bố trí cho nhiệm vụ thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, chăm sóc, giáo dục trẻ mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố xem xét, quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phù hợp để các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng và sử dụng toàn bộ phần vốn được tăng thêm theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đảm bảo phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

Đối với những đơn vị chưa tự cân đối được ngân sách, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ thí điểm.

Đối với các đơn vị điều tiết được nguồn kinh phí: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình, TP Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Long An Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố xem xét, quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phù hợp để các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng và sử dụng toàn bộ phần vốn được tăng thêm theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

Tổng kinh phí thực hiện thực hiện chính sách cho trẻ em và giáo viên quy định tại Nghị quyết đối với 14 đơn cấp tỉnh bình quân khoảng 1.182,3 tỷ đồng/năm. Trong đó: Đối với 7 tỉnh (Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Kon Tum, Sóc Trăng, Bạc Liêu) chưa tự cân đối được kinh phí, ngân sách trung ương bổ sung khoảng 473 tỷ/năm (cho 7 tỉnh).

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức phân bổ thêm theo quy định tại khoản 1 Điều này (bảo đảm không thấp hơn mức tối thiểu và không trùng lặp với các nguồn lực thuộc các Chương trình, Dự án khác).

4. Chính sách 4: Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non

4.1. Mục tiêu của chính sách

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cho GDMN, đặc biệt là các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); tăng cường thực hiện trách nhiệm của địa phương trong việc bảo đảm các điều kiện về kinh phí, đầu tư CSVC, thiết bị dạy học cho cơ sở GDMN. Cùng với việc ưu tiên nguồn kinh phí đầu tư cho các cơ sở GDMN công lập, các địa phương quan tâm hỗ trợ các cơ sở GDMN dân lập, tự thực để thực hiện mục tiêu PCGDMNTMG, giảm áp lực cho các cơ sở GDMN công lập khi thực hiện phổ cập.

4.2. Nội dung của chính sách

Bổ sung đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, xây dựng, bổ sung phòng học, hỗ trợ kinh phí đầu tư cho các cơ sở GDMN để đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định. Đẩy mạnh việc ban hành các chính sách đầu tư của địa phương để thu hút, đầu tư CSVC, thiết bị dạy học cho các cơ sở GDMN.

4.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

Quy định thí điểm tại 14 tỉnh thành phố các chính sách về đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non đáp ứng yêu cầu thí điểm phổ cập.

1. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non dân lập, tự thực; căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương (nếu có) quyết định triển khai các dự án xây dựng trường, lớp mầm non theo phương thức đối tác công tư.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án theo phương thức đối tác công tư đối với các Dự án thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.

3. Địa phương đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp, mua sắm thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi theo quy định, trong đó lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia để bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trường lớp mầm non, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng nhu cầu phổ cập giáo dục mầm non trẻ em mẫu giáo trên địa bàn.

Giai đoạn 2023-2025: Các địa phương triển khai thí điểm bảo đảm nguồn kinh phí để đẩy nhanh tiến độ đầu tư CSVN, thiết bị theo kế hoạch đầu tư do các địa phương đã phê duyệt, trong đó: 11.466 phòng nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục trẻ; 4.409 phòng hành chính quản trị; 5.173 phòng tổ chức ăn; mua sắm 237.681 bộ thiết bị dạy học tối thiểu.

Giai đoạn 2025-2027: Các địa phương đầu tư bổ sung thêm khoảng 3.770 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; 83 bộ đồ chơi ngoài trời; trên 1700 bộ thiết bị, đồ dùng dạy học trong lớp cho các địa phương vùng khó khăn, nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án (Trong đó có: Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục mầm non trong phạm vi cả nước.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non tại các tỉnh, thành phố được chọn thí điểm trong thời gian thực hiện.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian thực hiện thí điểm về phổ cập giáo dục mầm non.

- Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong việc ban hành các cơ chế, chính sách, giám sát việc triển khai thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo tại địa phương.

- Ủy ban nhân dân các cấp của tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm xây dựng Đề án, kế hoạch, chương trình chi tiết triển khai thực hiện, hàng năm đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị quyết

2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Nghị quyết được Quốc hội ban hành, Chính phủ giao các Bộ chuẩn bị theo thẩm quyền để ban hành các văn bản quy định chi tiết và triển khai Luật đầy đủ, đúng tiến độ.

2.2. Nguồn lực triển khai xây dựng và thực hiện Nghị quyết

Trong quá trình xây dựng Nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo đã tính toán các nguồn lực bảo đảm thực hiện việc bố trí đội ngũ, cơ sở vật chất và sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

Kinh phí triển khai các hoạt động thí điểm sẽ được thực hiện lồng ghép trong ngân sách của các cơ quan trung ương, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (gồm: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác). Nhu cầu kinh phí bao gồm 3 phần chính: (i) kinh phí thường xuyên để thực hiện các chính sách cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi cần huy động bổ sung để đạt mục tiêu thu hút 95% số trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi đến cơ sở GDMN, được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục có chất lượng vào năm 2027 (ii) kinh phí thu hút, ưu đãi đối với giáo viên mầm non (iii) kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp, mua sắm thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi theo quy định (được lồng ghép các nguồn vốn thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia).

Nhân lực thực hiện Nghị quyết: ngoài đội ngũ giáo viên mầm non hiện có của các địa phương, cần phải bổ sung thêm giáo viên do nhu cầu tăng trẻ 3 tuổi, 4 tuổi đến trường khi thực hiện thí điểm và cũng nhằm bảo đảm chất lượng phổ cập. Việc tuyển bổ sung giáo viên là khả thi vì số chỉ tiêu biên chế giáo viên đã được Bộ Chính trị giao cho các địa phương giai đoạn 2023-2026 đủ để bảo đảm việc thí điểm phổ cập.

3. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức góp ý cho dự thảo, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, đối chiếu với pháp luật có liên quan nhận thấy Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính, việc phổ cập giáo dục mầm non được thực hiện như quy định hiện hành về đăng ký và nhập học cho trẻ. Do đó đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và không phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo ở một số tỉnh, thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Ban hành Kế hoạch số 724/KH-BGDĐT ngày 8/5/2023 về việc Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo tại một số tỉnh, thành phố.
2. Tổ chức rà soát, báo cáo thông tin xây dựng dự thảo Nghị quyết.
3. Năm 2022, đã tổ chức khảo sát trực tiếp tại một số tỉnh/thành phố; tọa đàm xin ý kiến 63/63 sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục và đào tạo; các chuyên gia để nắm bắt thông tin xây dựng hồ sơ Nghị quyết;
4. Năm 2023, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết theo quy định, đăng mạng xin ý kiến các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương và nhân

dân theo quy định. Tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết.

5. Tổ chức thẩm định, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; trình Chính phủ cho ý kiến và cho phép trình đề nghị bổ sung dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội.

Thời gian dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua đối với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết vào kỳ họp tháng 5 năm 2024 của Quốc hội khóa XV và thông qua theo quy trình một kỳ họp, soạn thảo Nghị quyết theo trình tự, thủ tục quy định.

VII. VỀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

Ngày .../.../2023, Hội đồng thẩm định đã họp và có ý kiến thẩm định về đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm phổ cập giáo dục mầm non đối với trẻ em mẫu giáo tại một số tỉnh, thành phố. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết này (*chi tiết xin xem Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định*).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm phổ cập giáo dục mầm non đối với trẻ em mẫu giáo tại một số tỉnh, thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (i) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết thí điểm phổ cập giáo dục mầm non đối với trẻ em mẫu giáo tại một số tỉnh, thành phố; (ii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (iii) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (iv) Báo cáo về phát triển giáo dục mầm non và phổ cập giáo dục mầm non trẻ em năm tuổi; (v) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ và các cơ quan, tổ chức khác và bản chụp ý kiến góp ý; (vi) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết; (vii) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về phổ cập giáo dục mầm non của một số nước trên thế giới)./. *Am*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Thành viên Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc (để p/h);
- Vụ KGVX, Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h);
- Lưu : VT, GDMN.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Ngô Thị Minh

Nghị quyết số: /2023/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 3

NGHỊ QUYẾT**Về thí điểm phổ cập giáo dục mầm non
đối với trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại một số tỉnh, thành phố****QUỐC HỘI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14,

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số /TTr-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số /BC-UBVHGDQH ngày tháng năm 2023 của Ủy ban Văn hóa Giáo dục; Báo cáo tiếp thu, giải trình số /BC-UBTVQH15 ngày tháng năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non đối với trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi; thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, ưu đãi thu hút đầu tư, ưu đãi, thu hút đối với giáo viên mầm non, hỗ trợ trẻ em mẫu giáo học tại các cơ sở giáo dục mầm non trong độ tuổi 3 tuổi, 4 tuổi ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia thí điểm; các địa phương tham gia thí điểm gồm: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình, Hải Phòng, Lào Cai, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Kon Tum, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị, xã hội; tổ chức chính trị xã hội-ngành nghiệp; tổ chức xã hội-ngành nghiệp; các cơ sở giáo dục mầm non (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non có yếu tố nước ngoài), các tổ chức, cá nhân có liên quan tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thí điểm.

2. Trẻ em trong độ tuổi phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi.

Điều 3. Mục đích, nguyên tắc thí điểm phổ cập giáo dục mầm non trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi

1. Mục đích

a) Nâng cao tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng, bảo đảm hầu hết trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi ở mọi vùng, miền tại các địa phương triển khai thí điểm được đến lớp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 2 buổi/ngày theo Chương trình Giáo dục mầm non nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp một; góp phần vào thực hiện quyền của trẻ em mẫu giáo, nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo toàn quốc;

b) Bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn, tiêu chí thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi;

c) Làm cơ sở đề xuất với Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục và các quy định có liên quan để triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo trên phạm vi toàn quốc.

2. Nguyên tắc

a) Thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo bảo đảm thực hiện công bằng, các nhóm Quyền của trẻ em theo Luật trẻ em và công ước quốc tế mà Việt Nam đã kí cam kết trong tiếp cận giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

b) Việc lựa chọn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia thí điểm phải đảm bảo các tiêu chí

- Phải có sự đồng thuận, cam kết của các tỉnh, thành phố tham gia thí điểm.

- Có đại diện cơ sở giáo dục mầm non ở cả địa bàn thuận lợi, khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội và cơ sở giáo dục mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư.

- Có đủ loại hình trường, lớp bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non công lập và dân lập, tư thục;

- Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo bao gồm các đơn vị có tỷ lệ huy động trẻ cao và đơn vị có tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ở mức thấp.

c) Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển giáo dục mầm non; Việc chăm lo để mọi trẻ em mẫu giáo được đến trường, lớp mầm non là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và toàn xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi tổ chức, cá nhân tham gia phát triển giáo dục mầm non, tăng cường nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ và đào tạo giáo viên; ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn,

xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu tập trung đông dân cư.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi

1. Tiêu chuẩn

1.1. Đối với trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi: Trẻ được học 2 buổi/ngày trong thời gian một năm học (9 tháng); số ngày nghỉ học không quá 45 ngày và đạt được mục tiêu, kết quả mong đợi đối với trẻ 3-4 tuổi, 4-5 tuổi theo qui định tại Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

1.2. Đối với xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã)

a) Tỷ lệ trẻ em 3 tuổi, 4 tuổi đến lớp đạt ít nhất 95%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%;

b) Tỷ lệ trẻ em 3 tuổi, 4 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.

1.3. Đối với huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện): Có ít nhất 90% số xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3 tuổi, 4 tuổi.

1.4. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) triển khai thí điểm: Có 100% số huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3 tuổi, 4 tuổi.

2. Người tham gia nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, theo dõi phổ cập

a) Giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non;

b) Trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi có đủ điều kiện theo quy định của Luật Giáo dục;

c) Cơ sở giáo dục mầm non cử người theo dõi công tác phổ cập giáo dục mầm non tại địa bàn được phân công.

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm cho việc triển khai thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi

a) Cơ sở tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi phải có đủ cơ sở vật chất, thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tối thiểu theo quy định để thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non;

b) Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khác và cá nhân tạo điều kiện về cơ sở vật chất để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại các tỉnh, thành phố triển khai thí điểm.

4. Thẩm quyền, hồ sơ, quy trình, thủ tục và thời gian kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi

Trong thời gian thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, các đơn vị áp dụng thực hiện nội dung về thẩm quyền, hồ sơ, quy trình, thủ tục và thời gian kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo tại các tỉnh, thành phố thí điểm theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ quy định về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Điều 5. Chính sách đối với trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi ở các đơn vị thực hiện thí điểm

1. Đối tượng được hưởng chính sách

a) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 3 tuổi, 4 tuổi thường trú trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn; xã khu vực III, khu vực II thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (không bao gồm các xã khu vực II đã đạt chuẩn nông thôn mới); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là vùng khó khăn) đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc vùng khó khăn, xã khu vực I và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 3 tuổi, 4 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo đang học tại cơ sở giáo dục mầm non;

c) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non 3 tuổi, 4 tuổi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục.

2. Chính sách được hưởng

a) Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập được miễn học phí; Trẻ em thuộc đối tượng điểm a, b khoản 1 Điều này học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục tham gia thí điểm được cấp bù học phí bằng số tiền học phí trẻ em học tại cơ sở giáo dục công lập được miễn;

b) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng điểm a, b khoản 1 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa tối thiểu là 360.000 đồng/tháng/trẻ em (ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học;

c) Trẻ em mẫu giáo thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này học tập tại các cơ sở phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ chi phí học tập là

150.000 đồng/tháng/trẻ em (một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học;

Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối tài chính ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành định mức cụ thể về miễn giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi phổ cập giáo dục mầm non 3, 4 tuổi, mức thấp nhất căn cứ vào quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Chính sách tuyển dụng, thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khi thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định chính sách thu hút giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, căn cứ khả năng ngân sách của địa phương để xem xét quyết định mức ưu đãi khi tuyển dụng tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản. Giáo viên hưởng chính sách thu hút, ưu đãi phải cam kết công tác tại cơ sở giáo dục mầm non ít nhất 5 năm.

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ tối thiểu 960.000 đồng/tháng (chín trăm sáu mươi ngàn đồng một tháng), hưởng không quá 09 tháng/năm học. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, mức thấp nhất căn cứ vào quy định tại Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định cơ chế, chính sách tuyển dụng để bố trí đủ giáo viên theo quy định, bảo đảm tối thiểu có 02 giáo viên/lớp để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi 2 buổi/ngày theo Chương trình Giáo dục mầm non.

4. Cho phép tuyển dụng người có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non và có kế hoạch nâng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Điều 7. Ưu tiên phân bổ ngân sách, đầu tư tài chính

1. Các đơn vị thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo được phân bổ thêm tối thiểu 45% số chi tính theo định mức dân số đối với trẻ em mẫu giáo theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán năm 2024 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này. Số chi tăng thêm được bố trí cho nhiệm vụ thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, chăm sóc, giáo dục trẻ mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non, bao gồm các chính sách quy định tại Điều 5 và Điều 6.

Đối với những đơn vị chưa tự cân đối được ngân sách, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ thí điểm.

Đối với các đơn vị điều tiết được nguồn kinh phí: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình, TP Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Long An Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố xem xét, quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phù hợp để các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng và sử dụng toàn bộ phần vốn được tăng thêm theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

2. Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát đề trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức phân bổ thêm theo quy định tại khoản 1 Điều này (bảo đảm không thấp hơn mức tối thiểu và không trùng lặp với các nguồn lực thuộc các Chương trình, Dự án khác).

Điều 8. Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non

1. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non dân lập, tư thực; căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương quyết định triển khai các dự án xây dựng trường, lớp mầm non theo phương thức đối tác công tư; quyết định việc sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các dự án đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp mầm non công lập để bảo đảm cơ sở vật chất, trường, lớp mầm non đáp ứng nhu cầu phổ cập giáo dục mầm non trẻ em mẫu giáo trên địa bàn.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án theo phương thức đối tác công tư đối với các Dự án thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.

3. Địa phương đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp, mua sắm thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi theo quy định, trong đó lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia để bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trường lớp mầm non, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng nhu cầu phổ cập giáo dục mầm non trẻ em mẫu giáo trên địa bàn.

Điều 9. Nguồn kinh phí và quản lý kinh phí

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết bao gồm:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;
- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chính phủ

Chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và 14 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non tổ chức thực hiện; theo dõi, thanh kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Hàng năm đánh giá, báo cáo với Quốc hội về kết quả thí điểm. Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội về thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại kỳ họp cuối năm 2027. Kết thúc thí điểm, trên cơ sở đánh giá tổng kết, đề xuất, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục quy định phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo vào Luật Giáo dục; triển khai xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo trên phạm vi toàn quốc.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội 14 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thí điểm và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được lựa chọn thí điểm ban hành cơ chế, chính sách được quy định tại Nghị quyết và giám sát việc triển khai thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo tại địa phương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố này cần xây dựng Đề án, kế hoạch, chương trình chi tiết chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả, chất lượng và hàng năm đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... và được thực hiện trong thời gian 03 năm.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố quy định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TỔNG HỢP BÁO CÁO TIẾP THU GIẢI TRÌNH

Ý KIẾN CÁC BỘ NGÀNH

Về dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội thí điểm Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại một số tỉnh, thành phố

Bộ GDĐT đã ban hành công văn số 3556/BGDĐT-GDMN ngày 17/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) xin ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi ở một số tỉnh, thành phố, đến ngày 5/9/2023 đã nhận được ý kiến góp ý của 7 Bộ, ngành; 15 tỉnh, thành phố.

Các Bộ, ngành có: Bộ Nội vụ (BNV), Bộ Tài chính (Bộ TC), Bộ Ngoại giao (Bộ NG), Bộ Kế hoạch đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Lao động thương binh và xã hội (Bộ LĐTB&XH), Ủy ban Dân tộc (UBDT), Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBTWMTTQVN).

Có 2 Bộ nhất trí hoàn toàn với dự thảo Nghị quyết: Bộ LĐTB&XH, Bộ Ngoại giao, các Bộ ngành còn lại nhất trí với chủ trương về thí điểm PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo và góp ý kỹ về hồ sơ, chính sách để Bộ GDĐT hoàn thiện, đảm bảo tính khả thi của hồ sơ trình. Riêng Bộ Nội vụ còn băn khoăn về sự cần thiết, tuy nhiên cũng đồng ý với các chính sách thí điểm đối với giáo viên và trẻ em mẫu giáo.

15 đơn vị cấp tỉnh đều đã có công văn; 14 đơn vị nhất trí với hồ sơ dự thảo Nghị quyết, có công văn của lãnh đạo UBND tỉnh ký về việc cam kết tự nguyện tham gia thí điểm, riêng Đà Nẵng xin lùi đến năm 2028 sẽ tham gia cho giai đoạn này đang có nhiều công việc triển khai.

Bộ GDĐT đã nghiên cứu kỹ ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ kèm theo thuyết minh cho việc ban hành Nghị quyết, cụ thể như sau.

1. Về sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

- Bộ Tài chính, Tư pháp, KHĐT, LĐTB và XH, Ngoại giao nhất trí với sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết.

- Bộ Nội vụ đề xuất xem xét về sự cần thiết: "Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì hiện nay cả nước còn gần 8% trẻ mẫu giáo chưa được tiếp cận giáo dục (trang 5 dự thảo Tờ trình) và 63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành các mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, đã có 29 tỉnh, thành phố có tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi đến trường từ 95% trở lên (trang 13 dự thảo Đề án thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi; 4 tuổi ở một số tỉnh, thành phố). Như vậy, tỷ lệ trẻ mầm non được tiếp cận giáo dục cơ bản đã hoàn thành mục tiêu nêu tại Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025, nên đề nghị không cần thiết xây dựng Nghị quyết thí điểm".

Về ý kiến này của Bộ Nội vụ, Bộ GDĐT xin được giải trình làm rõ như sau:

- Việc PCGDMNTEMG là cần thiết để đảm bảo quyền được tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ em mẫu giáo, đảm bảo không trẻ em nào bị bỏ lại phía sau (số trẻ em mẫu giáo chưa được tiếp cận với GDMN chủ yếu là trẻ em yếu thể, trẻ em ở vùng khó khăn, vùng núi cao, vùng sông nước đồng bằng sông cửu long);

- Mặc dù tỷ lệ huy động trẻ đến trường tại một số tỉnh, thành phố đã đạt trên 95% nhưng hiện nay còn khó khăn về nguồn lực (đội ngũ và cơ sở vật chất) để đáp ứng các yêu cầu về các điều kiện bảo đảm chất lượng Phổ cập; việc thực hiện PCGDMNTEMG với những yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện công nhận đạt Chuẩn Phổ cập, các địa phương phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này và coi đây căn cứ pháp lý quan trọng để đầu tư nguồn lực đáp ứng yêu cầu về điều kiện đảm bảo chất lượng;

- Yêu cầu về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi (PCGDMNTEMG) đã được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Chính phủ, tuy nhiên PCGDMNTEMG chưa được quy định trong Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 (mới chỉ quy định phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi), nên chưa có cơ sở pháp lý để triển khai phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi. Cần có Nghị quyết của Quốc hội thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo ở một số tỉnh, thành phố, thí điểm các chính sách phát triển GDMN trong giai đoạn mới trước khi đề xuất Quốc hội đưa PCGDMNTEMG vào Luật Giáo dục triển khai đại trà trên phạm vi toàn quốc.

- Mặt khác, để bảo đảm “chất lượng - công bằng - hòa nhập” trong GDMN đối với trẻ em mẫu giáo khi triển khai thí điểm công tác phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, đáp ứng mục tiêu đặt ra, rất cần thiết phải có một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, đó là "Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành". Vì vậy, rất cần phải có Nghị quyết của Quốc hội mới đủ căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Quốc hội thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo ở một số tỉnh/thành phố là cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. Yêu cầu rà soát cơ sở chính trị, pháp lý, hệ thống văn bản giao nhiệm vụ cho Bộ GDĐT xây dựng nhiệm vụ (Bộ Tư pháp)

Bộ GDĐT đã tiếp thu, rà soát, bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý, bao gồm các văn bản của Đảng và Chính phủ:

a) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đề ra mục tiêu: “*Hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm*

tiếp theo và miễn học phí trước năm 2020. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển GDMN dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục”.

b) Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định *“Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, nhất là phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập GDMN cho trẻ dưới 5 tuổi”.*

c) Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI trong đó yêu cầu: *“Phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo”* và giao Bộ GD&ĐT xây dựng Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo.

d) Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021-2025, trong đó giao Bộ GD&ĐT xây dựng: *“Đề án Phổ cập giáo dục mẫu giáo (3-4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo; trình Chính phủ vào năm 2022”.*

đ) Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt Đề án *“Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”*, trong đó đề ra: *“Mục tiêu đến năm 2025, 70% các tỉnh hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo và 100% các tỉnh hoàn thành phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo vào năm 2030”.*

Như vậy, các văn bản của Đảng, Chính phủ đều có chỉ đạo thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo, tuy nhiên, do điều kiện thực tế hiện nay chúng ta mới PC được trẻ 5 tuổi, Do Điều 14 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 quy định: “Nhà nước phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi”, nên cần thiết phải xây dựng, ban hành Nghị quyết của Quốc hội để thí điểm các cơ chế, chính sách nhằm đánh giá, tổng kết, nhân rộng và thực hiện đại trà về phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, đặc biệt là chất lượng giáo dục vùng sâu, vùng núi cao, sông nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn. Việc Bộ GD&ĐT đề xuất xây dựng, ban hành Nghị quyết của QH về thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi có căn cứ pháp lý rất rõ ràng.

3. Về tiêu chí lựa chọn 15 đơn vị cấp tỉnh, rà soát đối tượng áp dụng và rà soát tính khả thi

- Yêu cầu rà soát về tiêu chí chọn 15 đơn vị cấp tỉnh (Bộ Tư pháp, Bộ KHĐT)

Bộ GD&ĐT đã xác định các tiêu chí của các đơn vị tham gia thí điểm: Tự nguyện, đại diện các điều kiện kinh tế xã hội, đại diện các điều kiện tự nhiên (Vùng núi cao, vùng sông nước), có các cơ sở GDMN công lập, dân lập, tư thực.

Bộ đã gửi công văn cho cả 63 tỉnh thành phố đề nghị xem xét tham gia thí điểm, hiện nay đã có 14 tỉnh tự nguyện đăng kí tham gia (đăng kí bằng công văn của UBND tỉnh, Đà Nẵng mới có công văn xin rút). Trên cơ sở sẵn sàng và tinh thần của các địa phương, Bộ GDĐT đã lựa chọn 14 tỉnh này vào đối tượng thí điểm, đã có đủ đại diện cho các vùng miền: thuận lợi, khó khăn, có đơn vị là các thành phố lớn, tập trung đông dân cư, có đơn vị là vùng núi cao, trên 90% là đồng bào người dân tộc thiểu số, có đơn vị thuộc vùng sông nước thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Xét về tính đại diện về đặc trưng để đánh giá, xem xét tính khả thi sau khi thí điểm, nhân rộng ra toàn quốc thì các đơn vị này đã đáp ứng được. Như thế các tiêu chí của các đơn vị tham gia thí điểm: Tự nguyện, đại diện các điều kiện kinh tế xã hội, đại diện các điều kiện tự nhiên (Vùng núi cao, vùng sông nước) đều đã đảm bảo.

- Đề nghị thu hẹp quy mô thí điểm, Bộ Tư pháp có ý kiến: nếu áp dụng cho 15 tỉnh, TP trực thuộc Trung ương là rất rộng, gây lãng phí tốn kém NSNN nếu thực hiện không hiệu quả. Do đó, để bảo đảm tính khả thi cũng như tính chất thí điểm chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu chỉ thực hiện thí điểm ở phạm vi đơn vị là cấp xã (một số xã xác định, tại một số tỉnh xác định...) mà không phải là toàn tỉnh, ví dụ từ 3-5 tỉnh, thành phố trong đó có TP, Nông thôn, miền núi, đồng bằng

Bộ GDĐT đã nghiên cứu ý kiến của Bộ Tư pháp và thấy rằng: Việc đánh giá kết quả phổ cập của cấp tỉnh liên quan trực tiếp đến kết quả phổ cập của các huyện, xã nên không thể chỉ chọn một số huyện, xã trong tỉnh tham gia thí điểm. Việc giảm số tỉnh tham gia thí điểm xuống 3-5 tỉnh mặc dù giảm kinh phí thí điểm, nhưng không đảm bảo về tính đa dạng của các điều kiện và các dữ liệu thống kê. Đặc biệt, trước yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện công nhận đạt Chuẩn Phổ cập không chỉ diễn ra ở cấp xã và có Nghị quyết mới có thể yêu cầu các địa phương phải thực hiện nghiêm túc trách nhiệm này, coi đây căn cứ pháp lý quan trọng để đầu tư nguồn lực đáp ứng yêu cầu về điều kiện đảm bảo chất lượng khi thực hiện nhiệm vụ thí điểm phổ cập.

Mặt khác, rất cần có đủ số tỉnh, số huyện, số xã đủ lớn đáp ứng các tiêu chí đặt ra được triển khai thí điểm về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi mới bảo đảm tính khả thi khi tổng kết rút kinh nghiệm có thể nhân rộng trên phạm vi cả nước để đưa vào hồ sơ báo cáo trước khi đề nghị với Quốc hội sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ quan trọng này trong Luật Giáo dục số 43/2019.

- Đề nghị mở rộng đối tượng áp dụng: Theo đề xuất của Bộ GDĐT là 15 tỉnh, UBND đề nghị tăng số lượng địa bàn thí điểm và lựa chọn thêm một số tỉnh có đông đồng bào DTTS, có nhiều xã, thôn ĐBKK, có nhiều DT còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù. Lý do: Vì việc PCGDMN ở những địa bàn này gặp nhiều khó khăn, qua kết quả thí điểm tại các địa bàn đó sẽ phân tích, đánh giá thực chất công tác PCGDMN trẻ MG 3,4 tuổi ở vùng DTTS&MN, vùng có ĐK KTXH ĐBKK, từ đó sẽ có những nhận định và đề xuất giải pháp hữu hiệu để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này (Ủy ban dân tộc).

Bộ GDĐT đã nghiêm túc xem xét vấn đề này và thấy rằng: Trên cơ sở sẵn sàng và tinh thần của các địa phương, Bộ GDĐT đã lựa chọn 14 tỉnh này vào đối tượng thí điểm, đã có đủ đại diện cho các vùng miền: thuận lợi, khó khăn, có đơn vị là các thành phố lớn, tập trung đông dân cư, có đơn vị là vùng núi cao, trên 90% là đồng bào người dân tộc thiểu số, có đơn vị thuộc vùng sông nước thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Xét về tính đại diện về đặc trưng để đánh giá, xem xét tính khả thi sau khi thí điểm, nhân rộng ra toàn quốc thì các đơn vị này đã đáp ứng được.

- Đề nghị rà soát đối tượng trẻ em tham gia thí điểm, và đề nghị chỉ thí điểm cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, trẻ 5 tuổi đã thực hiện phổ cập nên không đưa vào Nghị quyết (Bộ TC, Bộ Tư pháp, Bộ KHĐT).

Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu, Dự thảo Nghị quyết cũng đã chỉ rõ đối tượng áp dụng là trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi.

4. Về chính sách phân bổ thêm chi phí tính theo định mức dân số đối với trẻ em mẫu giáo theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán năm 2024

- Đề nghị làm rõ nguồn vốn chi đề xuất trong dự thảo Nghị quyết là chi thường xuyên hay chi đầu tư (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

"Đối với chính sách bổ sung thêm 45%, Bộ KHĐT có ý kiến để bảo đảm tính khả thi khi triển khai NQ đề nghị xác định nguồn phân bổ thêm là chi thường xuyên hay chi đầu tư phát triển. Đối với kinh phí chi đầu tư phát triển đề nghị bổ sung trong dự thảo NQ quy định trách nhiệm của HĐND, UBND các địa phương trong việc bố trí nguồn ngân sách địa phương và chủ động cân đối trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn NS trung ương được giao để thực hiện thí điểm".

Bộ GDĐT đã làm rõ: Đây là kinh phí chi thường xuyên, toàn bộ ngân sách tăng thêm sẽ được cấp cho các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện thí điểm, nhằm thực hiện chính sách đối với người học và người dạy.

- Bộ Tài chính nhất trí chủ trương thực hiện thí điểm; về chính sách cho trẻ em và giáo viên mặc dù Bộ Tài chính không đồng thuận chính sách tăng 45% tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết nhưng lại yêu cầu dự kiến số lượng đối tượng phổ cập GDMN và kinh phí tăng thêm từ nguồn NSNN để thực hiện chính sách này.

Bộ GDĐT đã nghiêm túc nghiên cứu ý kiến này và đề nghị Bộ Tài chính xem xét giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết với lý do sau:

Việc phân bổ thêm chi phí tính theo định mức dân số đối với trẻ em mẫu giáo theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán năm 2024, đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và đã được thực hiện tốt ở các địa phương. Chính sách quy định tại Nghị quyết là trong thẩm quyền của Quốc hội và chỉ tăng mức phân bổ nên rất thuận tiện trong thực hiện, không phát sinh quy định về thủ tục hành chính. Các địa phương đã tự cân đối được ngân sách cần có cơ chế này để bố trí kinh phí cho việc chi trả chính sách cho trẻ cho giáo viên mầm non; những địa phương chưa tự cân đối được ngân sách cần có chính sách

này để có ngân sách thực hiện chính sách cho trẻ và giáo viên (có 04 UBND Tỉnh Lào Cai, Bắc Ninh, Ninh Bình, Điện Biên đề nghị nâng mức từ 45% lên 55% hoặc 60%). Nếu bỏ đi phân bổ 45% thì cần xây dựng Nghị định của Chính phủ để thực hiện các chính sách cho trẻ em và giáo viên khi thực hiện Nghị quyết của Quốc hội. Việc này sẽ kéo dài về thời gian thực hiện, thời gian để xây dựng Nghị định (mất ít nhất 2 năm theo quy định; sau đó HĐND các tỉnh mới có thể ban hành chính sách của tỉnh - ít nhất kéo dài thêm 1 năm theo Luật ban hành văn bản) nên không còn nhiều thời gian cho địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết, tính khả thi của Nghị quyết thí điểm sẽ giảm. Ngoài ra, khi đó việc xây dựng Nghị định sẽ phát sinh nhiều thủ tục hành chính để triển khai, làm vất vả thêm cho nhân dân. Đồng thời, nếu không có mức hỗ trợ 45% kinh phí chi trên đầu trẻ phân bổ theo ngân sách thì các tỉnh sẽ bị động trong triển khai hằng năm do phải thực hiện nhiều thủ tục để bổ sung kinh phí.

5. Về đề xuất các đơn vị thực hiện phổ cập GDMN dân lập được miễn tiền sử dụng đất, tiền thu đất, không phải thực hiện thủ tục tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết)

"Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị đã đưa ra chủ trương hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, bảo đảm tính trung lập của thuế, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, điều tiết thu nhập hợp lý. Tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ (điểm b khoản 1, khoản 2 Mục I Điều 1) về các mục tiêu chung đối với việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế trong giai đoạn tới, trong đó nêu: “Các chính sách thuế chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan”; “Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thuế gắn với cơ cấu lại thu NSNN nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu...; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm, bảo đảm tính trung lập của thuế...”.

Do đó, đề nghị bỏ nội dung quy định về thuế tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị quyết. (Bộ Tài chính có ý kiến;)

Bộ GDĐT nhất trí tiếp thu và bỏ ra khỏi dự thảo Nghị định các chính sách về thuế. Tuy nhiên, để hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non khu vực dân lập, tư thục, Bộ GDĐT đề xuất bổ sung 01 chính sách cho trẻ em dân lập, tư thục, đó là chính sách hỗ trợ chi phí học tập như trẻ em vùng khó khăn học ở trường công lập.

6. Ý kiến đối với chính sách giáo viên và trẻ em

- Bộ Tài chính, Nội vụ có ý kiến rà soát kỹ các chính sách cho giáo viên và trẻ trong dự thảo Nghị định, tránh trùng lặp với các chính sách đã có; đồng thời yêu cầu đánh giá các chính sách hiện hành:

Bộ Tài chính:

"- Đề nghị rà soát trẻ mẫu giáo trong độ tuổi phổ cập đi học tại các trường mầm non công lập được "miễn học phí" hay "không phải đóng học phí" để đảm bảo thống nhất, lý do: Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí quy định học sinh tiểu học trường công lập (đối tượng phổ cập giáo dục) không phải đóng học phí; trẻ em học mẫu giáo (hiện nay chưa phải là đối tượng phổ cập giáo dục) được miễn học phí.

- Bộ Nội vụ: "Về đề xuất các chính sách đối với đội ngũ giáo viên mầm non và chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mẫu giáo, đề nghị rà soát đánh giá các chính sách hiện hành (bao gồm cả chính sách theo quy định của địa phương), xác định tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, đề xuất cụ thể các chính sách cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định".

Bộ Giáo dục đào tạo đã rà soát, đánh giá kỹ, các chính sách đề xuất không trùng lặp với các chính sách đã có; đồng thời cũng làm rõ xác định tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, đề xuất cụ thể các chính sách cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới trong báo cáo đánh giá tác động của các chính sách được đề nghị Quốc hội xem xét, phê duyệt của Nghị quyết.

Bộ GDĐT trân trọng báo cáo!

(Có hồ sơ Dự thảo Nghị quyết và các văn bản đã chỉnh sửa, tiếp thu kèm theo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TỔNG HỢP BÁO CÁO TIẾP THU GIẢI TRÌNH

Ý KIẾN CÁC VỤ/CỤC THUỘC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Về dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội thí điểm Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại một số tỉnh, thành phố

Bộ GDĐT đã ban hành công văn số 3556/BGDĐT-GDMN ngày 17/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) xin ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi ở một số tỉnh, thành phố, đến ngày 05/9/2023 đã nhận được ý kiến góp ý của 03 đơn vị gồm: Vụ KHTC, Vụ CSVC, Cục Nhà giáo và CBQLGD.

Có 03/03 đơn vị nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị quyết;

Bộ GDĐT đã nghiên cứu kỹ ý kiến góp ý của các Vụ/Cục thuộc Bộ và chỉnh sửa vào dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ kèm theo thuyết minh cho việc ban hành Nghị quyết, một số ý kiến giải trình, cụ thể như sau.

1. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết

- Vụ KHTC và Vụ CSVC: Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (từ 3-5 tuổi).

Về ý kiến này, Bộ GDĐT xin được giải trình làm rõ như sau: Việc triển khai Phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hiện nay đã hoàn thành năm 2017, PCGDMNTNT đã được quy định trong Luật GD. Các chính sách liên quan tới độ tuổi 5 tuổi vẫn đang được tiếp tục thực hiện theo quy định để duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT. Vì vậy, Nghị quyết này chỉ tập trung cho đối tượng chưa phổ cập là trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi. Về ý kiến này Bộ KH&ĐT và Bộ Tư pháp cũng thống nhất chỉ nên thí điểm đối với độ tuổi 3 tuổi và 4 tuổi.

- Vụ CSVC có ý kiến: Trước mắt chỉ nên đề cập đến việc PCGDMN trẻ 4 tuổi. Khi thực hiện PCGDMNTNT, phần lớn các địa phương đã dồn nguồn lực cho các lớp 5 T (GV, CSVC...) vì vậy cần cân nhắc, tính toán các điều kiện bảo đảm, tăng cường đầu tư khi thực hiện PC cho các lớp MG dưới 5 tuổi để không ảnh hưởng đến các điều kiện đảm bảo đã đầu tư cho việc PCGDMNTNT.

Về ý kiến này, Bộ GDĐT xin được giải trình làm rõ như sau:

Việc triển khai thí điểm phổ cập GDMN đối với trẻ em mẫu giáo về nguyên tắc thực hiện đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận giáo dục đối với trẻ em; để đảm bảo nguyên tắc này cần thực hiện đồng thời cả 2 độ tuổi 3 tuổi và 4 tuổi ở 14 tỉnh thí điểm để đảm bảo công bằng cho trẻ em theo Luật trẻ em; đồng thời cũng là cơ hội để thí điểm các chính sách của Quốc hội đối với 2 độ tuổi này, qua đó rút kinh nghiệm sau quá trình thí điểm để đưa phổ cập mẫu giáo vào Luật Giáo dục. Đối với 14 tỉnh này đã có văn bản đồng thuận với Bộ trong việc triển khai thí điểm.

Về nguồn lực triển khai thí điểm: Dự thảo Nghị quyết đã quy định các chính sách của Chính phủ hỗ trợ cho các tỉnh thí điểm để thực hiện chính sách cho trẻ em và giáo viên; đối với CSVN hiện nay các địa phương đã có kế hoạch đầu tư đến năm 2025; đồng thời có các Chương trình MTQG, Chương trình hỗ trợ GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030 đang triển khai sẽ bổ sung nguồn lực đầu tư điều kiện CSVN, thiết bị cho các cơ sở GDMN.

2. Về chính sách "Đầu tư tài chính, ngân sách nhà nước cho cơ sở thực hiện phổ cập giáo dục mầm non"

Vụ KHTC có ý kiến: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: "HĐND các tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm xem xét, quyết định..."

Về ý kiến này, Bộ GDĐT đã phối hợp với Vụ KHTC chỉnh sửa như sau: "Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát đề trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức phân bổ thêm theo quy định tại khoản 1 Điều này (bảo đảm không thấp hơn mức tối thiểu và không trùng lặp với các nguồn lực thuộc các Chương trình, Dự án khác)."

3. Về chính sách thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với giáo viên mầm non khi thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non

Cục Nhà giáo & CBQLGD có ý kiến: Đối với Khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ đoạn "đề xuất cấp từ nguồn kinh phí thực hiện Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025 (Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ); giai đoạn tiếp theo từ nguồn bồi dưỡng thường xuyên giáo viên hàng năm.". Lý do: hiện nay, các địa phương đang trong giai đoạn tăng cường nguồn lực củng cố, tăng cường chất lượng các chỉ tiêu đã đạt và vượt. Phần đầu hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu chưa đạt giai đoạn 2023-2025 để tổng kết Đề án năm 2025.

Về ý kiến này, Bộ GDĐT đã tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết

4. Về Nguồn kinh phí và quản lý kinh phí

Vụ KHTC có ý kiến: Đối với nội dung quy định về NSNN cho cơ sở thực hiện PCGDMN, đề nghị quý Vụ tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm để bổ sung báo cáo đánh giá tác động.

Về ý kiến này, Bộ GDĐT đã tiếp nhận ý kiến của Bộ Tài chính và đã giải trình trong báo cáo tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành (có báo cáo kèm theo hồ sơ Nghị quyết).

5. Về ý kiến khác

Cục NG&CBQLGD có ý kiến: Đối với các địa phương tham gia thực hiện cần bảo đảm đầy đủ các điều kiện về đội ngũ và có các chế độ, chính sách cho đội ngũ này phù hợp với điều kiện địa phương bảo đảm quyền lợi của đội ngũ.

Về ý kiến này, Bộ GDĐT giải trình như sau:

- Về biên chế thực hiện phổ cập: Tổng số giáo viên cần bổ sung: 9.663 GVMN, bao gồm:

- + Số GVMN hiện nay còn thiếu: 7.612 GVMN;
- + Số GVMN cần bổ sung do tăng quy mô để thực hiện phổ cập: 2.051 GVMN.

Số biên chế viên chức các địa phương được giao chưa tuyển dụng và số biên chế được Bộ Chính trị bổ sung cho các địa phương giai đoạn 2022-2026 đủ để tuyển GVMN. Tuy nhiên, hiện nay các địa phương đang khó khăn về tuyển dụng do thiếu nguồn tuyển.

- Về chính sách: Dự thảo Nghị quyết đã đưa ra các chính sách hỗ trợ cho GVMN ở các đơn vị thực hiện thí điểm phổ cập như sau:

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định chính sách thu hút giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập thực hiện phổ cập giáo dục mầm non, căn cứ khả năng ngân sách của địa phương để xem xét quyết định mức ưu đãi khi tuyển dụng tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản. Giáo viên hưởng chính sách thu hút, ưu đãi phải cam kết công tác tại cơ sở giáo dục mầm non ít nhất 5 năm.

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non được hỗ trợ tối thiểu 960.000 đồng/tháng (chín trăm sáu mươi ngàn đồng một tháng), hưởng không quá 09 tháng/năm học. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, mức thấp nhất căn cứ vào quy định tại Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định cơ chế, chính sách tuyển dụng để bố trí đủ giáo viên theo quy định, bảo đảm tối thiểu có 02 giáo viên/lớp để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi 2 buổi/ngày theo Chương trình Giáo dục mầm non.

4. Cho phép tuyển dụng người có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non và có kế hoạch nâng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Vì vậy, nếu Nghị quyết này được thông qua sẽ có đủ cơ sở để thu hút, bố trí, tuyển dụng GVMN cho các tỉnh, thành phố thí điểm giai đoạn 2024-2027.

Bộ GDĐT trân trọng báo cáo!

(Có hồ sơ Dự thảo Nghị quyết và các văn bản đã chỉnh sửa, tiếp thu kèm theo)

BÁO CÁO

**PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM
MẪU GIÁO MỞ RỘNG TIẾP CẬN CÔNG BẰNG
GIÁO DỤC MẦM NON CÓ CHẤT LƯỢNG
KINH NGHIỆM THỰC TIỄN QUỐC TẾ**

Nội dung

A. Tóm tắt	3
B. Bốn mục tiêu chính sách và thực tiễn triển khai trong phổ cập giáo dục mầm non có chất lượng cho trẻ mẫu giáo	7
Mục tiêu chính sách 1: Mở rộng khả năng tiếp cận các cơ sở giáo dục mầm non thông qua thúc đẩy các loại hình dịch vụ đa dạng	7
Mục tiêu chính sách 2: Ưu tiên nguồn lực cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế, đảm bảo dịch vụ miễn phí hoặc chi phí thấp	11
Mục tiêu chính sách 3: Ngân sách nhà nước cần đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực tài chính để dịch vụ GDMN chất lượng phù hợp với khả năng chi trả của các gia đình	12
Mục tiêu chính sách 4: Đảm bảo trẻ được tiếp cận GDMN “có chất lượng” và học tập trong môi trường an toàn và tích cực	14
C. Phân tích sâu 1: Đổi mới phương thức để mở rộng khả năng tiếp cận GDMN chất lượng ở những địa bàn khó khăn	20
Kinh nghiệm 1: Tăng khả năng tiếp cận thông qua mở rộng CSGDMN tư nhân – kinh nghiệm từ Malaysia và Nigeria	20
Kinh nghiệm 2: Nhóm trẻ cộng đồng do nhà nước tài trợ và tư nhân triển khai ở Vân Nam, Trung Quốc	21
Kinh nghiệm 3: “Lớp mẫu giáo” cộng đồng ở Uzbekistan	22
D. Phân tích sâu 2: Hiện thực hóa mục tiêu giáo dục mầm non có chất lượng trên quy mô lớn..	24
Kinh nghiệm 1: Không nên mở rộng GDMN vượt quá ngưỡng có thể đảm bảo chất lượng tối thiểu	24
Kinh nghiệm 2: Ưu tiên nguồn lực công hạn chế cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhất	25
Kinh nghiệm 3: Khuyến khích khu vực ngoài công lập để mở rộng khả năng tiếp cận GDMN chất lượng	25
Kinh nghiệm 4: Ưu tiên đầu tư để thúc đẩy việc học của trẻ đồng thời xây dựng hệ thống GDMN chất lượng trên quy mô lớn	26
Kinh nghiệm 5: Cách tiếp cận hệ thống để từng bước xây dựng các hệ thống GDMN có chất lượng	27
Kinh nghiệm 6: Các khoản đầu tư ngoài GDMN nhằm thúc đẩy giáo dục mầm non	27

A. Tóm tắt

Đảm bảo tiếp cận công bằng với giáo dục mầm non (GDMN) có chất lượng là một trong những khoản đầu tư quan trọng nhất của xã hội để giúp trẻ em xây dựng nền tảng vững chắc cho học tập suốt đời và trường học là một trong những môi trường quan trọng nhất để tạo cơ hội bình đẳng cho mọi trẻ em. Mở rộng GDMN có chất lượng tại các quốc gia có thu nhập trung bình thấp là cơ hội để mỗi quốc gia giảm chỉ số nghèo về học tập và bất bình đẳng trong học tập cũng như xây dựng nguồn nhân lực cho tương lai.

GDMN chất lượng là một công cụ hiệu quả để khắc phục rào cản và bất bình đẳng ở giai đoạn đầu đời và trong suốt cuộc đời trẻ. Ở các nước giàu cũng như nước nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn là đối tượng được hưởng lợi nhiều nhất từ hệ thống GDMN chất lượng. Trẻ từ các gia đình có thu nhập thấp nếu được tiếp cận giáo dục GDMN chất lượng có thể bứt phá nhanh hơn so với các bạn đồng trang lứa từ gia đình có điều kiện, về các khía cạnh phát triển đầu ra của trẻ, bao gồm kỹ năng nhận thức và cảm xúc xã hội (theo nghiên cứu của Britto và cộng sự, 2016; Burchinal và cộng sự, 2015; Holla và cộng sự, 2021; Rao và cộng sự, 2017; Yoshikawa và cộng sự, 2013). Mặc dù việc cung cấp GDMN chất lượng cho những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhất đặt ra nhiều thách thức, nhưng cũng sẽ tạo ra lợi tức đầu tư lớn nhất vì đây là nhóm trẻ được hưởng lợi nhiều nhất từ chương trình GDMN chất lượng. Hơn nữa, ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy rằng ngay cả những cải thiện nhỏ trong khả năng tiếp cận các cơ hội học tập do các chương trình GDMN cung cấp cũng có hiệu quả trong việc thúc đẩy việc học ở những nơi rất khó khăn, cho thấy rằng việc ưu tiên tiếp cận GDMN cho trẻ em từ các gia đình có điều kiện kinh tế-xã hội thấp có thể mang lại hiệu quả cao về chi phí.

GDMN là một giải pháp hiệu quả về chi phí để cải thiện việc học tập của trẻ em, mang lại nhiều tác động lâu dài trong suốt cuộc đời đối với học sinh, gia đình và cộng đồng. Ngoài cải thiện về kết quả học tập trong GDMN (Holla và cộng sự, 2021), các khoản đầu tư vào GDMN giúp nâng cao hiệu quả đầu tư vào các bậc học tiếp nối (Cunha và Heckman 2007; Johnson và Jackson 2019). Ở cấp tiểu học, những trẻ đã tham gia chương trình GDMN có chất lượng thể hiện tỷ lệ chuyên cần cao hơn, đạt kết quả học tập tốt hơn và ít có khả năng lưu ban, bỏ học hoặc cần được phụ đạo hoặc giáo dục đặc biệt (Berlinski và Schady 2015; Naudeau và cộng sự, 2011). GDMN chất lượng cũng giúp phát triển tính kiên trì trong học tập, nâng cao trình độ học vấn, cải thiện sức khỏe và kết quả làm việc (Chetty và cộng sự, 2010; OECD 2017; Schweinhart và cộng sự, 2005). Trẻ được tiếp nhận GDMN chất lượng có tỷ lệ tham gia các hoạt động xã hội, nghề nghiệp cao hơn và ít phạm tội hơn (Currie 2001; Magnuson, Ruhm, và Waldfogel 2007; Schweinhart và cộng sự, 2005; Sondheim và Green 2010; Ngân hàng Thế giới 2018b). GDMN chất lượng cao cũng có thể tạo tác động lan tỏa tích cực trên quy mô lớn (Martinez, Naudeau và Pereira 2012) và tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh tham gia lực lượng lao động (Berlinski và Galiani 2007; Evans, Jakiela và Knauer 2021).

Báo cáo này cung cấp tóm tắt các lựa chọn trong từng mục tiêu chính sách và tính cân bằng giữa tiếp cận và chất lượng, dựa trên các thông lệ quốc tế tốt nhất từ kinh nghiệm thực tiễn của một số quốc gia và thực tế triển khai trong một số dự án của Ngân hàng Thế giới (NHTG). Hầu như mọi quốc gia đều đối mặt với nhiều thách thức khác nhau trong quá trình này, do đó, sẽ cần đưa ra nhiều chiến lược và cách tiếp cận để đạt được năm mục tiêu chính sách này. Phần thứ nhất (Phần B) tóm tắt kinh nghiệm quốc tế trong triển khai phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo, tập trung vào bốn mục tiêu chính sách liên quan tới đa dạng hóa loại hình dịch vụ công lập – ngoài công lập, ưu tiên nguồn lực cho nhóm trẻ yếu thế, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đảm bảo dịch vụ trong khả năng chi trả, đảm bảo trẻ được học tập trong môi trường an toàn, thân thiện và tích cực. Các nội dung này được minh họa với ví dụ từ các quốc gia trên thế giới bao gồm các nước phát triển và đang phát triển. Phần tiếp theo (Phần C) là sẽ phân tích sâu hơn và đưa ra một số kinh nghiệm thực tiễn từ các quốc gia trong khu vực trong mở rộng tiếp cận GDMN ở các khu vực, địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn thông qua đa dạng hóa dịch vụ và tăng cường sự tham gia của tư nhân và cộng đồng. Các ví dụ này đến từ Malaysia, Nigeria, Trung Quốc (Vân Nam), Uzbekistan và Mỹ (California).

Bốn mục tiêu chính sách để mở rộng khả năng tiếp cận GDMN chất lượng với chi phí phải chăng cho trẻ từ 3-5 tuổi

Với nhiều lợi ích cho trẻ em, nền kinh tế và xã hội nói chung, giáo dục mầm non cần là một lĩnh vực ưu tiên trong đầu tư công. Và để đảm bảo tính hiệu quả trong đầu tư vào GDMN, bao gồm cấp mẫu giáo, việc mở rộng GDMN cần thực hiện với ưu tiên và đầu tư vào nâng cao chất lượng để thúc đẩy quá trình học tập của trẻ. Chính phủ cần đảm bảo rằng, các dịch vụ GDMN luôn sẵn có với chi phí phải chăng và chất lượng tốt để đáp ứng nhu cầu của mọi gia đình. Để thực hiện mục tiêu này, theo đánh giá và tổng kết thực tiễn của Ngân hàng về các thông lệ quốc tế tốt nhất, **chính phủ nhiều nước đã áp dụng các mục tiêu chính sách sau đây:**

1. Mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ GDMN tại cơ sở GDMN thông qua đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.
2. Ưu tiên cung cấp GDMN cho những gia đình dễ bị tổn thương nhất và đảm bảo có sẵn các lựa chọn miễn phí và chi phí thấp.
3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo các dịch vụ GDMN có chất lượng nằm trong khả năng chi trả của các gia đình.
4. Đảm bảo trẻ được tham gia học tập trong môi trường an toàn và tích cực thông qua hệ thống đảm bảo chất lượng hoạt động hiệu quả.

Ba nguyên tắc chính để đảm bảo tính cân bằng giữa tiếp cận và chất lượng khi tiến hành phổ cập mầm non bao gồm:

1. Mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục mầm non cần cân bằng với đảm bảo và nâng cao chất lượng. Chỉ GDMN đạt chất lượng nhất định mới giúp cải thiện kết quả học tập và năng suất làm việc trong tương lai. Để các khoản đầu tư vào GDMN mang lại những cải thiện về học tập, tốc độ mở rộng mạng lưới GDMN phải nằm trong ngưỡng phù hợp để đảm bảo được chất lượng ở mức tối thiểu.
2. Cần ưu tiên các khoản đầu tư có thể mang lại kết quả học tập tốt hơn ở trẻ. Các khoản đầu tư quan trọng để nâng cao chất lượng học—bao gồm nâng cao năng lực của đội ngũ GDMN hiện có, áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với lứa tuổi và đảm bảo không gian học tập an toàn và tích cực—không cần phải quá tốn kém hoặc phức tạp để mang lại hiệu quả.
3. Các hệ thống cung cấp GDMN chất lượng trên quy mô lớn được xây dựng từng bước theo mục tiêu cụ thể. Để xây dựng các hệ thống này cần nhiều thời gian và cần đầu tư xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, cơ sở dữ liệu giúp đưa ra quyết định dựa trên bằng chứng, phát triển và quản lý đội ngũ.

Tóm tắt kinh nghiệm quốc tế về các giải pháp ưu tiên nhằm phổ cập GDMN có chất lượng cho trẻ mẫu giáo

Tăng cường tiếp cận giáo dục mầm non thông qua các loại hình dịch vụ đa dạng, đặc biệt từ khu vực tư nhân

- Thực hiện khảo sát cấp quốc gia để nắm bắt nhu cầu của các gia đình và điều chỉnh can thiệp phù hợp.
- Sử dụng nhiều đòn bẩy chính sách để hỗ trợ việc mở rộng các loại hình dịch vụ giáo dục mầm non (các lựa chọn chính sách khác nhau, bao gồm dịch vụ mầm non công lập, hỗ trợ tài chính cho gia đình, các ưu đãi dành cho khu vực ngoài công lập và dịch vụ giáo dục mầm non do người sử dụng lao động hỗ trợ).
- Các chỉ số về giáo dục mầm non toàn quốc, dựa trên dữ liệu phân cấp, cần theo dõi được nhóm trẻ nào đang theo học các chương trình chất lượng thấp và chất lượng cao. Một bộ chỉ số đáng tin cậy sẽ giúp đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục mầm non.

<p>Ưu tiên trẻ từ các gia đình dễ bị tổn thương nhất và đảm bảo có các lựa chọn dịch vụ GDMN miễn phí và chi phí thấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chính phủ cần xác định định hướng, chiến lược và cách thức mở rộng mạng lưới cơ sở GDMN mầm non. Các quốc gia khác nhau áp dụng các chiến lược chính sách khác nhau: bổ sung lớp học/chỗ học mầm non tại các trường tiểu học truyền thống; phát triển GDMN từ các trung tâm cộng đồng, mở rộng hệ thống trường mầm non ngoài công lập, phát triển các nhóm trẻ cộng đồng tại gia đình. Các lớp học mới cần có giáo viên mới hoặc luân chuyển giáo viên hiện có cho trường mầm non. Mở rộng mạng lưới trường lớp cần song hành với các biện pháp để xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên chăm sóc trẻ. • Ưu tiên cung cấp hỗ trợ nhằm đảm bảo tiếp cận GDMN cho trẻ từ các gia đình dễ bị tổn thương (ví dụ: đưa ra chỉ tiêu tuyển sinh trẻ từ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong các CSGDMN). Tăng mức trợ cấp chi phí, tối thiểu là cho trẻ từ gia đình có điều kiện khó khăn (thông qua hỗ trợ tài chính cho các gia đình và/hoặc trợ cấp cho các CSGDMN ngoài công lập có trẻ từ nhóm hộ gia đình khó khăn). • Việc mở rộng “GDMN miễn phí” cho tất cả học sinh không khắc phục tình trạng bất bình đẳng trong GDMN và dẫn tới lãng phí nguồn lực do các gia đình có thu nhập trung bình và cao đã có khả năng chi trả dịch vụ. • Khi thực hiện mở rộng GDMN ở các cộng đồng khó khăn, cần tăng cường công tác lập kế hoạch và giám sát một cách cẩn trọng ở cấp địa phương và trung ương và áp dụng các tiêu chí/cơ chế để đảm bảo các gia đình có thu nhập thấp có thể tiếp cận được dịch vụ ngoài công lập được chính phủ hỗ trợ và dành cho gia đình có thu nhập thấp. • Xem xét nhu cầu và giải pháp cho người lao động phi chính thức, bao gồm cả việc xác định địa điểm/không gian có thể để cho các CS GDMN cung cấp dịch vụ cho người lao động phi chính thức gần nơi làm việc hoặc nơi ở của họ. • Để đảm bảo tính công bằng, xem xét nhu cầu của trẻ em có khó khăn đặc thù (ví dụ: trẻ em khuyết tật, dân tộc thiểu số hoặc nói ngôn ngữ thiểu số, v.v.).
<p>Đảm bảo trẻ em được chăm sóc, nuôi dạy trong môi trường học tập an toàn, thân thiện thông qua các điều kiện đảm bảo chất lượng cao, bao gồm đội ngũ GV, NV, CBQL được đào tạo và có năng lực</p>	<p><u>Quản lý chất lượng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đặt ra các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng áp dụng cho tất cả các CSGDMN không phân biệt loại hình, phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa phương, loại hình cơ sở GDMN, và có đủ tính khả thi để khuyến khích các nhà cung cấp tham gia. • Xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng toàn diện và chặt chẽ (với các tiêu chuẩn tối thiểu rõ ràng cụ thể gắn liền với lộ trình cải thiện theo thời gian). • Thiết lập hệ thống đánh giá, giám sát. <p><u>Nâng cao năng lực của GV, NV, CBQL, người chăm sóc trẻ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn có chất lượng đối với giáo viên mầm non và nhân viên chăm sóc trẻ, chú trọng vào thực hành. • Chuyên nghiệp hóa đội ngũ giáo viên mầm non được đào tạo bài bản, có lộ trình nghề nghiệp và chế độ đãi ngộ phù hợp. • Khuyến khích sự tham gia của các bậc cha mẹ đồng thời thiết lập cơ chế để giúp cha mẹ hỗ trợ sự phát triển của con cái và thúc đẩy các dịch vụ có chất lượng. • Cung cấp hỗ trợ về bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm việc tại các cơ sở GDMN ngoài công lập tại vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, hoặc nhận trẻ từ nhóm gia đình dễ tổn thương. • Cung cấp hỗ trợ cho các nhà cung cấp khác (mạng lưới, chương trình đào tạo và huấn luyện, hỗ trợ đồng nghiệp, truy cập vào tài nguyên học tập, v.v.).
<p>Phân bổ đủ ngân sách để đảm bảo cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non có chất lượng, phù hợp túi tiền của các gia đình</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo NSNN để cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non có chất lượng với chi phí hợp lý cho mọi trẻ em, đặc biệt với nhóm trẻ có điều kiện khó khăn/ dễ tổn thương. • Xem xét các nguồn tài chính đa dạng ngân sách công, tài trợ của người sử dụng lao động, đóng góp hợp lý của cá nhân (đối với những người có khả năng chi trả) và các loại tài trợ khác nhau của khu vực tư nhân.

	<ul style="list-style-type: none"> • Tận dụng nguồn tài chính hiện có bằng cách lồng ghép, tích hợp GDMN vào các chương trình/lĩnh vực khác (xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội, phát triển đô thị, cơ hội nghề nghiệp, bình đẳng giới, v.v...) nhằm tăng lợi ích, giảm chi phí. • Đảm bảo ngân sách để xây dựng và duy trì một hệ thống đảm bảo chất lượng hiệu quả.
Tiếp cận hệ thống trong quản lý ngành	<ul style="list-style-type: none"> • Giao trách nhiệm cho các cơ quan đầu mối với nhiệm vụ rõ ràng và nguồn lực để mở rộng tiếp cận và đảm bảo chất lượng, đồng thời xác định rõ vai trò và trách nhiệm tham gia của các cơ quan và ban ngành khác. • Thu thập dữ liệu về tiếp cận và chất lượng để cung cấp thông tin đầu vào cho việc triển khai thực hiện và xây dựng chính sách. • Triển khai theo hướng tiếp cận toàn chính phủ để tối ưu hóa các chương trình và chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của trẻ em và việc làm của phụ nữ đồng thời đảm bảo tính nhất quán của hệ thống (có tính đến các chính sách bổ sung khác như trợ cấp cho trẻ và nghỉ phép của cha mẹ).

B. Bốn mục tiêu chính sách và thực tiễn triển khai trong phổ cập giáo dục mầm non có chất lượng cho trẻ mẫu giáo

1 Mục tiêu chính sách 1: Mở rộng khả năng tiếp cận các cơ sở giáo dục mầm non thông qua thúc đẩy các loại hình dịch vụ đa dạng

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc triển khai các loại hình dịch vụ đa dạng là rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu khác nhau của các gia đình cũng như huy động các bên tham gia và nguồn tài chính để giúp tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục mầm non. Có bốn hình thức tiếp cận chính (triển khai riêng lẻ hoặc hỗn hợp) giúp chính phủ tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục mầm non của người dân:

- (i) hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho cơ sở GDMN công lập;
- (ii) hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các gia đình có trẻ đến trường;
- (iii) chính sách ưu đãi đối với khu vực ngoài công lập, bao gồm các mô hình dựa vào cộng đồng (community-based centers);
- (iv) hỗ trợ bởi người sử dụng lao động hỗ trợ (bắt buộc hoặc khuyến khích bởi Chính phủ).

Bảng dưới đây tóm tắt (chưa phải là) danh sách đầy đủ các sáng kiến về GDMN ở một số quốc gia được lựa chọn cũng như cách tiếp cận chính liên quan đến hỗ trợ của chính phủ đối với trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi.

	Độ tuổi trẻ mẫu giáo	Tỷ lệ nhập học*	Chăm sóc trẻ do người sử dụng lao động hỗ trợ	Chính sách ưu đãi dành cho khu vực ngoài công lập	Hỗ trợ tài chính cho gia đình	Hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho cơ sở GDMN công lập
Dan Mạch	3-5	98%				Miễn phí
Pháp	3-5	100%				Miễn phí
Hà Lan	3-5	95%				Miễn phí từ 4 tuổi
Thổ Nhĩ Kỳ	3-5	37%		Giảm thuế cho MG 5 tuổi		
Thụy Điển	3-5	96%				525 giờ miễn phí một năm
Anh	3-5	100%			15-30 giờ/tuần (3-4 tuổi)	Chỉ chương trình mẫu giáo (5 tuổi)
Brazil	3-5	81%				MG 4-5 bắt buộc và miễn phí
Chile	3-5	80%		Trợ cấp cho các mô hình nhóm trẻ cộng đồng - mức độ bao phủ thấp		Miễn phí
Colombia	3-5	84%		Tài trợ các mô hình dựa vào cộng đồng cho các gia đình có thu nhập thấp		MG 5 tuổi bắt buộc và miễn phí
Jamaica	3-5	99%		Trợ cấp & giáo viên (hiện đang sửa đổi chính sách)		Miễn phí tuy nhiên mức độ bao phủ thấp

Mexico	3-5	83%				MG 3-5 tuổi bắt buộc & miễn phí
Ấn Độ	3-5	73%	>50 công nhân trong khu vực chính thức	Trợ cấp cho trường MN/nhóm trẻ vận hành bởi tổ chức phi chính phủ cho các gia đình thu nhập thấp		Miễn phí tại các cơ sở GDMN công lập vùng nông thôn
Nam Phi	3-5	85% (MG 5t)		Trợ cấp cho các cơ sở GDMN cung cấp dịch vụ cho hộ gia đình thu nhập thấp		MG 5 tuổi miễn phí

Phương thức 1 - Hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho cơ sở GDMN công lập: Ở một số quốc gia như Đan Mạch, Thụy Điển và Pháp, chính phủ cung cấp dịch vụ GDMN cho trẻ trong suốt giai đoạn từ sơ sinh đến tuổi đi học tiểu học (hoặc từ 1 tuổi ở Thụy Điển). Các quốc gia đảm bảo cung cấp giáo dục mầm non ở độ tuổi mẫu giáo, mặc dù thường chỉ dành cho một năm trước khi vào tiểu học (ví dụ ở Vương quốc Anh và một số tiểu bang ở Hoa Kỳ) hoặc trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo 3-5 tuổi.

Phương thức 2 - Hỗ trợ tài chính cho gia đình: Các chính phủ có thể chọn hỗ trợ giáo dục mầm non thông qua hỗ trợ tài chính cho gia đình trẻ thay vì cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non miễn phí/chi phí thấp/được cấp bù. Các gia đình có thể lựa chọn nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau bao gồm giảm thuế, giảm giá, trợ cấp và phiếu chi trả (voucher). Những lựa chọn này có thể là cách tốt để cải thiện khả năng chi trả cho giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

Giảm phí/Trợ cấp trực tiếp. Tại Vương quốc Anh, cha mẹ được quyền nhận dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ miễn phí ít nhất 15 giờ mỗi tuần cho trẻ em từ 3 đến 4 tuổi (cha mẹ chọn nơi gửi con và người chăm sóc, sẽ được chính phủ hoàn trả trực tiếp cho gia đình); tuy nhiên, báo cáo cho thấy các gia đình gặp khó khăn trong việc tìm chỗ học cho trẻ và khoản đóng góp tài chính có thể không đủ để trang trải chi phí cho CSGDMN (Ủy ban Châu Âu 2017).

Giảm thuế. Một số quốc gia như Anh hay Pháp cũng áp dụng chiến lược giảm thuế mặc dù cách tiếp cận này có thể không hiệu quả ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, nơi có nhiều người ở dưới ngưỡng chịu thuế thu nhập hoặc làm việc trong khu vực phi chính thức.

Phiếu chi trả. Một nghiên cứu gần đây về thị trường giáo dục mầm non ở Hoa Kỳ cho thấy rằng một trong những lựa chọn tốt nhất là tối đa hóa sự tham gia của lực lượng lao động nữ và sự kết hợp giữa cải thiện chất lượng và phiếu chi trả trực tiếp cho các gia đình (Berlinski và cộng sự 2020). Cách tiếp cận này nhằm kết hợp các nỗ lực từ cả phía cầu và phía cung. Việc tập trung vào chất lượng sẽ cải thiện trải nghiệm của trẻ và phiếu học phí sẽ khuyến khích lựa chọn và khả năng chi trả cho các gia đình, đồng thời tăng nguồn thu cho CS GDMN. Kết quả là CSGDMN ngoài công lập được khuyến khích tham gia thị trường và cải thiện chất lượng của họ (Berlinski và cộng sự 2020).

Phương thức 3 - Khuyến khích các nhà cung cấp ngoài công lập, bao gồm các mô hình dựa vào cộng đồng: Các CSGDMN ngoài công lập thu hút các nguồn lực và đáp ứng các nhu cầu khác nhau của cha mẹ thông qua đa dạng hóa nhiều mô hình cung cấp. Theo đó, các chính sách ưu đãi có thể được áp dụng theo nhiều hình thức khác nhau để khuyến khích khu vực ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non có chất lượng.

Các chiến lược bao gồm: tài trợ để giúp đầu tư xây dựng cơ sở; trợ cấp thường xuyên (có thể gắn liền với chất lượng); hỗ trợ/tài trợ đầu vào cụ thể (ví dụ: nguồn lực giáo viên, đất đai); và giảm thuế cho các công ty tư nhân. Các thỏa thuận hợp tác công tư (PPP) này có thể được đưa ra dưới các hình thức và mức độ phức tạp khác nhau. Tại Việt Nam, chính phủ cho các cơ sở giáo dục mầm non tư nhân thuê đất, hỗ trợ ngân sách và cho vay với lãi suất ưu đãi (Ngân hàng Thế giới 2019c). Trong một số trường hợp, chính sách trợ cấp kèm theo các điều kiện để đảm bảo nhắm vào các gia đình có thu nhập thấp. Ví dụ, ở Nam Phi, trợ cấp cho mỗi trẻ được liên kết với mức thu nhập của cha mẹ/ người giám hộ trẻ. Thêm vào đó, trợ cấp được tính dựa trên điểm chuyên cần thay vì ghi danh, khiến cơ sở giáo dục mầm non bị ảnh hưởng bởi các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của họ và chỉ 30% trợ cấp có thể được sử dụng để trả lương, và số tiền này không đủ để chi trả cho mức lương tối thiểu (BRIDGE và cộng sự 2020). Tại Colombia, chương trình chăm sóc trẻ tại nhà (Hogares Comunitarios de Bienestar) đặt ra mức phí trần thu từ phụ huynh.

Phương thức 4 - Chính phủ bắt buộc hoặc khuyến khích người sử dụng lao động hỗ trợ một phần chi phí GDMN cho người lao động

Ngày càng có nhiều quốc gia đặt nghĩa vụ về giáo dục mầm non lên người sử dụng lao động, bao gồm Brazil, Campuchia, Ấn Độ, Nhật Bản, Jordan và Thổ Nhĩ Kỳ (IFC 2017). Hiện tại, 26 trong số 189 quốc gia yêu cầu người sử dụng lao động trong khu vực tư nhân phải hỗ trợ hoặc cung cấp dịch vụ chăm sóc nuôi dạy trẻ (Ngân hàng Thế giới 2019c). Thông thường, các chính phủ quy định những công ty có quy mô nhân viên nhất định phải cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non. 18 trong số 26 quốc gia nêu trên (chiếm 70%) đưa ra quy định này dựa trên số lượng nhân viên nữ, mặc dầu điều này có nguy cơ gây ra phân biệt đối xử trong thực tiễn tuyển dụng (Ngân hàng Thế giới 2019c). Ấn Độ và Ecuador là những ví dụ về các quốc gia yêu cầu các công ty phải bố trí dịch vụ giáo dục mầm non dựa trên tổng số nhân viên, không phân biệt giới tính.

Mặc dù việc đưa ra chính sách như vậy là một bước khởi đầu đáng khích lệ, tuy nhiên, các yêu cầu/biện pháp này thường giới hạn cho trẻ 0-3 tuổi, cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ ở mức tối thiểu, và việc tuân thủ có thể là một câu chuyện hoàn toàn khác. Đánh giá thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong năm 2016-2017 tại Campuchia cho thấy 72% các nhà máy được đánh giá không tuân thủ yêu cầu có các trường mẫu giáo, nhà trẻ ban ngày đang hoạt động tại hoặc gần nơi làm việc (ILO 2018a). Thêm vào đó, như các phúc lợi bắt buộc khác, hình thức hỗ trợ này có rủi ro là các chi phí liên quan đến giáo dục mầm non có thể được chuyển cho người lao động dưới dạng thu nhập thấp hơn hoặc giảm phúc lợi khác.

Cách tiếp cận	Hình thức triển khai	Cơ sở chính sách	Điều kiện thực hiện
Chính phủ trực tiếp cung cấp các dịch vụ GDMN miễn phí hoặc được trợ cấp ở mức cao	Các dịch vụ được chính phủ quản lý và thực hiện, đặc biệt là tại các khu vực không có nhiều nguồn lực	Đảm bảo các dịch vụ GDMN dễ tiếp cận, với chi phí phải chăng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhất	Đòi hỏi nhiều nguồn nhân lực và tài chính, năng lực thực hiện và cam kết chính trị để có thể cung cấp các dịch vụ miễn phí hoặc được trợ cấp ở mức cao. Chính sách này có thể đòi hỏi mức chi ngân sách và nỗ lực thực hiện cao hơn mức cần thiết, trong trường hợp có thể áp dụng các cách tiếp cận khác.
Hỗ trợ tài chính cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	Hỗ trợ trẻ em thông qua phiếu miễn giảm học phí (miễn giảm học phí và cho phép phụ huynh lựa chọn các hình thức hỗ trợ khác nhau),	Một giải pháp quan trọng để giảm chi phí GDMN, cho phép phụ huynh được lựa chọn mà không tạo gánh nặng thực hiện các dịch vụ GDMN công, vốn đòi	Cần mạng lưới cơ sở GDMN sẵn có trên phạm vi toàn quốc, hoặc nếu chưa đảm bảo mạng lưới, cần có kèm theo các chiến lược kích thích cung để mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ.

	giảm giá hoặc giảm thuế.	hỏi mức độ năng lực cao hơn.	<p>Mức hỗ trợ tài chính phải thực tế nhưng cần đủ để đảm bảo mức chi phí là hợp lý đối với phụ huynh và cho phép các cơ sở GDMN cung cấp dịch vụ có chất lượng.</p> <p>Trong trường hợp nguồn lực hạn chế, hỗ trợ tài chính cần ưu tiên trẻ em từ gia đình có thu nhập thấp và đảm bảo mức độ đóng góp đủ lớn để thúc đẩy sự tham gia, tiếp nhận hỗ trợ của nhóm phụ huynh này.</p> <p>Cần có năng lực quản lý chương trình và để điều chỉnh, đảm bảo chất lượng.</p>
Đa dạng hóa các CSGDMN ngoài công lập, bao gồm các mô hình GDMN dựa vào cộng đồng	Các chiến lược bao gồm: tài trợ kinh phí để giúp thiết lập cơ sở ban đầu ; duy trì các gói trợ cấp thường xuyên (có thể gắn liền với chất lượng); hỗ trợ đầu vào cụ thể (ví dụ: giáo viên, đất đai); và giảm thuế.	Nhu cầu đối với các dịch vụ GDMN là khá lớn và cấp thiết trong khi năng lực của các cơ sở cung cấp dịch vụ công còn hạn chế và nhu cầu của phụ huynh cũng đa dạng, khu vực ngoài công lập có thể đưa ra các phương pháp và nguồn lực để bổ sung cho các chiến lược mở rộng tiếp cận của chính phủ.	<p>Hoạt động chăm sóc, nuôi dạy trẻ đòi hỏi chi phí và đặt ra nhiều yêu cầu để đảm bảo chất lượng, do đó, hỗ trợ, tài trợ hoặc hình thức đóng góp khác của chính phủ (chẳng hạn như cung cấp đội ngũ giáo viên hoặc đất đai) ở một mức độ nhất định có thể khuyến khích các nhà cung cấp tham gia thị trường và duy trì chất lượng.</p> <p>Các điều kiện bổ sung được thiết kế kèm theo các khoản trợ cấp/hỗ trợ đầu vào có thể đảm bảo các loại hình dịch vụ này phục vụ các gia đình có thu nhập thấp.</p> <p>Các chính sách kèm theo của chính phủ về kiểm định chất lượng, đảm bảo chất lượng và đội ngũ giảng dạy, quản lý GDMN, áp dụng cho cả khu vực tư nhân, là điều kiện cần thiết để hỗ trợ thực hiện.</p>
Dịch vụ GDMN/ chăm sóc, nuôi dạy trẻ do người sử dụng lao động hỗ trợ (bắt buộc hoặc khuyến khích)	Đặt nghĩa vụ chăm sóc chăm sóc, nuôi dạy trẻ lên người sử dụng lao động	Nhiều doanh nghiệp đang đầu tư vào GDMN và đây có thể là một giải pháp hiệu quả để đa dạng hóa loại hình dịch vụ, giảm áp lực lên nguồn lực của chính phủ và để tập trung cho các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.	<p>Hình thức bắt buộc người sử dụng lao động hỗ trợ dịch vụ GDMN thường chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp lớn, trong khu vực chính thức, do đó, đây không phải là chiến lược duy nhất được các chính phủ triển khai, đặc biệt là đối với các quốc gia có tỷ trọng khu vực phi chính thức cao.</p> <p>Mặc dù có những lý do hợp lý cho doanh nghiệp, vẫn cần hướng dẫn để doanh nghiệp hiểu được bài toán kinh tế.</p> <p>Các chính sách nên dựa trên số lượng nhân viên tối thiểu, thay vì số lượng nhân viên nữ, để tránh phân biệt đối xử dựa trên giới tính.</p> <p>Các chính sách nên cung cấp cho người sử dụng lao động các lựa chọn khác nhau để tuân thủ yêu cầu và đáp ứng nhu cầu của người lao động (ví dụ: cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ tại nơi làm việc hoặc gần nơi làm việc, hỗ trợ hàng tháng, phiếu chi trả, liên minh với người sử dụng lao động khác, v.v.).</p> <p>Chính phủ có thể áp dụng các cơ chế phù hợp để khuyến khích người sử dụng lao động (ví dụ như giảm thuế, đất đai và các thỏa thuận PPP khác).</p>

2

Mục tiêu chính sách 2: Ưu tiên nguồn lực cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế, đảm bảo dịch vụ miễn phí hoặc chi phí thấp

Các chiến lược phổ cập GDMN có chất lượng cần ưu tiên trẻ em từ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ngay từ đầu. Mặc dù việc cung cấp GDMN chất lượng cho những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhất đặt ra nhiều thách thức, nhưng cũng sẽ tạo ra lợi tức đầu tư lớn nhất vì đây là nhóm trẻ được hưởng lợi nhiều nhất từ chương trình GDMN chất lượng. Hơn nữa, ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy rằng ngay cả những cải thiện nhỏ trong khả năng tiếp cận các cơ hội học tập do các chương trình GDMN cung cấp cũng có hiệu quả trong việc thúc đẩy việc học ở những nơi rất khó khăn, cho thấy rằng việc ưu tiên tiếp cận GDMN cho trẻ em từ các gia đình có điều kiện kinh tế-xã hội thấp có thể mang lại hiệu quả cao về chi phí.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các hệ thống giáo dục có thể đạt được cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục sớm chất lượng cho trẻ em từ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn thông qua các chiến lược khác nhau. Ví dụ, ở Na Uy, nơi 97% trẻ em từ 3-5 tuổi theo học tại các trường mẫu giáo, các khoản trợ cấp của nhà nước cho các trường mẫu giáo và các chương trình trợ cấp trên toàn quốc tiếp tục đảm bảo rằng các gia đình có thu nhập thấp chỉ phải trả tối đa 6% thu nhập của họ khi con cái đi học mẫu giáo (Engel và cộng sự, 2018). Chương trình cũng kéo dài giờ trông trẻ vào năm 2015 để đáp ứng nhu cầu của các gia đình đi làm. Tại Đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, nơi 100% trẻ em được tiếp cận dịch vụ, chương trình Giáo dục Mẫu giáo Miễn phí và Chất lượng cung cấp khoản trợ cấp cố định hàng năm dưới dạng phiếu hỗ trợ chi trả (voucher) có thể chi trả tới 100% học phí cũng như một khoản cố định cho các chi phí liên quan đến trường học (Wong và Rao 2015).

Nhiều chính phủ ưu tiên hỗ trợ GDMN cho các gia đình có thu nhập thấp, thông qua những chiến lược như:

- **Cung cấp dịch vụ theo mục tiêu cụ thể:** Thiết lập hoặc hỗ trợ các CSGDMN hướng đến phục vụ các gia đình có thu nhập thấp thông qua trợ cấp hoặc các hỗ trợ đầu vào khác (ví dụ ở Colombia, Ấn Độ, New Zealand, Rwanda, Nam Phi và Hoa Kỳ);
- **Đảm bảo suất học bắt buộc:** Yêu cầu dành suất học cho các gia đình dễ bị tổn thương (ví dụ, ở Chile và Pháp);
- **Hỗ trợ tài chính bổ sung:** Cung cấp hỗ trợ tài chính bổ sung cho các gia đình có thu nhập thấp. Ví dụ, ở Vương quốc Anh, học sinh từ gia đình có thu nhập thấp được miễn phí 15 giờ học mỗi tuần tại các trường mầm non dành cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi.
- **Chương trình phù hợp về văn hóa và đảm bảo công bằng:** Thiết kế các chương trình học tập phù hợp về văn hóa và đảm bảo công bằng để khuyến khích sự tham gia của các cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn (bao gồm ngôn ngữ giảng dạy, tuyển dụng thành viên cộng đồng địa phương làm nhân viên, giải quyết vấn đề người khuyết tật, điều chỉnh chương trình giảng dạy, v.v.);
- **Tận dụng không gian chưa sử dụng:** Xác định địa điểm/không gian có thể cho CSGDMN cung cấp dịch vụ cho người lao động trong khu vực phi chính thức gần nơi làm việc hoặc trong khu vực sinh sống của họ. Nhiều lao động nữ làm công nhân xây dựng, bán hàng rong, buôn bán ở chợ, nhặt rác, giúp việc gia đình. Với những lao động này, chính quyền cần hỗ trợ thiết lập các dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ gần nơi làm việc của họ hoặc trong khu vực sinh sống của họ để họ có thể tiếp cận được (Moussié 2019). Quy hoạch đô thị cần quan tâm tới các dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ, bởi khó có thể tìm được không gian an toàn (ví dụ: ở các khu tạm cư hoặc chợ đông đúc) nếu không có sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong khi nhiều đơn vị quản lý, cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ ở các thành phố không được phép chỉ cho chi phí thuê mặt bằng.

Bảng dưới đây đưa ra một số ví dụ về các quốc gia có chính sách ưu đãi dành cho các cơ sở GDMN ngoài công lập để hỗ trợ cung cấp dịch vụ dạy và chăm sóc nhóm trẻ yếu thế

Ấn Độ
Chương trình Giáo dục Quốc gia Rajiv Gandhi dành cho các bà mẹ đi làm (RGNC) của chính phủ cung cấp các dịch vụ giáo dục mầm non cho trẻ trong độ tuổi từ 6 tháng đến 6 tuổi cho các gia đình thuộc nhóm thu nhập thấp nhất (MWCD 2015). Chương trình này được thiết lập với sự phối hợp của các tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm vận hành các dịch vụ. Chính phủ chi trả 90% chi phí, 10% còn lại sẽ do các tổ chức phi chính phủ cung cấp.
New Zealand
Kinh phí bổ sung từ ngân sách nhà nước được cung cấp cho các dịch vụ phục vụ cho các cộng đồng có điều kiện kinh tế-xã hội thấp và trẻ em có nhu cầu đặc biệt và không nói tiếng Anh. Trợ cấp hàng tháng cho GDMN cũng được cung cấp cho bố mẹ trẻ.
Singapore
Chương trình Anchor Operator (AOP) hỗ trợ ngân sách, từ NSNN, cho các trường mẫu giáo được lựa chọn cho trẻ em từ các hộ gia đình có thu nhập thấp hoặc có hoàn cảnh khó khăn. Mục đích là hỗ trợ các trường mẫu giáo duy trì mức phí dịch vụ ở mức hợp lý và đảm bảo nguồn ngân sách ổn định để đầu tư vào chất lượng, bao gồm cả hoạt động bồi dưỡng giáo viên.
Nam Phi
Bộ Phát triển Xã hội cung cấp trợ cấp cho các cơ sở GDMN có cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ em từ các gia đình có thu nhập thấp. Trợ cấp được tính trên mỗi trẻ một ngày đối với trẻ em 0-4 tuổi có người chăm sóc/ cha mẹ dưới mức thu nhập trung bình (Giese và Budlender 2011).

3

Mục tiêu chính sách 3: Ngân sách nhà nước cần đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực tài chính để dịch vụ GDMN chất lượng phù hợp với khả năng chi trả của các gia đình

Chính phủ cần đảm bảo đủ nguồn lực tài chính để giúp các gia đình có thể chi trả được dịch vụ GDMN và hỗ trợ hệ thống nâng cao chất lượng và phân phối lại gánh nặng. Ngoài việc cung cấp dịch vụ, hỗ trợ tài chính là điều kiện cần thiết để hỗ trợ toàn diện hệ thống GDMN nhằm nâng cao chất lượng. Các chi phí chính liên quan đến chất lượng bao gồm: triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng; triển khai hệ thống thông tin (bao gồm thu thập dữ liệu về cung, cầu và kết quả, đảm bảo thông tin sẵn có cho các bên liên quan); và đào tạo và hỗ trợ phát triển đội ngũ.

Tăng doanh thu để hỗ trợ hệ thống GDMN thông qua thuế và tái phân bổ chi tiêu công là giải pháp phổ biến nhất để hỗ trợ tài chính cho các chương trình GDMN. Ngoài ra, còn nhiều giải pháp nguồn vốn khác cho GDMN như tóm tắt dưới đây.

- **Phân bổ từ ngân sách nhà nước:** Hầu hết ngân sách công được tái phân bổ cho GDMN từ ngân sách nhà nước.
- **Các loại thuế cụ thể liên quan đến chăm sóc, nuôi dạy trẻ đối với từng cá nhân:** Vào năm 2013, Colombia đã áp dụng một loại thuế đặc biệt đối với thu nhập cá nhân, được gọi là thuế công bằng và một phần nguồn thu từ thuế này được sử dụng để hỗ trợ tài chính cho các dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ. Tỷ lệ khấu trừ nằm trong khoảng 0,3% đến 1,5%, tùy thuộc vào hoạt động kinh tế chính của người nộp thuế (Ernst & Young 2013). Ở Mexico, các chương trình của Cơ quan An sinh Xã hội (IMSS) được hỗ trợ thực hiện thông qua sử dụng 0,8% tổng thu thuế thu nhập từ tất cả người

lao động tham gia hệ thống an sinh xã hội; nguồn thu này đáp ứng 100% chi phí thực hiện chương trình.

- **Đóng góp cá nhân thông qua hệ thống an sinh xã hội:** Đây là giải pháp phổ biến nhất để thực hiện các chính sách thai sản, đôi khi là chính sách nghỉ phép dành cho bố mẹ hay chính sách chăm sóc con nhỏ. Tuy nhiên, nguồn đóng góp này chỉ hỗ trợ một bộ phận dân cư và chủ yếu dành cho trẻ em 0-2 tuổi. Đối với những người không được tham gia bảo hiểm xã hội thông qua người sử dụng lao động, chính phủ có thể triển khai các chương trình bảo hiểm tự nguyện, dù có thể không đáp ứng mục tiêu về quy mô do nhiều yếu tố thúc đẩy tính phi chính thức.
- **Đóng góp cá nhân của phụ huynh:** Dù sinh sống ở các quốc gia khác nhau và có mức thu nhập khác nhau, phụ huynh luôn cho thấy họ sẵn sàng chi trả cho GDMN do những lợi ích to lớn đem lại, tuy nhiên, cần tăng cường hỗ trợ chi phí GDMN thông qua ngân sách nhà nước hoặc ngân sách của người sử dụng lao động để giảm gánh nặng cho phụ huynh và cũng để tính tới các tác động ngoại biên.
- **Ngân sách hỗ trợ của người sử dụng lao động:** Ngày càng nhiều quốc gia áp đặt một số nghĩa vụ tài chính lên người sử dụng lao động thông qua thuế đối với người sử dụng lao động hoặc dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ do người sử dụng lao động hỗ trợ. Tuy nhiên, theo ILO, các quốc gia không nên đặt mọi gánh nặng lên doanh nghiệp để tránh tạo ra các hình thức phân biệt đối xử trên thị trường lao động (Addati, Cassirer và Gilchrist 2014). Ở Hà Lan, tất cả người sử dụng lao động phải thực hiện nộp thuế chăm sóc, nuôi dạy trẻ theo quy định của chính phủ (Hà Lan 2011). Việc người sử dụng lao động hỗ trợ cung cấp các dịch vụ đó chỉ áp dụng với một phần nhỏ người lao động, chủ yếu ở khu vực chính thức, và có một rủi ro là chi phí hỗ trợ có thể được chuyển sang cho người lao động thông qua việc cắt giảm các phúc lợi khác. Dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ được cung cấp gần nơi ở của người lao động cũng có thể là một cách thức tốt để thực hiện Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), để người lao động của chính doanh nghiệp cũng được hưởng lợi.

Lĩnh vực giáo dục, y tế cũng áp dụng một số giải pháp tài chính khác, dù phạm vi áp dụng còn nhỏ, để hỗ trợ cung cấp dịch vụ GDMN. Các giải pháp này bao gồm:

- **ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (Public-Private Partnership, PPP):** Hợp tác với khu vực ngoài nhà nước có thể là một hướng đi phù hợp để huy động thêm nguồn lực tài chính và mở rộng khả năng tiếp cận mà không cần xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng công cộng. Thông thường, chính phủ sẽ cung cấp một số hình thức hỗ trợ, có thể là hỗ trợ tài chính (ví dụ: tài trợ hoặc trợ cấp theo số học sinh) và/hoặc hỗ trợ phi tài chính (ví dụ: địa điểm, cơ sở vật chất hoặc giáo viên), nhưng khu vực ngoài nhà nước có thể đóng góp cho những hỗ trợ này để tăng tổng nguồn lực sẵn có cho lĩnh vực giáo dục.
- **TRÁI PHIẾU TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (Social Impact Bond, SIB):** Đây là một cơ chế tài chính dựa trên kết quả, theo đó nhà đầu tư cấp vốn trước và lợi tức được gắn với các lợi ích xã hội. SIB giúp chính phủ huy động đầu tư mới cho các dự án giải quyết vấn đề xã hội, với mức rủi ro thấp hơn so với trực tiếp đầu tư. Theo báo cáo của Viện Brookings công bố năm 2015, một số quốc gia phát triển SIB cho GDMN bao gồm Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Nam Phi, đồng thời GDMN cũng được coi là một lĩnh vực hứa hẹn tiềm năng tăng trưởng cho SIB. Cũng theo báo cáo, SIB có thể hướng đến dịch vụ cho những nhóm đối tượng chưa được tiếp cận dịch vụ đầy đủ, tập trung cải thiện chất lượng hoặc được sử dụng để thử nghiệm những ý tưởng mới (Gustafsson-Wright, Gardiner và Putcha 2015).
- **QUỸ HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP TỪ CÁC NHÀ TÀI TRỢ TỪ THIỆN:** Các quỹ này sẽ cung cấp hỗ trợ tài chính (khoản ủng hộ hoặc khoản vay) và hỗ trợ kỹ thuật cho chủ doanh nghiệp, bao gồm hỗ trợ chi phí ban đầu trong chăm sóc, nuôi dạy trẻ và khuyến khích cung cấp các dịch vụ có chi phí thấp, bền vững về tài chính và chất lượng.
- **CUNG CẤP KHOẢN VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH CHO CHỦ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON:** Tín dụng từ các tổ chức tài chính có thể là một nguồn tài chính cho chủ cơ sở chăm sóc, nuôi dạy trẻ; tuy nhiên, hầu hết sản phẩm tài chính còn khó tiếp cận với các chủ cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoặc chủ

cơ sở chăm sóc, nuôi dạy trẻ có mong muốn thiết lập hoặc mở rộng phạm vi dịch vụ tư nhân, do họ nằm trong nhóm đối tượng có rủi ro quá cao khi không có lịch sử tài chính hoặc tài sản thế chấp.

4

Mục tiêu chính sách 4: Đảm bảo trẻ được tiếp cận GDMN “có chất lượng” và học tập trong môi trường an toàn và tích cực

Các quốc gia có hệ thống hoạt động hiệu quả đều có các tiêu chuẩn chất lượng nhất quán áp dụng cho các nhà cung cấp và nhóm tuổi khác nhau. Tại Vương quốc Anh và Jamaica, các tiêu chuẩn chất lượng áp dụng cho mọi lứa tuổi và loại hình cung cấp dịch vụ và được quy định rõ ràng trong một khung duy nhất. Điều này giúp tất cả các bên liên quan dễ dàng tham gia đồng thời vẫn cho phép một số thay đổi giữa các độ tuổi và/hoặc nhà cung cấp. Ví dụ, trong khung Giai đoạn Nền tảng Những năm Đầu đời của Vương quốc Anh (EYFS), một số tiêu chuẩn, chẳng hạn như tỷ lệ giáo viên và các yêu cầu đối với môi trường cơ sở vật chất, khác nhau tùy theo loại hình nhà cung cấp.

Các yếu tố cơ bản của một chương trình chăm sóc, nuôi dạy trẻ hoặc GDMN có chất lượng

Chất lượng GDMN phụ thuộc vào một số yếu tố, thường được phân loại thành các yếu tố “cấu trúc” hoặc “quá trình”. Để dễ dàng đưa ra ví dụ minh họa cho thực tiễn triển khai những yếu tố này trong thực tế, có thể chia nhỏ khái niệm chất lượng thành năm nhóm: (i) cấu trúc; (ii) chương trình; (iii) đội ngũ; (iv) tương tác (trong đó ba nhóm, (ii), (iii), và (iv), là các khía cạnh của chất lượng “quá trình”); và (v) hệ thống. Tất cả năm nhóm được coi là một phần trong cách tiếp cận tích hợp và bổ sung hỗ trợ cho nhau. Một số ví dụ điển hình và phân tích dưới đây tập trung vào chất lượng đội ngũ và chất lượng hệ thống, thường đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong các chiến lược chính sách nhằm đảm bảo chất lượng GDMN trong quá trình mở rộng tiếp cận bình đẳng ở cấp quốc gia.

(i) Chất lượng cấu trúc thường là khía cạnh chất lượng dễ định nghĩa, đo lường và kiểm soát nhất, bao gồm tỷ lệ giáo viên/học sinh, quy mô nhóm, lớp và cơ sở hạ tầng vật chất.

Ba yếu tố của chất lượng quá trình bao gồm:

(ii) Chất lượng chương trình đề cập đến nội dung, thiết kế và cách thức thực hiện chương trình, đồng thời bao gồm chương trình giảng dạy, tài liệu, thời lượng và cường độ thực hiện chương trình cũng như các chiến lược huy động sự tham gia của cộng đồng và phụ huynh.

(iii) Chất lượng đội ngũ là yếu tố chính trong chất lượng quá trình và đề cập đến trình độ đào tạo, kinh nghiệm, năng lực và điều kiện làm việc của giáo viên hoặc trợ giảng.

(iv) Chất lượng tương tác thể hiện mức độ tương tác xã hội, cảm xúc và thể chất mỗi ngày của học sinh với tài liệu học tập, bạn bè và giáo viên.

(v) Chất lượng hệ thống đề cập đến toàn bộ hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dạy trẻ. Các khía cạnh chính cần xem xét bao gồm tài chính, hệ thống thông tin, hệ thống đảm bảo chất lượng, kiến thức và năng lực của lãnh đạo nhà trường để hỗ trợ GDMN có chất lượng.

Chất lượng đội ngũ: đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GDMN

Theo nhiều nghiên cứu khác nhau, đội ngũ giảng dạy, quản lý được đào tạo bài bản là yếu tố cốt yếu để đảm bảo chất lượng chương trình GDMN, do đó, nhiều quốc gia đã nâng yêu cầu về đào tạo chuyên môn cho giáo viên, người chăm sóc và quản lý GDMN. Nhiều nghiên cứu trước đó đã phân tích lợi ích khi đầu tư vào chăm sóc, nuôi dạy trẻ và đội ngũ GDMN trên cơ sở đánh giá kết quả phát triển của trẻ em (ví dụ: Wolf, Aber và Behrman 2018). Một chương trình đào tạo hiệu quả để nâng cao chất lượng

đội ngũ GVMN thường bao gồm hoạt động đào tạo trước khi đảm nhận công việc, đào tạo thường xuyên, hướng dẫn và quản lý hiệu quả công việc. Trình độ đội ngũ GVMN hiện nay rất đa dạng giữa các quốc gia và trong mỗi quốc gia, từ có bằng cử nhân trở lên đến chỉ mới hoàn thành chương trình giáo dục trung học.

GDMN là lĩnh vực có nhu cầu lớn, tồn tại nhiều vấn đề cần giải quyết cấp bách, do đó, nhiều quốc gia đã nhận ra rằng họ cần phải mở rộng quy mô các chương trình đào tạo nguồn nhân lực về chăm sóc, nuôi dạy trẻ và GVMN theo hướng nhanh, tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo nâng cao chất lượng. Một số quốc gia hiện đang đầu tư vào các chương trình đào tạo ban đầu ngắn hạn cho đội ngũ GVMN, cộng với hỗ trợ và hướng dẫn thường xuyên cũng như các lộ trình đào tạo liên kết để giúp đội ngũ GVMN nâng cao trình độ chuyên môn. Một số quốc gia có yêu cầu cao hơn về trình độ đã xác định mức trình độ "ưu tiên", và nếu nếu không thể đáp ứng được yêu cầu "ưu tiên" đó thì có thể hạ thấp yêu cầu.

Một trong những cách tiếp cận tiềm năng, hiệu quả về chi phí trong xây dựng đội ngũ chăm sóc, nuôi dạy trẻ và đội ngũ GVMN là kết nối những người làm trong lĩnh vực GDMN với những chương trình phát triển kỹ năng và việc làm, từ đó giúp cơ quan quản lý giải quyết nhiều vấn đề khác nhau với chỉ một khoản đầu tư.

Bảng ví dụ về các quốc gia có các chương trình đào tạo GVMN ngắn hạn hoặc linh hoạt

<p>Ôxtrâylia Hiệu trưởng và giáo viên làm việc trong lĩnh vực chăm sóc trẻ em và giáo dục mầm non ở Ôxtrâylia cần phải có bằng cấp. Tuy nhiên, GV, NV chăm sóc, nuôi dạy trẻ được yêu cầu phải có kiến thức phát triển trẻ chuyên biệt hơn và ít kỹ năng quản lý hơn và do đó họ chỉ cần có chứng chỉ GDMN. Thời hạn đào tạo cấp chứng chỉ khác nhau giữa các tiểu bang nhưng thường mất khoảng 500 đến 700 giờ để hoàn thành. Chương trình cấp chứng chỉ được lồng ghép vào khung kỹ năng quốc gia và được cung cấp thông qua một loạt các nhà cung cấp chính phủ và tư nhân.</p>
<p>Pháp Giáo viên mầm non được tuyển dụng bằng hình thức thi tuyển công khai, dành cho các ứng viên có bằng đại học hệ 3 năm, sau đó được đào tạo thêm 18 tháng. Các cơ sở nhà trẻ (trẻ em dưới 3 tuổi) áp dụng các yêu cầu linh hoạt hơn. Ít nhất 50% nhân viên phải có bằng tốt nghiệp sau trung học phù hợp, 25% cần có bằng cấp liên quan đến lĩnh vực này và 25% không cần bất kỳ bằng cấp chứng chỉ nào, miễn là người sử dụng lao động phải hỗ trợ giám sát.</p>

Các chương trình đào tạo, hướng dẫn trong quá trình làm việc cũng có thể nâng cao kỹ năng cho đội ngũ GVMN hiện có một cách hiệu quả. Theo một đánh giá tác động được công bố gần đây ở Ghana – một quốc gia thu nhập trung bình thấp, việc nâng cao kỹ năng cho giáo viên mẫu giáo (phần lớn chưa qua đào tạo) mang lại nhiều tác động tích cực. Hoạt động đào tạo, hướng dẫn giáo viên trong quá trình làm việc giúp giáo viên áp dụng phương pháp giáo dục dựa trên trò chơi và phạm vi tác động vẫn được duy trì một năm sau khi kết thúc chương trình. Nhờ đó, mức độ sẵn sàng học tập của học sinh cũng tăng lên, bao gồm khả năng đọc viết sớm, tính toán sớm và các kỹ năng cảm xúc xã hội (Wolf Aber, và Behrman 2018).

Các quốc gia chuyên nghiệp hóa đội ngũ GDMN để nâng cao năng lực, giúp GVMN trở thành một lựa chọn nghề nghiệp hấp dẫn, được tôn trọng và an toàn hơn. Xây dựng thang bảng lương (với mức lương đủ trang trải cuộc sống) và nâng cao vị thế nghề nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng. Lộ trình phát triển chuyên môn linh hoạt dành cho giáo viên, người chăm sóc và quản lý GDMN ở mọi độ tuổi (từ sơ sinh đến khi bắt đầu học tiểu học), kèm mức lương và cơ cấu việc làm tương đương giữa các lộ trình, sẽ duy trì giá trị của đội ngũ chăm sóc, nuôi dạy trẻ cho nhóm trẻ nhỏ tuổi hơn.

Ngoài ra, ở những quốc gia khuyến khích cung cấp dịch vụ trong khu vực ngoài công lập, cần tăng cường cơ chế hỗ trợ bổ sung để chủ cơ sở GDMN quy mô nhỏ, đặc biệt là cơ sở mẫu giáo dựa vào cộng đồng, đảm bảo chất lượng và tính bền vững (Kaneko, Lombardi và Weisz, 2020). Những hỗ trợ này có thể là xây dựng mạng lưới (bao gồm nhượng quyền kinh doanh chính thức), áp dụng cơ chế hỗ trợ đồng đẳng, tổ chức chương trình đào tạo và huấn luyện, nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên học tập, v.v.

Kinh nghiệm thực tiễn quốc tế của Đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc: bồi dưỡng thường xuyên, nâng chuẩn trình độ cho giáo viên mầm non

Nguồn: Wong và Rao 2015.

Nhằm đáp ứng với những thách thức gia tăng trong quá trình mở rộng mạnh mẽ GDMN tư nhân, đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, đặt ra chiến lược phát triển của ngành giáo dục mầm non (GDMN) có kiểm soát. Tỷ lệ nhập học của trẻ tại GDMN tư nhân không được quản lý chất lượng đã tăng gấp mười hai lần trong giai đoạn từ năm 1951 đến năm 1979, và sự bùng nổ nhu cầu GDMN này dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực đối với khu vực GDMN tư nhân như chất lượng dạy và chăm sóc trẻ kém, giáo viên mầm non chưa qua đào tạo và tỷ lệ trẻ - giáo viên cao.

Điều kiện đảm bảo & quản lý chất lượng: Dưới áp lực ngày càng tăng từ cộng đồng về mở rộng tiếp cận, phổ cập GDMN có chất lượng, năm 1981, chính quyền Hồng Kông đã ban hành chính sách quản lý chất lượng giáo dục mẫu giáo, đặt ra các tiêu chuẩn, mục tiêu nghiêm ngặt về việc tăng cường chất lượng GDMN trong nhiều thập kỷ. Chính sách này đặt ra mục tiêu cụ thể về đào tạo giáo viên GDMN và nêu rõ mục tiêu cấp chứng nhận đạt chuẩn cho 45% giáo viên và 100% hiệu trưởng trong 5 năm và 90% giáo viên đến năm 1992. Chính sách này cũng đưa ra khuyến nghị về các tiêu chuẩn tối thiểu liên quan đến không gian, học liệu, thiết bị và tỷ lệ trẻ em - giáo viên trong các lớp học mẫu giáo.

Đầu tư cho bồi dưỡng, đào tạo giáo viên: Một trong những khoản đầu tư lớn nhất vào lĩnh vực GDMN là tập trung vào công tác bồi dưỡng, đào tạo giáo viên thông qua các chính sách và cơ chế tài trợ. Bắt đầu từ giữa những năm 1990, chính phủ đã phân bổ 163 triệu đô la Hồng Kông (HKD) trong vòng 4 năm để đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mẫu giáo, cấp chứng chỉ cho giáo viên đang tham gia giảng dạy và thực hiện chương trình trợ cấp của chính phủ, để cho phép các trường mẫu giáo tăng lương cho giáo viên đã qua đào tạo mà không cần phải tăng đáng kể chi phí phụ huynh phải trả. Cùng với các can thiệp nhằm nâng cao chất lượng GDMN, *chi tiêu của chính phủ cho cấp mẫu giáo tăng gấp 8 lần trong giai đoạn 10 năm*, từ 81,5 triệu HKD năm 1990/91 lên 608 triệu HKD năm 1999/2000.

Cải cách toàn diện gần đây: Toàn bộ hệ thống giáo dục trải qua một cuộc cải cách toàn diện khác vào năm 2000, trong đó một lần nữa nâng cao các yêu cầu về lực lượng lao động đối với giáo viên GDMN, đưa ra các chỉ số hoạt động thiết lập các tiêu chuẩn cho ngành GDMN và áp dụng cơ chế thử nghiệm đảm bảo chất lượng. Cải cách cũng nhằm nâng cao phương pháp tiếp cận tư duy hệ thống, tổ chức lại các nhà trẻ từ ba tuổi trở xuống dưới sự quản lý của phòng phúc lợi xã hội còn các trường mẫu giáo thì được đặt dưới quyền quản lý của phòng giáo dục. Chương trình cũng kéo dài giờ trông trẻ vào năm 2015 để đáp ứng nhu cầu của các gia đình đi làm.

Hệ thống quản lý chất lượng đối với các cơ sở cung cấp GDMN công lập và ngoài công lập

Hệ thống đánh giá, giám sát chất lượng dịch vụ: Hầu hết các quốc gia có thu nhập cao đều có hệ thống đánh giá, giám sát chặt chẽ, kết hợp thanh tra chính thức với các hình thức giám sát khác như tự đánh giá và khảo sát phụ huynh. Phần Lan và Đức là hai quốc gia ngoại lệ không có cơ chế giám sát bắt buộc đối

với các tiêu chuẩn; thay vào đó, họ áp dụng cơ chế giám sát tự nguyện của địa phương (Anderson và cộng sự, 2017). Tự đánh giá và khảo sát phụ huynh được sử dụng rộng rãi ở các quốc gia có thu nhập cao. Trong số 22 quốc gia OECD, 18 quốc gia (82%) áp dụng cơ chế tự đánh giá và 15 quốc gia (68%) áp dụng cơ chế khảo sát phụ huynh (OECD 2015b). Thu hút phụ huynh và cộng đồng tham gia vào quy trình quản lý và giám sát việc cung cấp dịch vụ có thể giúp đảm bảo tính phù hợp và chất lượng của chương trình. Cung cấp thông tin cho phụ huynh cũng là một chiến lược thành công trong việc cung cấp dịch vụ GDMN và giáo dục cơ bản để nâng cao chất lượng và sự tham gia của cộng đồng.

Dữ liệu để đảm bảo chất lượng và ra quyết định dựa trên bằng chứng

Hầu hết các quốc gia có thu nhập cao đều triển khai hệ thống giám sát chặt chẽ, kết hợp giữa thanh kiểm tra chính thức với các hình thức giám sát khác như tự đánh giá và khảo sát phụ huynh. Phần Lan và Đức là hai trường hợp ngoại lệ khi không thực hiện giám sát bắt buộc đối với các tiêu chuẩn mà chỉ tiến hành giám sát tự nguyện ở từng địa phương (Anderson và cộng sự, 2017). Tự đánh giá và khảo sát phụ huynh là hai hình thức được sử dụng rộng rãi ở các quốc gia có thu nhập cao. Trong số 22 quốc gia OECD, 18 quốc gia (chiếm 82%) thực hiện quy định về tự đánh giá và 15 quốc gia (tương đương 68%) cũng sử dụng khảo sát phụ huynh (OECD 2015b). Phát huy vai trò của phụ huynh và cộng đồng trong quản lý và giám sát quá trình cung cấp dịch vụ có thể giúp đảm bảo chất lượng và mức độ phù hợp của mỗi chương trình. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho phụ huynh cũng là một cách làm hiệu quả trong GDMN và giáo dục phổ thông để cải thiện chất lượng giáo dục và sự tham gia của cộng đồng. Ví dụ: hệ thống đánh giá và cải thiện chất lượng (QRIS) ở Hoa Kỳ và hệ thống Ofsted ở Vương quốc Anh cho phép phụ huynh xem và so sánh kết quả xếp hạng chất lượng của các chương trình khác nhau.

Dữ liệu là một cấu phần cơ bản và chính phủ cần tiến hành thu thập dữ liệu đầy đủ để hỗ trợ thiết kế, thực hiện chính sách cũng như đảm bảo trách nhiệm giải trình của các bên liên quan chủ chốt trong hệ thống chăm sóc, nuôi dạy trẻ. Mỗi quốc gia cần tập trung thu thập dữ liệu đầy đủ về cung, cầu và kết quả. Ngoại trừ các nước OECD và một số nước Mỹ Latinh, rất ít quốc gia có đầy đủ dữ liệu về hoạt động chăm sóc, nuôi dạy trẻ, đặc biệt là trẻ em dưới 3 tuổi. Tuy nhiên, một số quốc gia Mỹ Latinh đã xây dựng các phương pháp thu thập dữ liệu đơn giản, với chi phí thấp, trong đó câu hỏi về hoạt động chăm sóc, nuôi dạy trẻ được lồng ghép vào các cuộc điều tra hộ gia đình (Diaz và Rodriguez-Chamussy 2016).

Từng bước phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi ở Na Uy

Ngành giáo dục mầm non (GDMN) của Na Uy phát triển dưới áp lực mạnh mẽ từ cộng đồng dân cư. Quốc gia này chính thức cung cấp trợ cấp liên bang cho các chương trình GDMN vào năm 1962, tiếp theo đó là một cuộc khảo sát chính thức để xác định tình trạng nguồn cung dịch vụ và nhu cầu. Khảo sát cho thấy 35% bà mẹ có con từ 3 đến 6 tuổi có nhu cầu gửi con tới cơ sở GDMN nhưng tỷ lệ bao phủ trên toàn quốc chỉ có 5%. Khảo sát này cũng cho thấy rằng, trong số những người thường xuyên sử dụng dịch vụ chăm sóc trẻ ngoài gia đình, hơn 85% phụ thuộc vào các dịch vụ không chính thức và không được kiểm soát.

Chiến lược GDMN: Na Uy đã thiết lập bộ mục tiêu đầu tiên đối với lĩnh vực GDMN trong Sách trắng Mẫu giáo năm 1972 của mình. Tài liệu này đề xuất những thay đổi căn bản đối với các chính sách công về giáo dục mầm non, đặt việc phổ cập dịch vụ giáo dục mầm non, trong đó tập trung vào trẻ em có nhu cầu đặc biệt, như một mục tiêu rõ ràng trong chu trình chính sách. Chính phủ đặt mục tiêu tăng gấp bốn lần số lượng cơ sở GDMN trong thập kỷ đầu tiên và sau đó thông qua Luật Mẫu giáo vào năm 1975 để đưa ra các quy định áp dụng cho các trường mẫu giáo. Quá trình xây dựng chính sách GDMN của Na Uy là một quá trình liên tục kéo dài nhiều thập kỷ. Sau khi ban hành Đạo luật GDMN đầu tiên vào năm 1975, chính phủ xác định nỗ lực theo từng giai đoạn để mở rộng và tăng cường khả năng tiếp cận với sự hỗ trợ tài chính của nhà nước.

Phổ cập GDMN chất lượng cao với các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt: ngay sau đó, Na Uy đã đưa ra mục tiêu hỗ trợ công khai phổ cập GDMN chất lượng cao trong cùng thập kỷ và sau đó tập trung vào việc thiết lập các quy định liên bang về chất lượng chăm sóc, bao gồm đưa ra các yêu cầu áp dụng đối với giáo viên, chương trình giảng dạy quốc gia và Khung phổ cập giáo dục mầm non và cung cấp dịch vụ chăm sóc. Năm 2005, Na Uy đã ban hành Đạo luật GDMN mới, bao gồm các quy định nghiêm ngặt về đội ngũ CBQL, nhân viên chăm sóc trẻ, giáo viên và hoạt động của các trung tâm GDMN, đồng thời đưa ra sáng kiến tuyển dụng 5 năm cũng như các quy định mới về đào tạo giáo viên. Đạo luật này đi kèm với các mục tiêu và tiêu chuẩn mới, với việc Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn quốc gia về thanh tra để hỗ trợ các thành phố và văn phòng thống đốc quận hoàn thành vai trò giám sát của mình.

Chi trả từ hộ gia đình: Tính đến năm 2018, tỷ lệ đăng ký dịch vụ GDMN ở Na Uy là 97%, với các khoản trợ cấp cho các trường mẫu giáo để đảm bảo rằng các gia đình có thu nhập thấp chỉ phải trả tối đa 6% thu nhập của họ khi con cái đi học mẫu giáo (Engel và cộng sự, 2018).

Nguồn: Engel và cộng sự 2018; UIS 2020.

Bảng so sánh tiêu chuẩn chất lượng và cơ chế giám sát tại một số quốc gia

	VƯƠNG QUỐC ANH	JAMAICA	ĐAN MẠCH
CÁC CHỈ TIÊU VÀ YẾU TỐ CHẤT LƯỢNG	Khung tiêu chuẩn chất lượng cho GDMN áp dụng bắt buộc cho tất cả các nhà cung cấp, bao gồm trường học, nhà trẻ và nhóm trẻ	Các tiêu chuẩn về hoạt động, quản lý và điều hành của các cơ sở giáo dục mầm non đặt ra 12 tiêu chuẩn.	Tiêu chuẩn quốc gia
Chất lượng cấu trúc (Structural quality)			
<i>Tỷ lệ giáo viên, nhân viên chăm sóc, nuôi dạy trẻ trên số trẻ</i>	Cơ sở GDMN: 3-5 tuổi = 1:8 hoặc 1:13 (tùy thuộc vào trình độ GV). Nhóm trẻ: 1:6 (hoặc tối đa 3 với trẻ dưới 5 tuổi)	3-5 tuổi = 1:10. Luôn phải có tối thiểu hai người lớn trong khuôn viên.	Tỷ lệ giáo viên không được quy định trên toàn quốc. Khuyến nghị: 3-6 tuổi = 1:8
<i>An toàn & cơ sở vật chất</i>	2-3 - 3.5 m2/trẻ. Hướng dẫn về an toàn không gian trong nhà/ngoài trời, hút thuốc, đánh giá rủi ro.	Yêu cầu chi tiết đối với tòa nhà, cơ sở vật chất và thiết bị. Ít nhất 1,9 m2/trẻ em; khu vui chơi ngoài trời phù hợp; lắp đặt hàng rào và cổng	Các quy định về sức khỏe và an toàn bao gồm các khía cạnh như không gian trong nhà
Chất lượng Chương trình (Program Quality)			
<i>Chương trình học tập</i>	Phải áp dụng chương trình khung quốc gia hoặc một trong 3 chương trình GDMN đã được phê duyệt	Phải có chương trình hàng tuần với nhiều chủ đề theo quy định. Khuyến khích áp dụng chương trình giảng dạy đã được Ủy ban GDMN phê duyệt	Phải sử dụng một chương trình giảng dạy chung (từ năm 2004), bao gồm 6 chủ đề chính. Có hướng dẫn chung cấp quốc gia nhưng không bắt buộc áp dụng.
<i>Sức khỏe và dinh dưỡng</i>	Cần có chính sách bảo vệ trẻ em; các yêu cầu cơ bản về thuốc, thức ăn và đồ uống, tai nạn hoặc thương tích	Vệ sinh, nước, lưu trữ thực phẩm, hồ sơ sức khỏe trẻ em, kế hoạch và quy trình thể chế. Nhân viên được đào tạo về sơ cấp cứu.	Quy định bổ sung được áp dụng hạn chế. Bữa ăn trưa phải được cung cấp đầy đủ và đáp ứng các tiêu chuẩn dinh dưỡng.
Chất lượng tương tác với trẻ			
<i>Bao gồm trẻ-GV/nhân viên chăm sóc, trẻ -trẻ, và GV-gia đình</i>	Hướng dẫn quản lý hành vi. GV, người chăm sóc/nuôi dạy trẻ mang lại mối quan hệ ổn định cho trẻ và xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với cha mẹ trẻ	Hướng dẫn tương tác và các hành vi tích cực; Quy định về sử dụng hình phạt/hành vi ngược đãi trẻ	
Chất lượng đội ngũ			
<i>Trình độ GV, nhân viên chăm sóc trẻ, và CBQL</i>	Cơ sở GDMN: người quản lý phải đạt chuẩn nghề nghiệp ở “mức 3”. Ít nhất 50% GV và nhân viên khác phải đạt chuẩn nghề nghiệp ‘mức 2’. Nhân viên chăm sóc trẻ: cần tham dự một số chương trình đào tạo.	Với trẻ trên 3 tuổi, phải có đủ giáo viên đủ tiêu chuẩn (có bằng cấp hoặc chứng chỉ). Tất cả các nhân viên khác phải được đào tạo về phát triển trẻ thơ bởi cơ sở được phê duyệt	Phải có quản lý và cấp phó - cả hai đều phải tốt nghiệp ngành sư phạm (tham dự khóa học 3,5 năm tại trường cao đẳng sư phạm). GV trợ giảng cần được đào tạo trung cấp sư phạm. Người trông trẻ không bắt buộc phải tham gia đào tạo chính quy.
Chất lượng hệ thống			
<i>Theo dõi kết quả phát triển đầu ra của trẻ</i>	Phải xem xét sự tiến bộ của trẻ và cung cấp cho phụ huynh bản tóm tắt ngắn gọn về quá trình phát triển của con họ	Cung cấp bản tóm tắt các quan sát về sự tiến bộ của mỗi trẻ phân loại theo các lĩnh vực học tập.	Không áp dụng quy định quốc gia về giám sát liên tục. Với trẻ 3 tuổi, hội đồng thành phố sẽ thực hiện đánh giá ngôn ngữ.
<i>Đảm bảo chất lượng</i>	Cơ quan độc lập (Ofsted) kiểm tra việc tuân thủ quy định và chất lượng. Kết quả được công bố trực tuyến.	Ủy ban Giáo dục Mầm non (ECC) giám sát tất cả các cơ sở. Thanh tra hai lần một năm	Thành phố chịu trách nhiệm giám sát chất lượng đồng thời phê duyệt chương trình giảng dạy được sử dụng

Ghi chú: Các tiêu chuẩn áp dụng tại Vương quốc Anh, Jamaica là từ các tài liệu tiêu chuẩn được liệt kê ở trên cùng; đối với Đan Mạch, thông tin được lấy từ Bertram và Pascal (2016) và OECD (2006c). Thông tin bổ sung về Chile được lấy từ Gerhard và Staab (2010) và OECD (2015a).

C. Phân tích sâu 1: Đổi mới phương thức để mở rộng khả năng tiếp cận GDMN chất lượng ở những địa bàn khó khăn

Khu vực ngoài nhà nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình mở rộng khả năng tiếp cận GDMN ở nhiều quốc gia, thu hẹp khoảng trống trong khu vực công lập, bao gồm nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực hạn chế. Hình thức cung cấp dịch vụ ngoài công lập vốn rất đa dạng, hiện chiếm khoảng 37% số lượng các trường GDMN toàn cầu và đang tăng lên kể từ năm 2010, cả về số lượng (thể hiện mức tăng trưởng chung về số lượng học sinh mầm non) và tỷ lệ phần trăm trong tổng số trẻ em GDMN. Hiện chưa có dữ liệu đối sánh giữa các quốc gia để đưa ra kết luận về chất lượng cung cấp dịch vụ ngoài công lập so với chất lượng cung cấp dịch vụ công. Tuy nhiên, do nhiều cơ sở giáo dục còn hoạt động phi chính thức và chưa tiến hành đăng ký ở nhiều quốc gia, cơ quan quản lý cần tăng cường phối hợp với khu vực tư nhân để quản lý, đảm bảo chất lượng. Hơn nữa, một số mô hình cung cấp dịch vụ ngoài công lập có thể khó mở rộng do năng lực quản lý còn yếu và phạm vi cung cấp dịch vụ còn phân mảnh, đặt ra nhu cầu tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Phần này sẽ đưa ra một số kinh nghiệm thực tiễn từ các quốc gia trong khu vực trong mở rộng tiếp cận GDMN ở các khu vực, địa bàn khó khăn thông qua đa dạng hóa dịch vụ và tăng cường sự tham gia của tư nhân và cộng đồng. Các ví dụ này đến từ Malaysia, Nigeria, Trung Quốc (Vân Nam), Uzbekistan và Mỹ (California).

Kinh nghiệm 1: Tăng khả năng tiếp cận thông qua mở rộng CSGDMN tư nhân – kinh nghiệm từ Malaysia và Nigeria

Malaysia

Trong thập kỷ vừa qua, Malaysia đã có những giải pháp quyết đoán để mở rộng khả năng tiếp cận GDMN cho trẻ từ 4 đến 6 tuổi. Phần lớn kết quả này xuất phát từ các hoạt động đầu tư của chính phủ vào hệ thống trường mầm non tư thục mới theo Chương trình Chuyển đổi Quốc gia (NTP). Gói chính sách mới này gồm khoản tài trợ ban đầu cho các cơ sở tư nhân cùng với các khoản trợ cấp cho gia đình có thu nhập thấp, có con theo học tại một trường mầm non tư thục.

Chính sách tập trung vào các nhóm tuổi cụ thể có thể mang lại kết quả hiệu quả. Tỷ lệ nhập học chung (GER) đối với trẻ ở độ tuổi mẫu giáo (4-6 tuổi) đã tăng từ 67% lên 86% vào năm 2019, giảm nhẹ vào năm 2020 khi chính phủ cắt giảm các khoản hỗ trợ và ngay trước thời điểm diễn ra đại dịch toàn cầu. Mức chi của chính phủ cho trường mầm non đã *tăng hơn gấp ba lần trong thập kỷ vừa qua*, từ 247 triệu RM lên 837 triệu RM vào năm 2020. Tỷ lệ nhập học tăng mạnh nhất ở nhóm trẻ 4 tuổi, từ 60% lên 81% trong thập kỷ qua. Lưu ý là tỷ lệ nhập học của trẻ 5 tuổi đã khá cao (85%) trước khi Malaysia thực hiện đổi mới chính sách, tương tự như tình hình của Việt Nam.

Ba đổi mới trong chính sách đã giúp tăng tỷ lệ nhập học, đảm bảo cân bằng về tỷ lệ tiếp cận giáo dục mầm non giữa các nhóm dân tộc và hộ gia đình cư trú ở vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa tại Malaysia. Những ưu đãi tài chính này - phần lớn là trợ cấp chi phí vận hành ban đầu và chi phí trong trung hạn của các trường mầm non tư thục – giúp mở rộng mạng lưới GDMN, từ đó giúp tăng số lượng học sinh nhập học, chủ yếu tập trung vào trẻ 4 tuổi trở lên, trong thập kỷ vừa qua.

1. **Hỗ trợ khởi nghiệp cho cơ sở mầm non tư thục.** Bắt đầu từ năm 2010, Bộ Giáo dục đã hỗ trợ khoảng 2.200 đô la Mỹ cho mỗi trường/cơ sở mầm non tư thục mới - phần lớn ở các vùng nông

thôn và vùng sâu vùng xa - mỗi trường có dưới 20 trẻ theo học. Các trung tâm lớn hơn được hỗ trợ khoảng 4.535 đô la Mỹ để xây dựng phòng học mới hoặc cải tạo cơ sở vật chất hiện có. Chi tiêu của chính phủ tương đương khoảng 1,1 triệu đô la Mỹ hàng năm cho chương trình hỗ trợ này. Theo đó, hơn 1.600 trường mầm non mới đã được thành lập trong thập kỷ qua ở Malaysia. Trong đó, 96% số trường là các trường mầm non tư thục mới, chiếm 4/5 tổng mức tăng học sinh nhập học trên cả nước.

2. **Hỗ trợ chi phí học tập để đảm bảo công bằng cho các gia đình.** Chính phủ cũng hỗ trợ 113 đô la Mỹ mỗi tháng cho các gia đình có thu nhập thấp, có con đang theo học tại các trường mầm non tư thục. Những khoản trợ cấp được cung cấp cho phụ huynh theo thang đối chiếu, tùy thuộc vào thu nhập hàng năm của hộ gia đình. Khoản hỗ trợ này đã tiếp cận hơn 227.000 trẻ từ năm 2010 đến 2017. Chính phủ cũng cung cấp bữa ăn miễn phí cho tất cả trẻ theo học tại các trường mầm non công lập (PADU, 2020).
3. **Ưu đãi tài chính cho các cơ sở mầm non tư thục.** Bộ Giáo dục Malaysia cung cấp trợ cấp về cơ sở vật chất cho các trường mầm non tư thục, tương đương khoảng 10% giá trị tài sản trường mầm non. Ngoài ra, thu nhập của các trường mầm non tư thục đều được miễn thuế trong 5 năm (Rinkinen, 2023).

Nigeria

Một ví dụ khác là dự án DEEPEN của Nigeria, với mục tiêu nâng cao chất lượng môi trường học tập cho các trường mầm non tư thục, với một trong những hợp phần quan trọng là khả năng tiếp cận tài chính. Chương trình kết hợp với các ngân hàng tài chính vi mô để nâng cao nhận thức về cơ hội thị trường (ước tính trị giá 2,5 tỷ đô la chỉ riêng ở Lagos) và xây dựng năng lực của họ, để các ngân hàng này có thể mở rộng danh mục cho vay bền vững bằng cách phát triển sản phẩm cho vay phù hợp với các trường có học phí thấp (trang web DEEPEN; DEEPEN 2014).

Một trong những ngân hàng này, Ngân hàng Tài chính vi mô Accion, đã thí điểm một sản phẩm cho vay, My School Plus, được thiết kế dựa trên nhu cầu của các trường học có học phí thấp, bao gồm khung thời gian trả nợ theo năm học thay vì trả nợ hàng tháng (DEEPEN 2018). Ban đầu, chương trình thí điểm này được tài trợ bằng nguồn vốn từ Quỹ Phát triển Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ của Ngân hàng Trung ương Nigeria, trong đó lãi suất được giới hạn ở mức 9%. Trong mô hình thí điểm, 100 phần trăm các trường đã trả lại khoản vay trong vòng chín tháng.

Accion sau đó đã phát triển thêm hai sản phẩm cho vay học phí với thời gian vay dài hơn, dành cho những trường có lịch sử trả nợ đúng hạn với khoản vay My School Plus của họ (DEEPEN 2018). Các tổ chức phi chính phủ khác như Opportunity EduFinance đang phối hợp với các tổ chức tài chính theo những mô hình tương tự ở nhiều khu vực địa lý khác nhau.

Kinh nghiệm 2: Nhóm trẻ cộng đồng do nhà nước tài trợ và tư nhân triển khai ở Vân Nam, Trung Quốc

Tỉnh Vân Nam, Trung Quốc đã và đang theo đuổi chiến lược chính sách khác biệt - xây dựng các trường mẫu giáo công lập dưới sự giám sát của các cán bộ quản lý giáo dục địa phương, đồng thời thiết lập cơ chế khuyến khích phát triển các trường mẫu giáo tư thục. Ngoài ra, Vân Nam còn nỗ lực nâng cao chất lượng, đồng thời thu hẹp chênh lệch tỷ lệ nhập học ở các vùng nông thôn và miền núi của tỉnh.

Trước đại dịch Covid 19, Trung Quốc ước tính tỷ lệ nhập học mầm non trên toàn quốc năm 2020 là 85%. Thế nhưng tỷ lệ nhập học ở các huyện nông thôn của Vân Nam chỉ đạt 54%, mặc dù khu

vực này đã được chính quyền địa phương và Ngân hàng Thế giới tài trợ từ một thập kỷ trước. Nhiều trẻ trong số các trẻ đến trường đã 5 hoặc 6 tuổi chứ không phải 3 đến 4 tuổi, tương tự như tình hình hiện tại ở Việt Nam. Lãnh đạo tỉnh Vân Nam đã tìm cách gia tăng tỷ lệ nhập học mẫu giáo bằng cách xây dựng các trường học hoặc lớp học công lập mới thay vì khuyến khích phát triển các trường mẫu giáo tư thục.

Chính quyền địa phương chủ yếu tài trợ xây dựng các lớp học hoặc trường mẫu giáo truyền thống. Ngoài ra, tỉnh đã thử nghiệm thành lập “nhóm trẻ cộng đồng”, được tổ chức tại nhà riêng hoặc địa điểm họp thôn (ở Qiaojia và Weishan). Cơ chế triển khai này tương tự như cách Uzbekistan hỗ trợ phụ nữ mở các chương trình dạy học mẫu giáo quy mô nhỏ tại nhà của họ, hoặc giống như ở California, nơi tiểu bang (chính quyền tỉnh) quy định chất lượng cơ bản của “nhóm trẻ gia đình”, như được mô tả dưới đây.

Các lớp mẫu giáo cộng đồng tại địa phương mở rộng khả năng tiếp cận nhanh chóng. Thành tựu đáng chú ý này là kết quả của việc thành lập các trường mẫu giáo công lập mới và lớp mẫu giáo cộng đồng. Tỷ lệ các chương trình tại cộng đồng địa phương được nhà nước tài trợ đã tăng từ 36% lên 67% trên tổng số tất cả các trường mầm non ở các huyện của Vân Nam là các khu vực trọng tâm của sáng kiến. Tỉnh cũng thành lập hai trường mầm non trong trường đại học với vai trò là các cơ sở thực nghiệm và quan sát cho các giáo viên thực tập. Ngoài ra tỉnh cũng xây dựng trường học dành riêng cho trẻ khuyết tật. Các sáng kiến địa phương này đã góp phần tăng tỷ lệ nhập học ở khu vực nông thôn cho trẻ em từ 3 đến 6 tuổi lên 88% vào năm 2021.

Kinh nghiệm 3: “Lớp mẫu giáo” cộng đồng ở Uzbekistan

Uzbekistan đã và đang theo đuổi chiến lược chính sách mở rộng khả năng tiếp cận bằng cách thiết lập các “lớp học” tại các hộ gia đình, tiếp nhận thêm hàng nghìn trẻ và nâng cao thu nhập gia đình ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa. Ngoài ra, chính phủ đã tích cực hành động để xây dựng các lớp mẫu giáo công lập bằng cách xây dựng mới và cải tạo cơ sở vật chất cũ. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021, Bộ Giáo dục đã xây dựng 172 trường mẫu giáo mới và cải tạo các lớp học trong gần 2.000 cơ sở bổ sung.

Tỷ lệ nhập học mầm non tăng nhanh ở Uzbekistan chủ yếu là do hình thức lớp mẫu giáo cộng đồng (dựa trên mô hình tương tự của Thụy Điển). Lớp mẫu giáo tại nhà/cộng đồng hiện chiếm tỷ lệ 93% tổng số lớp mẫu giáo tư thục và 61% tổng số lớp mẫu giáo ở Uzbekistan (Unicef, 2021). Các lớp mẫu giáo tại nhà chủ yếu tồn tại ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa để giải quyết các vấn đề về khả năng tiếp cận cụ thể của các vùng này đồng thời thúc đẩy phân bổ lại thu nhập. Mô hình này giúp tiết kiệm chi phí đồng thời giải quyết các hạn chế về phía cung và mối quan hệ cung-cầu.

Ở những lớp mẫu giáo này, tối đa 10 trẻ thường trong độ tuổi từ 3 đến 6 tuổi được gửi tại nhà của người chăm sóc để thực hiện các hoạt động giáo dục. Những người chăm sóc, còn được gọi là “các nhà giáo dục tại gia”, chủ yếu là những phụ nữ lớn tuổi đã trải qua chương trình đào tạo cụ thể để cung cấp các hoạt động và chương trình giảng dạy tại nhà phù hợp với sự phát triển của trẻ. Các lớp mẫu giáo tại nhà nằm dưới sự quản lý của Bộ Giáo dục Mầm non với cơ chế khuyến khích phụ nữ điều hành các lớp học này bằng cách cung cấp thiết bị cũng như hỗ trợ tài chính thông qua các khoản tài trợ và trợ cấp.

Cách tiếp cận này đang được triển khai ở Việt Nam thông qua sáng kiến One Sky, một mô hình cộng đồng nhằm mở rộng giáo dục mầm non đến các vùng sâu vùng xa, dưới sự hướng dẫn của một tổ chức phi chính phủ quốc tế, phỏng theo mô hình của Thụy Điển.

Cơ chế triển khai	Trung Quốc (Vân Nam)	Malaysia	Uzbekistan	Hoa Kỳ (California)
Khuyến khích phát triển các trường mẫu giáo tư thục và nâng cao chất lượng lớp học, đặc biệt là đối với các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.	◆	◆		◆
Giảm các khoản phí thu từ cha mẹ với các biện pháp miễn phí cho gia đình hoặc trợ cấp trực tiếp cho các gia đình.		◆		◆
Hỗ trợ tài chính để mở lớp hoặc giao đất để giúp mở rộng hoạt động của các trường mẫu giáo tư thục.			◆	
Yêu cầu hoặc khuyến khích người sử dụng lao động quy mô lớn xây dựng và hỗ trợ các trường mẫu giáo với các chính sách như cấp đất, giảm thuế (ví dụ, trong các khu công nghiệp).				◆
Quy định mức phí tối đa mà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn phải chi trả, mức tối đa này sẽ được chính quyền địa phương nâng lên khi chất lượng giáo viên và lớp học được cải thiện.	◆			
Hỗ trợ ‘nhóm trẻ tại nhà’ bằng cách cung cấp tài liệu giáo dục và đào tạo.	◆		◆	◆
Đánh giá chất lượng của các cơ sở giáo dục mầm non, tăng tính minh bạch cho phụ huynh, khuyến khích gia tăng chất lượng.				◆
Nâng cao năng lực của chính quyền trong việc theo dõi chi phí giáo dục mầm non của khu vực tư nhân (các gia đình và người sử dụng lao động) trong các loại hình cộng đồng khác nhau.		◆		

D. Phân tích sâu 2: Hiện thực hóa mục tiêu giáo dục mầm non có chất lượng trên quy mô lớn

Việc mở rộng các hệ thống GDMN đòi hỏi chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng đáng kể và các chi phí thường xuyên lớn khác, chẳng hạn như tiền lương cho giáo viên. Những chi phí này thường chiếm tỷ trọng lớn trong ngân sách của Bộ Giáo dục, làm giảm nguồn lực đầu tư vào khung chương trình, tài liệu, bồi dưỡng chuyên môn và các nhu cầu khác. Ngược lại, nhu cầu cấp thiết về tài liệu học tập có thể cản trở đầu tư vào các hệ thống giám sát giúp đảm bảo chất lượng GDMN theo thời gian. Khi đánh giá mức độ có thể đạt được trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, các chính phủ nên chú ý phân bổ các nguồn lực một cách nhất quán nhằm mục tiêu tăng cường chất lượng tại các cơ sở giáo dục mầm non. Tuy nhiên, ngay cả với mức đầu tư thấp, vẫn có thể cải thiện phương thức cung cấp GDMN. Trên thực tế nhiều quốc gia đã mở rộng GDMN mà không áp dụng cách tiếp cận hệ thống toàn diện và chặt chẽ. Việc thiếu chính sách hiệu quả, cơ chế thực hiện, kế hoạch tài chính, khung pháp lý và đảm bảo chất lượng đã dẫn đến tình trạng mở rộng manh mún và không đảm bảo chất lượng (UNICEF 2019; Ngân hàng Thế giới 2013).

Phần này thảo luận về các phương thức xác định thứ tự ưu tiên, sắp xếp và triển khai khuyến nghị từ các chương trình khác nhau để dần dần xây dựng hệ thống GDMN với chất lượng bền vững trên quy mô lớn.

Kinh nghiệm 1: Không nên mở rộng GDMN vượt quá ngưỡng có thể đảm bảo chất lượng tối thiểu

Chất lượng có thể khó đảm bảo hơn ở quy mô lớn và thường giảm sút khi hệ thống mở rộng. Một hệ thống GDMN phát triển quá nhanh có thể gây khó khăn trong việc đảm bảo chất lượng hiện có vì rất khó để duy trì các tiêu chuẩn trên quy mô lớn nếu không chú trọng và đầu tư mạnh mẽ vào chất lượng. Ví dụ, có thể không dễ dàng để cung cấp các không gian phù hợp nhằm đáp ứng nguồn cung GDMN ngày càng tăng, và nhiều nơi đã mở rộng cơ sở GDMN mà không thể đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn tối thiểu. Các hệ thống mở rộng nhanh cũng gặp khó khăn trong việc đảm bảo đội ngũ nhân lực cần thiết để đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ ngày càng tăng. Đối mặt với thách thức trong việc xác định nhu cầu và đào tạo nhân viên, một số hệ thống đã và đang áp dụng các yêu cầu tuyển dụng và đào tạo linh hoạt hơn mà không đầu tư thỏa đáng vào công tác chuẩn bị và hỗ trợ cho những người không có bằng cấp, do đó ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ nhân lực GDMN (Pardo và Adlerstein 2016).

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là các quốc gia không nên mở rộng hệ thống GDMN vượt quá ngưỡng có thể đảm bảo chất lượng tối thiểu. Điều này có thể dẫn đến nguy cơ là các đầu tư cho GDMN có thể không mang lại mức độ cải thiện mong muốn về các kỹ năng cơ bản mà trẻ cần để thành công trong học tập. Trong khi nỗ lực mở rộng khả năng tiếp cận GDMN, các quốc gia phải đảm bảo cung cấp các dịch vụ GDMN chất lượng để thúc đẩy việc học của trẻ. Nhiều quốc gia hiện vẫn có cơ hội để thiết lập hệ thống GDMN chất lượng mặc dù khả năng tiếp cận vẫn còn tương đối thấp. Trong bối cảnh các nguồn lực hạn chế và các lựa chọn đều đi kèm với những đánh đổi khó khăn, việc đánh giá chính xác mức độ bao phủ và chất lượng GDMN hiện tại sẽ giúp xác định ưu tiên đầu tư vào khía cạnh nào của hệ thống GDMN và cung cấp thông tin cho các chiến lược mở rộng.

Các chiến lược mở rộng giáo dục mầm non có chất lượng nên ưu tiên trẻ từ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ngay từ đầu. Mặc dù việc cung cấp GDMN có chất lượng cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn nhất có thể gặp nhiều thách thức hơn, nhưng điều này có thể tạo ra lợi tức đầu tư lớn nhất vì trẻ từ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn được hưởng lợi nhiều nhất từ dịch vụ GDMN chất lượng (Cascio 2015; Yoshikawa và cộng sự, 2013). Hơn nữa, ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy ngay cả những cải thiện nhỏ trong khả năng tiếp cận các cơ hội học tập do các chương trình GDMN cung cấp cũng có

hiệu quả trong việc thúc đẩy việc học ở những môi trường cực kỳ khó khăn (ví dụ: xem Ganimian, Muralidharan và Walters 2021; Martinez, Naudeau và Pereira 2017). Điều này cho thấy rằng việc ưu tiên tiếp cận GDMN cho trẻ có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn có thể mang lại hiệu quả cao về mặt chi phí.

Kinh nghiệm 2: Ưu tiên nguồn lực công hạn chế cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhất

Trẻ từ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn có thể tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng thông qua các chiến lược khác nhau. Ví dụ, mô hình O-Class của Ethiopia đã mở rộng khả năng tiếp cận GDMN cho trẻ sống ở vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa ở bốn bang được chính phủ phân loại là các khu vực mới nổi (dựa trên các chỉ số phát triển) và những trẻ có hoàn cảnh khó khăn hơn. Chính phủ cũng đang nỗ lực triển khai chương trình kéo dài hai năm để giải quyết các vấn đề xã hội và bình đẳng giới. Các quốc gia có hệ thống GDMN lâu đời hơn cũng có thể tăng cường nỗ lực để đạt được các mục tiêu phổ cập. Ở Na Uy, nơi có tỷ lệ nhập học mẫu giáo ở trẻ từ 3 đến 5 tuổi đạt 97%, các khoản trợ cấp của chính phủ cho các trường mẫu giáo và các chương trình trợ cấp toàn quốc tiếp tục đảm bảo rằng các gia đình có thu nhập thấp *chỉ phải trả tối đa 6% thu nhập của họ* cho trẻ học mẫu giáo (Engel và cộng sự, 2018). Chương trình cũng *được kéo dài thêm vào năm 2015 để đáp ứng nhu cầu của các gia đình lao động*. Tại Đặc khu Hành chính Hồng Kông, Trung Quốc, nơi có tỷ lệ nhập học mẫu giáo là 100%, chương trình Giáo dục Mầm non Chất lượng Miễn phí cung cấp *trợ cấp cố định hàng năm dưới dạng phiếu chi trả có thể chi trả tối đa 100% học phí*, cũng như một số tiền cố định để chi trả các chi phí liên quan đến trường học (Wong và Rao 2015).

Kinh nghiệm 3: Khuyến khích khu vực ngoài công lập để mở rộng khả năng tiếp cận GDMN chất lượng

Các chính phủ nên xem xét liệu các chiến lược khuyến khích khu vực ngoài công lập có thể giúp giải quyết bất bình đẳng hay không và bằng cách nào. Các chính phủ cũng có thể *khuyến khích khu vực ngoài công lập* cung cấp GDMN có chất lượng cho các nhóm trẻ dễ bị tổn thương, bao gồm trẻ khuyết tật, trẻ em gái, trẻ thuộc dân tộc và chủng tộc thiểu số, trẻ tị nạn hoặc trẻ phải di dời nơi ở. Dù áp dụng biện pháp nào, *cần đảm bảo chất lượng nhất quán giữa các cơ sở GDMN và nên tránh một hệ thống bị phân hóa hai cấp chất lượng* vì điều này có thể làm giảm bớt cơ hội của trẻ dễ bị tổn thương.

Việc khuyến khích khu vực ngoài công lập để mở rộng khả năng tiếp cận với GDMN chất lượng **đòi hỏi chính quyền phải sâu sát với các cơ sở GDMN địa phương, thiết lập các tiêu chuẩn có tính khả thi nhằm vừa khuyến khích tham gia vừa đảm bảo chất lượng.** Chính phủ nên xác định danh sách các cơ sở GDMN địa phương và thiết kế các chiến lược để có thể tận dụng tối đa năng lực của các cơ sở GDMN khác nhau. Một vấn đề quan trọng mà các chính phủ phải đối mặt là làm thế nào để *khuyến khích các cơ sở GDMN ngoài công lập đăng ký thành lập*. Các tiêu chuẩn chất lượng, ví dụ như yêu cầu về diện tích/trẻ hoặc yêu cầu về sân chơi ở khu vực thành thị, thường không khuyến khích hoặc ngăn cản các cơ sở GDMN đăng ký thành lập. Việc đăng ký của các CSGDMN là cần thiết để chính phủ có thể thực hiện vai trò đảm bảo chất lượng của mình. Để tăng tỷ lệ đăng ký, *các tiêu chuẩn chất lượng phải khả thi mà vẫn đảm bảo an toàn cho trẻ*. Ủy ban Mầm non Jamaica áp dụng *cách tiếp cận thực tế*, theo đó các cơ sở GDMN phải đáp ứng ba yêu cầu cơ bản để đăng ký, sau đó được hướng dẫn và hỗ trợ để cải thiện dần dần nhằm đạt được mức chất lượng cao hơn. Điều quan trọng là nhà nước phải duy trì trách nhiệm đảm bảo chất lượng và xây dựng các hệ thống nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục của cả khu vực công lập và ngoài công lập.

Kinh nghiệm 4: Ưu tiên đầu tư để thúc đẩy việc học của trẻ đồng thời xây dựng hệ thống GDMN chất lượng trên quy mô lớn

Để mở rộng hệ thống GDMN một cách hiệu quả và bền vững, các quốc gia có xuất phát điểm hạn chế cần ưu tiên cải thiện năng lực của đội ngũ giáo dục để đảm bảo chất lượng chăm sóc, giáo dục trong các cơ sở GDMN đồng thời đầu tư để dần chuyên nghiệp hóa đội ngũ GDMN. Chất lượng đội ngũ là một trong những yếu tố dự đoán tốt nhất về các tương tác giàu tính giáo dục trong các cơ sở GDMN (Phillips và cộng sự, 2017). Song song với quá trình từng bước xây dựng chương trình đào tạo có tính ứng dụng cho giáo viên trước khi đứng lớp và thiết lập lộ trình nghề nghiệp GDMN hấp dẫn, các quốc gia có chất lượng giáo dục hạn chế nên **ưu tiên đầu tư để phát triển tập huấn và bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên** nhằm trang bị cho đội ngũ giáo viên hiện tại các nội dung phù hợp để thúc đẩy việc học tại các cơ sở GDMN. Các biện pháp hỗ trợ và bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên, bao gồm các cộng đồng chuyên môn và cố vấn trong nội bộ tổ chức có thể là các biện pháp bổ sung hiệu quả để nâng cao năng lực của giáo viên.

Các biện pháp can thiệp để nâng cao năng lực của đội ngũ GDMN nhằm hỗ trợ việc học của trẻ không cần phải quá tốn kém hoặc phức tạp. Ví dụ: tại BRAC Play Labs ở Bangladesh, lãnh đạo cơ sở Play Lab được tham gia khóa đào tạo ngắn trước khi làm việc trong khoảng thời gian vài tuần, tập trung vào các nguyên tắc cơ bản để lãnh đạo trung tâm, chẳng hạn như tổ chức phòng học, thiết lập thời gian biểu và các kỹ năng sư phạm cơ bản, cũng như bồi dưỡng nâng cao hàng tháng thông qua các chương trình đào tạo chuyên biệt. Các thành viên cộng đồng và phụ huynh tham gia chương trình này hỗ trợ chuẩn bị tài liệu và/hoặc duy trì không gian lớp học. Chi phí cho chương trình can thiệp này là 81 đô la Mỹ một năm trên mỗi trẻ trong chương trình hai năm và đã giúp cải thiện phương pháp giảng dạy và kết quả phát triển của trẻ (Whitebread và Yesmin 2021). Trung tâm Đào tạo Giáo viên Mầm non Quốc gia tại Ghana tổ chức chương trình đào tạo tại chức tiền tiểu học kéo dài 5 ngày, sau đó là các khóa bồi dưỡng định kỳ. Phương pháp này tập trung vào học tập thông qua trải nghiệm để giúp các giáo viên hiểu rõ và áp dụng phương pháp dạy và học thông qua vui chơi và phù hợp với lứa tuổi trong lớp học. Những phát hiện ban đầu của đánh giá tác động chỉ ra rằng đào tạo tại chức thường xuyên và bồi dưỡng chuyên môn liên tục có thể mang lại những tác động tích cực đáng kể đến chất lượng giảng dạy và lớp học cũng như động lực của giáo viên (Wolf và cộng sự, 2019). Tổng chi phí thực hiện chương trình, bao gồm giá trị thời gian của người tham gia và giảng viên cùng với chi phí ngân sách trực tiếp là 16 đô la Mỹ/trẻ (Wolf và cộng sự, 2017).

Việc áp dụng phương pháp sư phạm nên nhất quán với chương trình đào tạo tại chức dành cho các giáo viên. Ở những nơi có đội ngũ ở mức năng lực rất thấp, các công cụ sư phạm và giáo án có thể là công cụ hỗ trợ trước mắt để hướng dẫn cho giáo viên trong lớp học. Một ví dụ khác, chương trình mầm non Tayari ở Kenya thực hiện các biện pháp can thiệp bao gồm đào tạo giáo viên, hỗ trợ giảng dạy trong lớp, sách bài tập, sách hướng dẫn giáo viên và các tài liệu hướng dẫn khác trong giai đoạn từ năm 2014 đến 2018 và tổng chi phí trung bình là 15 đô la Mỹ/trẻ/năm. (APHRC 2018).

Song song với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng GDMN, các quốc gia có chất lượng GDMN hạn chế nên ưu tiên tận dụng các không gian hiện có để cung cấp dịch vụ GDMN an toàn, tích cực và dễ tiếp cận. Trẻ em không cần phải có tài liệu hoặc cơ sở hạ tầng GDMN sang trọng để học tập, mặc dù điều này có thể mang lại lợi ích nhất định cho trẻ. Trẻ cần có môi trường cho phép khám phá và tương tác với những người khác và môi trường xung quanh, cả trong nhà và ngoài trời. Các quốc gia có tỷ lệ tiếp cận cao hơn có thể ưu tiên đầu tư cải thiện các không gian học tập hiện có để mang tính sư phạm hơn và tạo điều kiện thuận lợi cho việc học của trẻ. Đồ chơi và tài liệu trong lớp học phải quen thuộc với trẻ và hỗ trợ môi trường học tập hòa nhập và phù hợp với văn hóa bản địa. Đem, thăm và chiếu đều có thể được sử dụng để mang lại không gian học tập linh hoạt và tạo sự tập trung, và đều có chi phí tương đối thấp. Theo Wright, Mannathoko và Pasic (2009), *chi phí trung bình để chuyển đổi một lớp*

học tiêu chuẩn thành môi trường học tập kích thích ở Kenya là 25 đô la Mỹ. Chương trình Giáo dục Mầm non Những năm Đầu đời của Bangladesh cung cấp cho trẻ thêm một năm học ở bậc GDMN bằng cách chia các lớp học GDMN hiện có của chính phủ thành hai ca, cho phép triển khai tương đối nhanh và tiết kiệm chi phí đáng kể (Spier và cộng sự, 2019).

Kinh nghiệm 5: Cách tiếp cận hệ thống để từng bước xây dựng các hệ thống GDMN có chất lượng

Song song với việc đảm bảo các điều kiện tối thiểu cho việc học, các quốc gia nên đầu tư đặt nền móng cho cách tiếp cận hệ thống để đạt được chất lượng GDMN bền vững trên quy mô lớn. Cách tiếp cận hệ thống đối với GDMN cũng có thể tạo điều kiện phối hợp với các dịch vụ khác hỗ trợ GDMN, chẳng hạn như y tế và bảo trợ xã hội. Việc xây dựng các hệ thống GDMN chất lượng đòi hỏi phải có thời gian, lập kế hoạch bài bản và chi phí đầu tư lớn. Để lập kế hoạch quy mô quốc gia, trước tiên cần đánh giá trung thực về hiện trạng cũng như các thách thức chính của hệ thống GDMN, đánh giá các nguồn lực sẵn có (nhân lực, tài chính và toàn hệ thống) và xác định một cách tường minh các mục tiêu để mở rộng khả năng tiếp cận GDMN có chất lượng trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Để GDMN có chất lượng, bền vững ở quy mô lớn đòi hỏi phải xây dựng kế hoạch GDMN quốc gia với đầy đủ nguồn lực cùng các cam kết tài chính dành riêng.

Việc xây dựng hệ thống GDMN có chất lượng đòi hỏi cách tiếp cận tập trung vào kết quả. Một bước quan trọng trong quá trình này là **đặt ra các chuẩn đầu ra phù hợp về mặt văn hóa và phát triển nhằm tạo ra những kỳ vọng chung** về những gì trẻ nên học ở trường mẫu giáo **cũng như các tiêu chuẩn chất lượng quá trình và cấu trúc**. Chuẩn đầu ra và chất lượng cần được thống nhất trên toàn quốc và quá trình xây dựng chuẩn nên có sự tham gia của các bên liên quan như chính quyền địa phương và cộng đồng để đảm bảo xây dựng các tiêu chuẩn thực tế và phù hợp với địa phương. Một khía cạnh quan trọng khác là xác định và thiết lập khung pháp lý để thực hiện bền vững các tiêu chuẩn, bao gồm cả việc giám sát tuân thủ. Các khung pháp lý này có thể giúp cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ tại các cơ sở GDMN công lập và ngoài công lập khi có các nguồn lực cần thiết để triển khai một cách bền vững.

Trong quá trình cung cấp các dịch vụ GDMN có chất lượng trên quy mô lớn, hoạt động giám sát và đảm bảo chất lượng có thể giúp các quốc gia có thể hiểu được biện pháp nào phù hợp với bối cảnh địa phương, xác định các vướng mắc trong quá trình triển khai để cải thiện việc học của trẻ (có thể giúp điều chỉnh chính sách và biện pháp can thiệp), đồng thời xác định các ưu tiên đầu tư theo thời gian, có được thông tin để rút ra các bài học, từ đó định hướng để phát triển hệ thống GDMN có chất lượng trên quy mô lớn. Các quốc gia nên *ưu tiên đầu tư vào các hệ thống dữ liệu nhằm nắm bắt việc học của trẻ và chất lượng của môi trường học tập*, đồng thời tăng cường các hệ thống giám sát và đảm bảo chất lượng để đảm bảo cung cấp thông tin cập nhật cho quá trình ra quyết định. Cần có các công cụ phù hợp để giám sát việc học và các tiêu chuẩn chất lượng. Trong trung và dài hạn, các tiêu chuẩn này và các công cụ giám sát sẽ góp phần thiết lập hệ thống giám sát hoặc thông tin để theo dõi quá trình triển khai dịch vụ GDMN, hiệu quả chi phí, việc cung cấp dịch vụ và kết quả học tập của trẻ. Một hệ thống thông tin hoặc giám sát hiệu quả cũng có các cơ chế cho phép truy cập và sử dụng dữ liệu giữa nhiều bên liên quan để có thể liên tục sử dụng thông tin phản hồi và rút ra bài học.

Kinh nghiệm 6: Các khoản đầu tư ngoài GDMN nhằm thúc đẩy giáo dục mầm non

Song song với các nỗ lực cải thiện giáo dục mầm non là các biện pháp nhằm cải thiện các khía cạnh phát triển quan trọng khác của trẻ như sức khỏe, dinh dưỡng, bảo vệ trẻ em và bảo trợ xã hội. Khi hỗ trợ cha mẹ và những người chăm sóc khác nhằm thúc đẩy sự phát triển của trẻ trong những năm đầu đời, cần chú trọng đến sự phát triển toàn diện của trẻ (Richter và cộng sự, 2017). Thực tế cho thấy sự phát triển

lành mạnh của trẻ là yếu tố chính quyết định việc học của trẻ trong thời thơ ấu và sau này. Ví dụ, các biện pháp can thiệp về dinh dưỡng và sức khỏe, chẳng hạn như bổ sung vi chất dinh dưỡng, ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của trẻ (Galasso và Wagstaff 2019; Richter và cộng sự, 2017). Các biện pháp can thiệp bảo vệ trẻ em có thể làm giảm tỷ lệ ngược đãi trẻ em (Mikton và Butchart 2009), và các chương trình trợ cấp có thể giảm bớt khó khăn cho các hộ gia đình, và do đó cũng có tác động tích cực đến kết quả học tập của trẻ (Nandi và cộng sự, 2017). Ví dụ, ở Indonesia, các cơ quan chính phủ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ khác nhau để điều hành các chương trình giáo dục cha mẹ ở nhiều khu vực của đất nước. Bộ Y tế phổ biến thông tin về tiêm chủng, sức khỏe và thực hành an toàn; còn các cơ sở y tế quận huyện triển khai các lớp học do các phụ tá chuyên nghiệp và các chuyên gia chuyên ngành khác giảng dạy cho các nhóm phụ huynh (Tomlinson và Andina 2015). Bộ Giáo dục và Văn hóa tài trợ cho các chương trình giáo dục mầm non nộp đề xuất thành công để triển khai các chương trình giáo dục cha mẹ và các chương trình nhận được tài trợ yêu cầu cha mẹ phải đưa con đến và tương tác với con trong lớp (Ngân hàng Thế giới, 2018a).

Một lợi ích khác của việc áp dụng cách tiếp cận đa ngành là mở rộng số lượng các mô hình hiện có, chẳng hạn như các chương trình tại cộng đồng và mạng lưới an sinh xã hội, và tận dụng các mô hình này để tiếp cận những nhóm dân số dễ bị tổn thương và khó tiếp cận nhất một cách hiệu quả và bền vững. Ví dụ, chiến lược *Primero la Infancia* (Trẻ em là trên hết) của Peru cung cấp các gói dịch vụ tổng hợp trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và dịch vụ xã hội dành cho phụ nữ mang thai và trẻ em từ 0 đến 5 tuổi, chẳng hạn như thăm khám trước khi sinh, thăm khám tại nhà để hỗ trợ và tư vấn dinh dưỡng cho cha mẹ, trợ cấp và trường mầm non, một số dịch vụ được áp dụng toàn dân và một số dịch vụ được cung cấp dựa theo nhu cầu (Bộ Phát triển Xã hội và Hòa nhập Peru, 2016).

Tài liệu tham khảo

- Anderson, K., A. Raikes, S. Kosaraju, and A. Solano. 2017. National Early Childhood Care and Education Quality Monitoring Systems. Washington, DC: Brookings.
- Araujo, M.C., F. López-Boo, and J.M. Puyana. 2013. Overview of ECD Services in LAC. Inter-American Development Bank.
- Araujo, M. C., Y. Cruz-Agayo, A. Jaimovich, and S. L. Kagan. 2016. “Drawing Up an Institutional Architecture.” In *The Early Years: Child Well-Being and the Role of Public Policy*, edited by S. Berlinski and N. Schady, 179–201. Washington, DC: Inter-American Development Bank.
- Atchison, B., and L. Diffey. 2018a. “Governance in Early Childhood Education.” Education Commission of the States, Washington, DC.
- Atchison, B., and L. Diffey. 2018b. “Initiatives from Preschool to Third Grade: A Policymaker’s Guide.” Education Commission of the States, Washington, DC.
- Attanasio, O., R. Paes de Barro, P. Carneiro, D. Evans, L. Lima, P. Olinto, and N. Schady. 2017. Impact of free availability of public childcare on labour supply and child development in Brazil. 3ie Impact Evaluation Report 58. New Delhi: International Initiative for Impact Evaluation (3ie).
- Bendini, Magdalena; Devercelli, Amanda E.. 2022. *Quality Early Learning: Nurturing Children's Potential*. © Washington, DC: World Bank.
- Banerjee, A., E. Duflo, R. Glennerster, and C. Kinnan. 2015. The miracle of microfinance? Evidence from a randomized evaluation. *American Economic Journal: Applied Economics* 7 (1): 22-53.
- Bennett, J. 2008. *Benchmarks for Early Childhood Services In OECD Countries*. UNICEF Innocenti Research Centre.
- Bennett, J., and Y. Kaga. 2010. The Integration of Early Childhood Systems within Education. *International Journal of Child Care and Education Policy* 4(1): 35-43
- Berlinski, S., and S. Galiani. 2007. The effect of a large expansion of pre-primary school facilities on preschool attendance and maternal employment. *Labour Economics* 14(3): 665-680.
- Berlinski, S., M.M. Ferreya, L. Flabbi, and J. D. Martin. 2020. *Child Care Markets, Parental Labor Supply, and Child Development*. IZA Discussion Paper 12904. Bonn: Institute for the Study of Labor.
- Bernal, R., and C. Fernandez. 2012. Subsidized childcare and child development in Colombia: Effects of Hogares Comunitarios de Bienestar as a function of timing and length of exposure. *Social Science & Medicine* 97: 241-249.
- Barnett, W. S. 2008. “Preschool Education and Its Lasting Effects: Research and Policy Implications.” Education and the Public Interest Center, Boulder, CO; and Education Policy Research Unit, Tempe, AZ. <http://epicpolicy.org/publication/preschooleducation>.
- Bertram, T., and C. Pascal. 2016. *Early Childhood Policies and Systems in Eight Countries. Findings from IEA’s Early Childhood Education Study*. IEA (International Association for the Evaluation of Educational Achievement).

Black, M. M., S. P. Walker, L. C. H. Fernald, et al. 2017. Early child development coming of age: Science through the life-course. *The Lancet* 389(10064): 77-90.

Blau, D. M., and J. Currie. 2006. Preschool, day care, and afterschool care: Who's minding the kids. *Handbook of the Economics of Education* 2: 1163-1278.

BRIDGE, Ilifa Labantwana, National ECD Alliance, Nelson Mandela Foundation, Smartstart, and South African Congress for Early Childhood Development. 2020. The Plight of the ECD Workforce: An Urgent Call for Relief in the Wake of Covid-19. <https://ilifalabantwana.co.za/wp-content/uploads/2020/04/Final-report-The-plight-of-the-ECD-workforce.pdf>

Britto, P., H. Yoshikawa and K. Boller. 2011. Quality of early childhood development programs and policies in global contexts: Rationale for investment, conceptual framework and implications for equity. *Social Policy Report* 25(2): 1-31

Buvinic, M., R. Furst-Nichols, and G. Koolwal, G. 2014. *Data2X: Mapping Gender Data Gaps*. Washington, DC: United Nations Foundation.

Crouch, L., K. Merseth, A. Devercelli, et al. 2019. *Over-Enrollment in the Early Grades*. Washington, DC: World Bank. <http://documents.worldbank.org/curated/en/286211552290431263/Over-Enrollment-in-the-Early-Grades>

Cunha, F., J.J. Heckman, L. Lochner, and D. Masterov. 2006. Interpreting the evidence on life cycle skill formation. *Handbook of the Economics of Education* 1: 697-812.

Dang, H.-A., M. Hiraga, and C.V. Nguyen. 2019. *Child Care and Maternal Employment: Evidence from Vietnam*. GLO Discussion Paper Series 349. Global Labor Organization (GLO).

DEEPEN. 2014. *Schools as a Sustainable Business Survey – Assignment report*. -

_____. 2018. *How Targeted Finance Can Stimulate Low-Fee Schools – Case Study*. Accion Microfinance Bank.

Devercelli, Amanda E.; Beaton-Day, Frances. 2020. *Better Jobs and Brighter Futures: Investing in Childcare to Build Human Capital*. © World Bank, Washington, DC.

ELP (Early Learning Partnership) ELSR. 2018. *Early Learning in Ethiopia: Equitable Access and Learning*. Early Learning Partnership Ethiopia System Diagnostic Report. http://ecdmeasure.org/wp-content/uploads/2019/05/Ethiopia-ELP-System-Diagnostic-Final_Nov-2018_updated.pdf

Engle, P.L., L.C. Fernald, H. Alderman, et al. 2011. Strategies for reducing inequalities and improving developmental outcomes for young children in low-income and middle-income countries. *Lancet* 378: 1339–53.

Ernst & Young. 2013. *Colombian decree regulates withholding of new CREE tax* [https://www.ey.com/Publication/vwLUAssets/Colombian_decree_regulates_withholding_of_new_CREE_tax/\\$FILE/2013G_CM3448_Colombian%20decree%20regulates%20whlding%20of%20new%20CREE%20tax.pdf](https://www.ey.com/Publication/vwLUAssets/Colombian_decree_regulates_withholding_of_new_CREE_tax/$FILE/2013G_CM3448_Colombian%20decree%20regulates%20whlding%20of%20new%20CREE%20tax.pdf) (accessed August 2020)

European Commission. 2016. Eurostat. 2016 EU-SILC MODULE Access to services. <https://ec.europa.eu/eurostat/documents/1012329/8088300/LC+221-18+EN+Module+2016+assessment.pdf/82b23b36-9e04-4905-ab74-9a07f1223637>

_____. 2017. Country Report, United Kingdom 2017 <https://ec.europa.eu/info/sites/info/files/2017-european-semester-country-report-united-kingdom-en.pdf>

_____. 2018. Barcelona Objectives: Report from the Commission to the European Parliament, the Council, the European Economic and Social Committee and the Committee of the Regions.

Gault, B., L.R. Cruse, and R. Schumacher. 2019. Bridging Systems for Family Economic Mobility: Postsecondary and Early Education Partnerships. Washington, DC: Institute for Women's Policy Research.

Giese, S., and D. Budlender. 2011. Government Funding for Early Childhood Development. Learning Brief No. 1. Ilifa Labantwana. <https://ilifalabantwana.co.za/wp-content/uploads/2017/06/Government-funding-for-ECD-in-South-Africa-summary.pdf> (Accessed October 2019)

Gustafsson-Wright, E., S. Gardiner, and V. Putcha. 2015. The Potential and Limitations of Impact Bonds: Lessons from the First Five Years of Experience Worldwide. Global Economy and Development Program. Washington, DC: Brookings.

Halim, D.Z., H.C. Johnson, and E. Perova. 2019. Preschool Availability and Female Labor Force Participation: Evidence from Indonesia. Washington, DC: World Bank

Heckman, J. 2006. Skill formation and the economics of investing in disadvantaged children. *Science* 312 (5782): 1900–02.

_____. 2008a. The case for investing in disadvantaged young children. In *Big Ideas for Children: Investing in Our Nation's Future* (pp. 49–58). Washington, DC: First Focus.

_____. 2008b. Schools, Skills, and Synapses. Discussion Paper No. 3515. Bonn, Germany: IZA.

_____. 2010. The rate of the return to the HighScope Perry Preschool Program (with S. H. Moon, R. Pinto, P. A. Savelyev, A. Yavitz). *Journal of Public Economics* 94: 114–128

Kagan, S. L., ed. 2018. *The Early Advantage 1: Early Childhood Systems That Lead by Example*. New York: Teachers College Press.

Kagan, S.L. 2019. "The Quest for Social Strategy". In *The Early Advantage 2: Building Systems That Work for Young Children*, edited by S.L. Kagan and E. Landsberg, 1–19. New York: Teachers College Press.

Kagan, S. L., M. C. Araujo, A. Jaimovich, and Y. C. Aguayo. 2016. "Understanding Systems Theory and Thinking: Early Childhood Education in Latin America and the Caribbean." In *The SAGE Handbook of Early Childhood Research*, edited by A. Farrell, S. L. Kagan, and E. K. M. Tisdall, 163–84. London: SAGE Press.

Kagan, S. L., and R. E. Gomez, eds. 2015. *Early Childhood Governance: Choices and Consequences*. New York: Teachers College Press.

Kagan, S. L., and K. Kauerz, eds. 2012. *Early Childhood Systems: Transforming Early Learning*. New York: Teachers College Press.

Kagan, S. L., and E. Landsberg, eds. 2019. *The Early Advantage 2: Building Systems That Work for Young Children*. New York: Teachers College Press.

Kagan, S. L., and J. L. Roth. 2017. "Transforming Early Childhood Systems for Future Generations: Obligations and Opportunities." *International Journal of Early Childhood* 49 (2): 138–54.

Kagan, S. L., and K. Tarrant, eds. 2010. *Transitions for Young Children: Creating Connections across Early Childhood Systems*. Baltimore, MD: Paul H. Brookes Publishing Co.

ILO (International Labour Organization). 2017. *World Social Protection Report 2017–19: Universal social protection to achieve the Sustainable Development Goals*. Geneva.

_____. 2018a. *Better Factories Cambodia. Towards Gender Equality – Lessons from Factory Compliance Assessments 2016-17*. Geneva.

_____. 2018b. *Care Work and Care Jobs for the Future of Decent Work*. Geneva.

Kauerz, K. 2010. *PreK-3rd: Putting Full-Day Kindergarten in the Middle*. New York: Foundation for Child Development.

Lancet Early Childhood Development Series Steering Committee. 2016. "Advancing Early Childhood Development: From Science to Scale, an Executive Summary for The Lancet's Series." *Lancet*. <http://iin.oea.org/pdf-iin/RH/2018/2Lancet%20ECD%20Executive%20Summary.pdf>.

Meloy, B., M. Gardner, and L. Darling-Hammond. 2019. *Untangling the Evidence on Preschool Effectiveness: Insights for Policymakers*. Palo Alto, CA: Learning Policy Institute.

Neuman, M. J., and A. E. Devercelli. 2013. *What Matters Most for Early Childhood Development: A Framework Paper. Systems Approach for Better Education Results (SABER) Working Paper No. 5*. Washington, DC: The World Bank.

OECD. 2018. *Starting Strong: Engaging Young Children. Lessons from Research about Quality in Early Childhood Education and Care*. Paris: OECD Publishing.

Pritchett, L. 2015. *Creating Education Systems Coherent for Learning Outcomes: Making the Transition From Schooling to Learning*. Cambridge, MA: Center for Global Development.

Rao, N. 2010. *Preschool Quality and the Development of Children From Economically Disadvantaged Families in India*. *Early Education and Development* 21(2): 167-185.

Rao, N., E. Pearson, B. Piper, and C. Lau. 2020. *Building an Effective Early Childhood Education Workforce*.

Slot, P. L., M.K. Lerkkanen, and P.P. Leseman. 2015. *The Relations Between Structural Quality and Process Quality In European Early Childhood Education and Care Provisions: Secondary Analyses of Large Scale Studies in Five Countries*. CARE—European Early Childhood Education and Care.

South Africa (Republic of South Africa, Department of Social Development). 2014. *Audit of Early Childhood Development (ECD) Centres. National Report*.

Sun, J., N. Rao, and E. Pearson. 2015. Policies and Strategies to Enhance the Quality of Early Childhood Educators. Background paper prepared for the Education for All Global Monitoring Report 2015: Achievements and Challenges. UNESCO.

UK (Government of the United Kingdom). Undated. 15 hours free childcare for 3 and 4-year-olds. Web page available at <http://gov.uk/help-with-childcare-costs/free-childcare-and-education-for-2-to-4-year-olds> (accessed February 2019).

Valdivia, M. 2015. Business training plus for female entrepreneurship? Short and medium-term experimental evidence from Peru. *Journal of Development Economics* 113: 33-51.

Weatherholt, T., R. Jordan, L. Crouch, E. Barnett, and J. Pressley. 2019. Challenge and drivers of over-enrollment in the early years of primary school in Uganda. *International Journal of Early Childhood* 51: 23.

World Bank. 2013a. SABER Early Childhood Development Country Report: Jamaica 2013. Systems Approach for Better Education Results (SABER) country report. Washington, DC.

_____. 2013b. Republic of Uzbekistan: Improving Early Childhood Care and Education. Washington, DC.

_____. 2013c. SABER Early Childhood Development Country Report: Colombia 2013. Systems Approach for Better Education Results (SABER) country report. Washington, DC.

_____. 2019b (forthcoming). Study on Demand for Skilled Labor in Early Childhood Development Sector. South Asia Region, Education Global Practice. Washington, DC.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX2

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2023

V/v đăng kí tham gia thí điểm
phổ cập giáo dục mầm non cho
trẻ em mẫu giáo.

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

UBND tỉnh Vĩnh Phúc nhận được văn bản số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 953/SGDĐT-GDTEX-GDMN ngày 21/6/2023; căn cứ tình hình giáo dục mầm non của tỉnh, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đồng ý đăng ký tham gia thí điểm phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

UBND tỉnh Vĩnh Phúc có ý kiến đề Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như kg;
- Chủ tịch;
- Các PCT;
- CPVP;
- Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 218 /UBND-KGVX

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 7 năm 2023

V/v đăng ký tham gia
thí điểm phổ cập giáo dục mầm non
cho trẻ mẫu giáo

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ năm 2024 đến hết năm 2030;

Căn cứ điều kiện nguồn lực kinh tế, chính trị, xã hội, các chính sách đặc thù của tỉnh về phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo;

Trên cơ sở kết quả vững chắc phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi từ năm 2012 (Bắc Ninh là tỉnh đầu tiên đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi), được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, Bắc Ninh đã và đang thực hiện hiệu quả việc nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục nói chung, trẻ mầm non 5 tuổi và trẻ mẫu giáo nói riêng;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp giao ban Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 05/7/2023 (Thông báo số 67/TB-UBND ngày 05/7/2023), UBND tỉnh Bắc Ninh nhận thấy chương trình thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo là nhiệm vụ rất thiết thực, cần thiết, phù hợp với mục tiêu phát triển giáo dục nói chung và giáo dục mầm non của tỉnh nói riêng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 1154/SGDĐT-GDMN ngày 04/7/2023;

UBND tỉnh Bắc Ninh trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, lựa chọn tỉnh Bắc Ninh tham gia thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ năm 2024 đến hết năm 2030.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *MĐ*

- Như trên;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ GDMN, Bộ GDĐT;
- Sở GDĐT;
- VP UBND tỉnh: LĐVP;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quoc
Vương Quốc Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1617 /UBND-VX

Hải Phòng, ngày 07 tháng 7 năm 2023

V/v đăng kí tham gia thí điểm phổ cập
giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Trên cơ sở báo cáo đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1655/SGDDĐT-GDMN ngày 22/6/2023, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm tạo điều kiện cho Giáo dục mầm non thành phố Hải Phòng tham gia triển khai thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo giai đoạn 2024 - 2030.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT L.K.Nam;
- Sở GD&ĐT;
- CVP, PCVP Tr.H.Kiên;
- Phòng NCKTGS;
- CV: GD;
- Lưu: VT. ✓



Lê Khắc Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-VP6

Ninh Bình, ngày tháng 7 năm 2023

V/v đăng ký tham gia thí điểm
phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ
em mẫu giáo, giai đoạn 2024 - 2030

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã có văn bản giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đánh giá thực trạng mức độ đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn; xác định việc đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục cho trẻ mẫu giáo giai đoạn 2024 - 2030.

Căn cứ vào thực trạng giáo dục mầm non và sự đáp ứng về điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo trên địa bàn tỉnh tại thời điểm tháng 5/2023, tỉnh Ninh Bình đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo giai đoạn 2024 - 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, VP6.

PD_VP6_85.CVGD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Quang Thìn

Số: /SGD&ĐT-GDMN

Lào Cai, ngày tháng 6 năm 2023

V/v: Xin ý kiến tham mưu tỉnh Lào Cai đăng kí
thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Sở: Nội Vụ, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư; Y tế, Lao động TB&XH, Sở GTVT&XD, Sở Thông tin và Truyền Thông, Tài Nguyên&Môi trường, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

Căn cứ văn bản số 2884/BGDĐT- GDMN, ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng kí tham gia thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo;

Căn cứ văn bản số 2373/UBND- VX, ngày 15/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tham mưu đề nghị của Bộ GD&ĐT về đăng ký thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo;

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo tại một số tỉnh, thành phố và đối chiếu với các chỉ số quy định thực hiện PCGDMN theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT về thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thực tế thì tỉnh Lào Cai đã đang thí điểm thực hiện phổ cập MG 4 tuổi, tính đến thời điểm hiện tại tại tỉnh Lào Cai đã đạt được nhiều chỉ số đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Vì vậy, sở GD&ĐT đã dự thảo văn bản tham mưu UBND tỉnh đăng kí tỉnh Lào Cai thực hiện thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ năm 2024 đến hết năm 2030 (có dự thảo đính kèm).

Sở GD&ĐT trân trọng đề nghị các sở và UBND huyện, thành phố, thị xã cho ý kiến đóng góp vào dự thảo văn bản tham mưu với UBND tỉnh. Các ý kiến cần ghi rõ đồng ý/ không đồng ý/lí do đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ý kiến khác gửi bằng văn bản về Sở GD&ĐT (phòng GDMN), trước ngày 20/6/2023.

(gửi kèm văn bản này có dự thảo nội dung về nguyên tắc, tiêu chí, chính sách thí điểm)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng GD&ĐT các huyện, TX, TP
- Các phòng KTTH, TCCB Sở GD&ĐT;
- Lưu : VT, GDMN.

GIÁM ĐỐC

Dương Bích Nguyệt

Số: /SGDDĐT-GDMNTH

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2023

V/v đăng ký tham gia thí điểm phổ cập
giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo

Kính gửi: Vụ Giáo dục Mầm non - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong những năm qua, quy mô Giáo dục mầm non tỉnh Điện Biên có sự phát triển nhanh, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ liên tục được nâng lên. Năm học 2022-2023, toàn tỉnh có 168 trường mầm non đang hoạt động giáo dục với 2.477 nhóm, lớp; tổng số trẻ đi học là 58.877 trẻ. Tỷ lệ trẻ nhà trẻ đi học tại các cơ sở giáo dục Mầm non đạt 46,7%, trẻ mẫu giáo đi học đạt 99,7%; riêng trẻ 5 tuổi đi học đạt 99,97%;

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp học mầm non: 4.782 người trong đó: cán bộ quản lý 470, giáo viên 3.748, nhân viên 564 người. Tổng số giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên (theo Luật Giáo dục 2019) là 97,2%, trên chuẩn đào tạo 74,65%. Tỷ lệ giáo viên/lớp mẫu giáo đạt 1,49 giáo viên/lớp;

Tổng số phòng học cấp học mầm non 2.477 phòng trong đó: Phòng học kiên cố đạt 71,7%, phòng học bán kiên cố 25,1%, phòng học tạm 3,1%. Tỷ lệ phòng học/nhóm, lớp đạt: 01 nhóm, lớp/01 phòng; 86,5% số lớp mẫu giáo có đủ thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi tối thiểu (riêng lớp 5 tuổi 1.073/1.073 lớp đạt 100%). Tổng số sân chơi ngoài trời 1.032 sân (trong đó sân có 5 loại thiết bị, đồ chơi ngoài trời trở lên đạt 71,9%).

Căn cứ Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

Căn cứ Công văn số 2407/UBND-KGVX ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo và ý kiến của UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên (đã được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tại Công văn số 2407/UBND-KGVX) đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo theo Kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tỉnh tỉnh Điện Biên rất mong nhận được sự xem xét chấp thuận và quan tâm hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Giáo dục Mầm non và các Vụ liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Điện Biên (b/cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDMN-TH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đoạt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KGVX

Sơn La, ngày tháng năm

V/v đăng kí tham gia thí điểm phổ
cập giáo dục mầm non cho trẻ em
mẫu giáo

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu rà soát các tiêu chí theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023.

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Báo cáo số 351/BC-SGDĐT ngày 23/6/2023, Ủy ban nhân dân Sơn La đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo như sau:

- Có 7/12 huyện, thành phố đủ điều kiện đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo = 58,33% (gồm các huyện: Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu, Mai Sơn, Sốp Cộp, Quỳnh Nhai và thành phố Sơn La).

(Có hồ sơ đăng ký của các huyện, thành phố kèm theo)

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh;
- Vụ Giáo dục mầm non-Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Tráng Thị Xuân

UBND TỈNH HÒA BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-MN&TH

Hòa Bình, ngày 20 tháng 6 năm 2023

V/v đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo và ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Chương- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 4897/VPUBND-NVK ngày 15/6/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình;

Sau khi rà soát các điều kiện về kinh tế - xã hội, kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non đã đạt được trong những năm qua và mục tiêu phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá sơ bộ các điều kiện tham gia thí điểm như sau:

Hòa Bình là tỉnh miền núi, trên địa bàn có các xã thuộc vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có các khu công nghiệp vừa và nhỏ. Thời gian thực hiện thí điểm từ năm 2024 đến năm 2030 phù hợp với lộ trình thực hiện các Kế hoạch, Đề án phát triển giáo dục mầm non và các Kế hoạch khác về giáo dục, về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Việc thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo ở những nơi có điều kiện, tiến tới phổ cập giáo dục mẫu giáo vào năm 2030 là một trong những nhiệm vụ đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, khuyến khích các đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.

Với mong muốn huy động tối đa trẻ em tuổi mẫu giáo trên địa bàn tỉnh đến trường/lớp để được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo Chương trình Giáo dục Mầm non, tỉnh Hòa Bình đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt ./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Đ/c Nguyễn Văn Chương- PCT UBND tỉnh; (để báo cáo)
- VP UBND tỉnh; (để phối hợp)
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, MN&TH (M.03b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quang Minh

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-GDMN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

V/v đăng kí tham gia thí điểm phổ cập
giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc cho ý kiến đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo; Căn cứ Phiếu chuyển số 1696/PC-VP ngày 20/6/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thực hiện các văn bản của Bộ GDĐT;

Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội, kết quả và mục tiêu phát triển giáo dục mầm non của thành phố, Sở GDĐT đăng kí thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào thời điểm năm 2030.

Sở GDĐT kính báo Bộ GDĐT được biết và có cơ sở báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- UBND các quận, huyện
- Phòng GDTX, GDCN&ĐH;
- Lưu: VT, GDMN.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

UBND TỈNH KON TUM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDĐT-GDMNTH
V/v Đăng kí tham gia thí điểm phổ
cập giáo dục mầm non cho trẻ em
mẫu giáo

Kon Tum, ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 2884/BGDĐT ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

Căn cứ Công văn số 3595/VP-KGVX ngày 19/6/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

Căn cứ Công văn xin ý kiến¹ và ý kiến của các Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các Sở, ban ngành có liên quan.

Trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội, kết quả và mục tiêu phát triển giáo dục mầm non của địa phương, đối chiếu với nguyên tắc, tiêu chí, chính sách thực hiện thí điểm, tỉnh Kon Tum đăng ký tham gia thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở (biết);
- Các đơn vị hành chính thuộc Sở (t/h);
- Lưu: VT, GDMNTH_(NTTH).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Thị Lan

¹ Công văn số 1180/SGDĐT-GDMNTH ngày 20/6/2023 về việc xin ý kiến tỉnh Kon Tum đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo

Số: /UBND-VP

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày tháng năm 2023

V/v đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc cho ý kiến đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2371/SGDĐT-GDMNTH về việc đăng kí tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo; căn cứ kết quả phát triển giáo dục mầm non (GDMN) của tỉnh từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Quy mô mạng lưới trường lớp

- Tổng số cơ sở GDMN năm học 2022-2023 là 445 cơ sở, gồm 193 trường và 252 nhóm lớp độc lập. Trong 5 năm tổng số trường mầm non trên toàn tỉnh tăng 15 trường (công lập 05 trường - tư thục 10 trường); giảm 45 nhóm, lớp độc lập không phép.
- Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tăng 13 trường.

TT	Năm học	Tổng số cơ sở GDMN	Trường			Cơ sở độc lập			Trường đạt chuẩn quốc gia	
			Tổng số	Công lập	Tư thục	Tổng số	Có phép	Không phép	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Tỷ lệ
1	2018-2019	513	178	111	67	335	290	45	84	47,19
2	2019-2020	510	185	110	75	325	290	35	89	48,11
3	2020-2021	483	187	111	76	296	280	16	91	48,66
4	2021-2022	445	193	115	78	252	251	1	94	48,7
5	2022-2023	445	193	116	77	252	252	0	97	50,26

- Công tác huy động trẻ: Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể của địa phương để tuyên truyền vận động trẻ ra lớp; 100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ ngày.

- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp hàng năm:

TT	Năm học	Tỷ lệ trẻ nhà trẻ ra lớp	Tỷ lệ trẻ nhà trẻ học 2 buổi/ngày	Tỷ lệ trẻ mẫu giáo ra lớp	Tỷ lệ trẻ nhà trẻ học 2 buổi/ngày	Chia ra					
						3 tuổi		4 tuổi		5 tuổi	
						Ra lớp	học 2 buổi/ngày	Ra lớp	học 2 buổi/ngày	Ra lớp	học 2 buổi/ngày
1	2018-2019	28,42	100,00	91,65	100,00	80,51	100,00	95,85	100,00	98,63	100,00
2	2019-2020	34,04	100,00	95,55	100,00	91,21	100,00	95,51	100,00	99,46	100,00
3	2020-2021	35,86	100,00	95,14	100,00	93,49	100,00	91,74	100,00	99,81	100,00
4	2021-2022	36,60	100,00	96,71	100,00	95,68	100,00	97,00	100,00	99,14	100,00
5	2022-2023	37,65	100,00	95,99	100,00	94,68	100,00	94,94	100,00	99,21	100,00

2. Về đội ngũ

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, được đào tạo bồi dưỡng về quản lý nhà nước, lý luận chính trị, có năng lực chuyên môn, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục; có uy tín, được các cấp lãnh đạo, nhân dân địa phương, phụ huynh tin nhiệm.

Bên cạnh đó vẫn còn một số khó khăn: theo Luật giáo dục năm 2019, tỉnh vẫn còn một số giáo viên đặt biệt là ngoài công lập chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo; một số cơ sở GDMN thiếu CBQL làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành các hoạt động.

TT	Năm học	Tổng số				Trình độ		Tỷ lệ giáo viên/ lớp
		Cộng chung	CBQL	GV	NV	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
1	2018-2019	7.682	422	4.903	2.357	4.903	2.794	1,91
2	2019-2020	7.660	408	4.984	2.268	4.984	2.992	2,00
3	2020-2021	7.622	406	4.955	2.261	3.624	1.562	1,97
4	2021-2022	7.551	396	4.849	2.306	3.651	1.587	1,98
5	2022-2023	7.735	401	4.959	2.375	3.837	1.725	1,95

3. Về cơ sở vật chất

Đảm bảo đủ số lượng phòng học cho trẻ; có sân chơi, có thiết bị đồ chơi để tổ chức các hoạt động hàng ngày cho trẻ; bếp ăn sắp xếp gọn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, phòng học học của một số nhóm, lớp độc lập

chưa đủ diện tích, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi còn thiếu (*Bà Rịa, Phú Mỹ, Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc*).

TT	Năm học	Phòng học				Sân chơi	Bếp ăn
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm		
1	2018-2019	2.738	2.195	534	9	513	364
2	2019-2020	2.569	2.086	462	21	510	388
3	2020-2021	2.555	1.999	556	-	483	481
4	2021-2022	3.552	2.998	554	-	445	438
5	2022-2023	2.651	2.248	403	-	445	457

4. Lộ trình đăng ký đạt chuẩn phổ cập trẻ mẫu giáo 3 tuổi và 4 tuổi:

Căn cứ tình hình thực tế của từng địa phương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đăng ký:

- Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trẻ mẫu giáo 3 tuổi và 4 tuổi theo năm:

- + Năm 2024 có 25 xã, phường, thị trấn¹;
- + Năm 2025 có 53 xã, phường, thị trấn (*có 28 xã, phường, thị trấn đạt mới²*);
- + Năm 2026 có 72 xã, phường, thị trấn (*có 19 xã, phường, thị trấn đạt mới³*);
- + Năm 2027 có 77 xã, phường, thị trấn (*có 05 xã, phường, thị trấn đạt mới⁴*);
- + Năm 2028 có 82 xã, phường, thị trấn (*có 05 xã, phường, thị trấn đạt mới⁵*);

TT	Đơn vị	Năm đơn vị đạt chuẩn PCGDTMG					Ghi chú
		2024	2025	2026	2027	2028	
1	Côn Đảo	X					2024
2	Vũng Tàu	2	4	7	12	17	2028
3	Bà Rịa	4	6	11	11	11	2026
4	Phú Mỹ	4	6	10	10	10	2026
5	Xuyên Mộc	6	10	13	13	13	2026
6	Châu Đức	5	16	16	16	16	2025
7	Đất Đỏ	1	4	8	8	8	2026

¹ Năm 2024: **Vũng Tàu (02)**: Phường 1, Phường 4; **Bà Rịa (05)**: Phường Phước Trung, Phường Long Tâm, Phường Phước Hưng, Phường Long Hương; **Phú Mỹ (03)**: xã Tân Hòa, xã Sông Xoài, xã Tóc Tiên; **Xuyên Mộc (06)**: Xã Bung Riềng, xã Xuyên Mộc, xã Bàu Lâm, xã Hòa Hiệp, xã Hòa Bình, thị trấn Phước Bửu; **Châu Đức (05)**: Thị trấn Ngãi Giao, xã Xà Bang, xã Cù Bị, xã Kim Long, xã Quảng Thành; **Đất Đỏ (01)**: xã Lộc An; **Long Điền (03)**: xã An Ngãi, xã An Nhứt, xã Tam Phước.

² Năm 2025: **Vũng Tàu (02)**: Phường 2, Phường 7; **Bà Rịa (02)**: xã Hòa Long, Phường Long Toàn; **Phú Mỹ (02)**: xã Tân Hải, xã Phước Hòa; **Xuyên Mộc (04)**: xã Hòa Hưng, xã Hòa Hội, xã Phước Thuận, xã Phước Tân; **Châu Đức (11)**: xã Bàu Chinh, xã Bình Ba, xã Bình Giã, xã Bình Trung, xã Láng Lớn, xã Nghĩa Thành, xã Sơn Bình, xã Suối Nghệ, xã Suối Rao, xã Xuân Sơn, xã Đá Bạc; **Đất Đỏ (03)**: xã Phước Hội, xã Láng Dài, TT Phước Hải; **Long Điền (04)**: TT Long Điền, xã Phước Tinh, xã Phước Hưng, thị trấn Long Hải.

³ Năm 2026: **Vũng Tàu (03)**: Phường 3, phường 8, Phường 9; **Bà Rịa (05)**: Phường Kim Dinh, xã Phước Tân, xã Long Phước, phường Phước Hiệp, phường Phước Nguyên; **Phú Mỹ (04)**: Phường Tân Phước, phường Phú Mỹ, phường Mỹ Xuân, phường Hắc Dịch; **Xuyên Mộc (03)**: Xã Bình Châu, xã Bông Trang, xã Tân Lâm; **Đất Đỏ (04)**: TT Đất Đỏ, xã Phước Long Thọ, xã Long Tân, xã Long Mỹ.

⁴ Năm 2027: **Vũng Tàu (05)**: Phường 10, Phường 11, Phường 12, phường Thắng Nhất, Phường Thắng Tam;

⁵ Năm 2028: **Vũng Tàu (05)**: Phường 5, Phường Thắng Nhì, phường Nguyễn An Ninh, phường Rạch Dừa, xã Long Sơn;

8	Long Điền	3	7	7	7	7	2025
Tổng cộng		25	53	72	77	82	

- Đến năm 2028 toàn tỉnh phấn đấu 8/8 huyện đạt chuẩn phổ cập trẻ mẫu giáo 3 tuổi và 4 tuổi:

+ Năm 2025: huyện Côn Đảo;

+ Năm 2026: huyện Châu Đức; huyện Long Điền.

+ Năm 2027: thành phố Bà Rịa, thị xã Phú Mỹ, huyện Xuyên Mộc, huyện Đất Đỏ.

+ Năm 2028: thành phố Vũng Tàu.

Căn cứ kết quả thực hiện GDMN và điều kiện thực tế; UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đăng ký tham gia thực hiện thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo theo ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Sở GDĐT (t/h);
- CVP.UBND tỉnh;
- Lưu VT, VX6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Minh Thông

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số /SGDDĐT-GDMN Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2023

V/v cho ý kiến đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v cho ý kiến đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo;

Thực hiện Công văn số 6052/VP-VX ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Căn cứ Quyết định số 4904/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quyết định phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả duy trì cập nhật giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua, cụ thể hằng năm Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tập trung hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của 21 quận, huyện và thành phố Thủ Đức theo quy định của Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Kết quả, tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường, lớp đạt trên 99%; tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi học 2 buổi/ngày đạt 100%; tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt trên 98%.

Liên quan nội dung đăng ký tham gia thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo; qua báo cáo thống kê trẻ em từ 0-5 tuổi của các đơn vị cho thấy tỷ lệ

huy động trẻ em mẫu giáo ở từng đơn vị có sự chênh lệch cao, thấp khác nhau (*đính kèm phụ lục*). Để tiếp tục củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Qua nghiên cứu, (*dự thảo về nội dung, nguyên tắc, tiêu chí, chính sách thí điểm gửi kèm Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ GDĐT*), Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất đăng kí tham gia thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP “*để báo cáo*”;
- Giám đốc “*để báo cáo*”;
- Phòng KHTC, GDTTrH, TCCB “*để phối hợp*”;
- Lưu VP, P.GDMN (UP).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thụy Mỹ Châu

UBND TỈNH LONG AN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-GDMN-GDTH

Long An, ngày tháng 6 năm 2023

V/v đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo

Kính gửi: Vụ Giáo dục Mầm non - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo; Công văn số 5400/UBND-VHXXH ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 2041/SGDDĐT-GDMN-GDTH ngày 16/6/2023 về việc lấy ý kiến của các địa phương và các sở ngành có liên quan về thời gian đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục mầm non (GDMN) giai đoạn 2021- 2030 và tăng cường các điều kiện đảm bảo để huy động trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp; nâng cao chất lượng duy trì, đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, chuẩn bị tốt các điều kiện để trẻ em mẫu giáo 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1; hướng đến phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo.

Đồng thời, căn cứ vào hiện trạng về các tiêu chí phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo của tỉnh còn thấp so với chuẩn quy định và ý kiến đề xuất của các địa phương, các sở ngành có liên quan, tỉnh Long An đăng ký lộ trình tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo trên địa bàn tỉnh vào năm 2027.

(Đính kèm phụ lục hiện trạng của tỉnh về các tiêu chí phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo và Bảng tổng hợp ý kiến của các đơn vị)

Trên đây là đăng ký lộ trình tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo trên địa bàn tỉnh của tỉnh Long An./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các P. Giám đốc;
- Các phòng Sở, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, PGDMN-GDTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hồng Phúc

THỐNG KÊ KẾT QUẢ CÁC CHỈ TIÊU ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ĐẠT PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM MẪU GIÁO TỈNH LONG AN
(*Tính đến thời điểm cuối năm học 2022-2023*)

TT	Đơn vị	TS trường	Nhóm lớp độc lập tự thực	Tỷ lệ trẻ Mẫu giáo ra lớp (Tỷ lệ trẻ em 3, 4, 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất 95%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%)				Phòng học đảm bảo 1 phòng/lớp		Đội ngũ giáo viên																Tỷ lệ Giáo viên/lớp
								Số phòng	Số lớp	Quy định 100% số giáo viên dạy lớp mẫu giáo 3,4,5 tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định Luật GD 2019																
				Tổng số GV dạy MG 3,4,5 tuổi	Giáo viên dạy lớp MG 3 tuổi					Giáo viên dạy lớp MG 4 tuổi				Giáo viên dạy lớp MG 5 tuổi												
					Tổng số GV	Trình độ Chuẩn (CĐ)	Tỷ lệ %			Trình độ Trên chuẩn	Tỷ lệ %	Tổng số GV	Trình độ Chuẩn (CĐ)	Tỷ lệ %	Trình độ Trên chuẩn	Tỷ lệ %	Tổng số GV	Trình độ Chuẩn (CĐ)	Tỷ lệ %	Trình độ Trên chuẩn	Tỷ lệ %					
Tổng	3T	4T	5T																							
1	TPTA	23	27	99.5%	99.3%	99.14%	100.0%	161	161	330	112	26	23.2	56	50.0	117	25	21.4	67	57.3	101	6	5.9	85	84.2	2.05
2	Bến Lức	17	60	90.4%	63.2%	99.76%	100.0%	219	219	410	97	28	28.9	22	22.7	125	28	22.4	50	40.0	188	25	13.3	132	70.2	1.87
3	Thủ Thừa	11	14	84.5%	54.8%	96.67%	100.0%	108	108	228	49	9	18.4	29	59.2	89	16	18.0	66	74.2	90	20	22.2	69	76.7	2.11
4	Châu Thành	15	9	78.1%	57.9%	75.70%	100.0%	125	125	260	71	14	19.7	41	57.7	93	19	20.4	69	74.2	96	6	6.3	86	89.6	2.08
5	Tân Trụ	11	9	76.6%	46.8%	80.65%	100.0%	80	80	155	34	6	17.6	26	76.5	58	5	8.6	48	82.8	63	5	7.9	58	92.1	1.94
6	Cần Đước	22	27	76.6%	44.6%	79.26%	100.0%	182	182	365	92	21	22.8	40	43.5	104	19	18.3	64	61.5	169	24	14.2	138	81.7	2.01
7	Cần Giuộc	18	63	73.8%	30.4%	82.11%	100.0%	176	176	348	74	17	23.0	29	39.2	102	18	17.6	66	64.7	172	31	18.0	132	76.7	1.98
8	Đức Hoà	27	103	86.6%	66.1%	90.93%	100.0%	332	332	588	168	42	25.0	35	20.8	206	53	25.7	74	35.9	214	49	22.9	139	65.0	1.77
9	Đức Huệ	10	2	79.2%	46.0%	89.82%	99.7%	83	83	164	30	8	26.7	18	60.0	61	7	11.5	44	72.1	73	5	6.8	67	91.8	1.98
10	Thạnh Hoá	11	3	89.4%	68.9%	95.47%	100.0%	72	72	151	28	2	7.1	24	85.7	41	3	7.3	34	82.9	82	5	6.1	77	93.9	2.10
11	Tân Thạnh	13	1	91.2%	69.8%	92.85%	100.0%	88	88	154	27	2	7.4	19	70.4	43	3	7.0	33	76.7	84	3	3.6	81	96.4	1.75
12	Mộc Hoá	7	0	74.4%	43.1%	73.84%	100.0%	35	35	70	16	3	18.8	11	68.8	18	1	5.6	14	77.8	36	1	2.8	32	88.9	2.00
13	Kiến Tường	8	5	85.5%	65.9%	87.76%	100.0%	55	55	116	32	4	12.5	22	68.8	39	9	23.1	29	74.4	45	4	8.9	39	86.7	2.11
14	Vĩnh Hưng	10	4	78.4%	56.3%	76.90%	100.0%	69	69	146	35	4	11.4	27	77.1	44	4	9.1	35	79.5	67	6	9.0	60	89.6	2.12
15	Tân Hưng	12	6	83.1%	62.9%	81.51%	100.0%	62	62	120	29	4	13.8	20	69.0	38	11	28.9	22	57.9	53	8	15.1	41	77.4	1.94
Tổng toàn tỉnh		215	333	83.5%	57.6%	88.04%	99.99%	1,847	1,847	3605	894	190	21.3	419	46.9	1178	221	18.8	715	60.7	1533	198	12.9	1236	80.6	1.95

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐỀ XUẤT CỦA CÁC ĐƠN VỊ

STT	Tên đơn vị	Năm đề xuất đăng ký thí điểm			
		2025	2026	2027	Khác
1.	Sở Nội Vụ			X	
2.	Sở Tài chính			X	
3.	Sở Xây dựng			X	
4.	Sở Kế hoạch và Đầu tư			X	
5.	UBND huyện Tân Hưng			X	
6.	UBND huyện Vĩnh Hưng			X	
7.	UBND TX Kiến Tường			X	
8.	UBND huyện Mộc Hóa			X	
9.	UBND huyện Tân Thạnh			X	
10.	UBND huyện Thạnh Hóa			X	
11.	UBND TP Tân An			X	
12.	UBND huyện Châu Thành			X	
13.	UBND huyện Thủ Thừa			X	
14.	UBND huyện Tân Trụ			X	
15.	UBND huyện Bến Lức			X	
16.	UBND huyện Đức Hòa				2030
17.	UBND huyện Đức Huệ			X	
18.	UBND huyện Cần Đước			X	
19.	UBND huyện Cần Giuộc			X	
Tổng cộng				18	1

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-GDMN&TH
V/v báo cáo, đề xuất đăng ký phổ cập
GDMN cho trẻ em mẫu giáo

Sóc Trăng, ngày tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh tại Công văn số 3231/VP-VX ngày 16/6/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Sóc Trăng về việc xem xét đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ em mẫu giáo,

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) căn cứ quy định về tiêu chí lựa chọn 03 tỉnh thuộc Vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo phương án 3:

- Có cơ sở GDMN độc lập (13 trường tư thục và 50 nhóm lớp độc lập);
- Có 45/109 xã thuộc đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang, ven biển;
- Có tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 3, 4 tuổi còn thấp (3 tuổi: 57%; 4 tuổi: 82%); thiếu giáo viên dạy độ tuổi 3 và 4 tuổi (352 giáo viên), thiếu phòng học và đồ dùng thiết bị dạy học.

Sở GDĐT kính đề xuất UBND tỉnh đăng ký tham gia thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (2024 -2027): Phổ cập mẫu giáo 4 tuổi;
- Giai đoạn 2 (2027-2030): Phổ cập mẫu giáo 3 tuổi.

Sở GDĐT kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

(Đính kèm dự thảo văn bản của UBND tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Thu Hằng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-VX
V/v đăng ký phổ cập GDMN cho trẻ
em mẫu giáo tỉnh Sóc Trăng

Sóc Trăng, ngày tháng 6 năm 2023

DỰ THẢO

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT-GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo,

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng căn cứ quy định về tiêu chí lựa chọn 03 tỉnh thuộc Vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo phương án 3:

- Có cơ sở GDMN độc lập (13 trường tư thục và 50 nhóm lớp độc lập);
- Có 45/109 xã thuộc đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang, ven biển;
- Có tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 3, 4 tuổi còn thấp (3 tuổi: 57%; 4 tuổi: 82%); thiếu giáo viên dạy độ tuổi 3 và 4 tuổi (352 giáo viên), thiếu phòng học và đồ dùng thiết bị dạy học.

Đối với tỉnh Sóc Trăng đề xuất đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (2024 -2027): Phổ cập mẫu giáo 4 tuổi;
- Giai đoạn 2 (2027-2030): Phổ cập mẫu giáo 3 tuổi.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VX.

CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2319/UBND-KGVX

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 6 năm 2023

V/v đăng ký tham gia thực hiện thí
điểm phổ cập giáo dục mầm non cho
trẻ em mẫu giáo trên địa bàn
tỉnh Bạc Liêu

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2884/BGDĐT- GDMN ngày 14/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho ý kiến đăng ký tham gia thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

Qua xem xét, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu có ý kiến như sau:

1. Tình hình thực trạng giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh.

Bạc Liêu là một tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có 05 huyện, 1 thị xã và 01 thành phố thuộc tỉnh với 64 xã, phường, thị trấn. Dân số hơn 900.000 người, trong đó dân tộc thiểu số của tỉnh chủ yếu là người Khmer chiếm gần 8%, người Hoa chiếm gần 3% và một số ít các dân tộc khác, là tỉnh còn khó khăn trong phát triển kinh tế, xuất phát điểm về giáo dục và đào tạo (GDĐT) nói chung, giáo dục mầm non (GDMN) nói riêng còn thấp. Xác định GDMN là cấp học có vị trí quan trọng trong việc đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ. Trong những năm qua cùng với sự đầu tư toàn diện để phát triển GDMN và thực hiện mục tiêu Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, GDMN của tỉnh đã có nhiều khởi sắc. Mạng lưới trường, lớp mầm non được mở rộng, đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn đều có trường (toàn tỉnh có 84 trường /64 xã, phường, thị trấn và 23 nhóm, lớp tự thực). Huy động trẻ nhà trẻ đạt từ 10,1% năm 2020 lên 17,86% năm 2023, trẻ mẫu giáo từ 76,54% năm 2020 lên 83,09%; đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên không ngừng được củng cố, phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng, đặc biệt là có sự chuyển biến nhanh về tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đào tạo. Cơ sở vật chất được đầu tư đáng kể, tỷ lệ phòng học đạt 1 phòng/lớp. Mặc dù các địa phương có sự đầu tư trang bị thiết bị đồ dùng dạy học, đồ chơi tối thiểu theo quy định cho các nhóm, lớp nhưng tỷ lệ nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi tối thiểu chỉ đạt 94,86%, số nhóm, lớp còn lại có trang bị nhưng còn thiếu so với quy định; còn 24 sân chơi ở điểm lẻ chưa có đồ chơi ngoài trời. Toàn tỉnh đạt tỷ lệ bình quân 1,92 giáo viên/lớp. Theo định mức lao động được quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ thì Bạc Liêu còn thiếu 187 giáo viên công lập (Nhà trẻ: 30 giáo viên, Mẫu giáo: 157 giáo viên) và thiếu 42 nhân viên.

Tuy nhiên, Bạc Liêu việc đầu tư cho giáo dục còn thấp so nhu cầu; ngân sách chi giáo dục chủ yếu nguồn thu xổ số kiến thiết của tỉnh, nguồn huy động xã hội hóa còn thấp để đầu tư xây dựng trường, phòng học, phòng chức năng, mua sắm trang thiết bị cho GDMN chưa đáp ứng đủ so với nhu cầu thực tế. Còn nhiều trường có quy mô nhỏ (dưới 9 nhóm, lớp), còn nhiều điểm trường lẻ; mạng lưới trường lớp hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu thu nhận trẻ đến lớp, đặc biệt là những nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, khu đô thị đông dân cư; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ còn rất thấp (17,86%) chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội, nhiều trẻ em tiếp cận với giáo dục mầm non muộn so với độ tuổi, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số, từ đó dẫn đến các điều kiện bảo đảm chất lượng toàn diện cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một chưa tương xứng với yêu cầu, mục tiêu mong muốn. Do đó việc mở rộng và đầu tư các Trường mầm non ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nơi đông dân cư tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết.

2. Đăng ký tham gia thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ năm 2024-2030: Từ thực trạng nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đăng ký tham gia thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ năm 2024-2030 và kính gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét chấp thuận cho tỉnh Bạc Liêu.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu kính gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên; *nh*
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, (TTH-1552) *nh*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *nh*



Phan Thanh Duy

Phan Thanh Duy